**CHUYÊN GIA LUYỆN THI**

**MEGABOOK**

**<*Chuẩn theo cấu trúc của bộ*>**

**Mã đề: 01**

**ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA**

**NĂM HỌC 2018 – 2019**

**Môn: Địa lí**

*Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề*

**Câu 1:** Frồng ôn đới (FP) là trong hình thành do sự tiếp xúc của hai khối khí

**A.** địa cực và ôn đới. **B.** địa cực lục địa và địa cực hải dương.

**C.** ôn đới lục địa và ôn đới hải dương. **D.** ôn đới và chí tuyến.

**Câu 2:** Một trong những yếu tố quan trọng khiến khí hậu nước ta không khô hạn như các nước cùng vĩ độ

ở Tây Á, Tây Phi là

**A.** gió mùa. **B.** gió Mậu dịch. **C.** gió đất, gió biển. **D.** gió Tây ôn đới.

**Câu 3:** Đâu là sự chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ khu vực I?

**A.** Các ngành trồng cây lương thực, chăn nuôi tăng dần tỉ trọng.

**B.** Các ngành thủy sản, chăn nuôi, trồng cây công nghiệp tăng dần tỉ trọng.

**C.** Ngành trồng cây công nghiệp, cây lương thực nhường chỗ cho chăn nuôi, thủy sản.

**D.** Tăng cường độc canh cây lúa, đa dạng hóa cây trồng đặc biệt là cây công nghiệp.

**Câu 4:** Với khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình năm trên 23°C và lượng mưa trên : 1000 mm,rất thuận lợi cho nước ta

**A.** phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới.

**B.** trồng các loại cây cận nhiệt đới.

**C.** trồng các loại cây công nghiệp nhiệt đới.

**D.** có nhiều đồng cỏ rộng lớn để phát triển chăn nuôi.

**Câu 5:** Đặc điểm đất của Đồng bằng sông Hồng là gì?

**A.** Đất phù sa được bồi đắp hằng năm. **B.** Đất nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông.

**C.** Đất phù sa không được bồi đắp hằng năm. **D.** Đất badan chiếm diện tích lớn nhất.

**Câu 6:** Biển Đông là biển nằm trong vùng khí hậu nào?

**A.** Khí hậu xích đạo. **B.** Khí hậu cận xích đạo.

**C.** Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. **D.** Khí hậu cận nhiệt.

**Câu 7:** Ngoại lực là

**A.** những lực sinh ra trong lớp manti.

**B.** những lực được sinh ra ở bên ngoài, trên bề mặt đất.

**C.** những lực được sinh ra từ tầng badan của lớp vỏ Trái Đất.

**D.** những lực sinh ra trong lớp lõi của Trái Đất.

**Câu 8:** Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 9 xác định khu vực nào sau đây không chịu ảnh hưởng có

gió Tây khô nóng?

**A.** Tây Bắc. **B.** Bắc Trung Bộ.

**C.** duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 9:** Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 10 xác định cửa sông của sông Thu Bồn đổ ra Biển Đông có

tên là gì?

**A.** Ba Lạt. **B.** Cửa Đại. **C.** Cửa Tùng. **D.** Cửa Việt.

**Câu 10:** Theo thuyết kiến tạo mảng, dãy Himalaya được hình thành do **A.** mảng Ấn Độ-Ôxtrâylia xô vào mảng Thái Bình Dương.

**B.** mảng Thái Bình Dương xô vào mảng Âu-Á.

**C.** mảng Ấn Độ-Ôxtrâylia xô vào mảng Âu-Á.

**D.** mảng Phi xô vào mảng Âu – Á.

**Câu 11:** Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 15 xác định đô thị nào sau đây thuộc phân cấp đô thị loại1?

**A.** Hạ Long. **B.** Nha Trang. **C.** Đà Nẵng. **D.** Quy Nhơn.

**Câu 12:** Khối khí lạnh di chuyển về phía đông, qua biển nước ta gây nên thời tiết lạnh, ẩm, mưa phùn cho

vùng:

**A.** đồng bằng Bắc Bộ. **B.** duyên hải Nam Trung Bộ.

**C.** Đông Nam Bộ. **D.** cả nước.

**Câu 13:** Điểm tương đồng về đặc điểm của vùng núi tây bắc và Trường Sơn Bắc là?

**A.** hướng tây bắc-đông nam. **B.** hướng đông nam-tây bắc.

**C.** hướng bắc – đông bắc. **D.** hướng vòng cung.

**Câu 14:** Câu nào sau đây không đúng khi nói về đặc điểm sông ngòi của Việt Nam?

**A.** Mật độ sông ngòi dày đặc.

**B.** Lượng nước phong phú, phân hoá theo mùa.

**C.** Nguồn thuỷ năng lớn.

**D.** Dòng chảy theo hướng bắc- nam.

**Câu 15:** Phần lớn lãnh thổ châu Phi có cảnh quan

**A.** rừng xích đạo, rừng nhiệt đới ẩm và nhiệt đới khô.

**B.** hoang mạc, bán hoang mạc và cận nhiệt đới khô.

**C.** hoang mạc, bán hoang mạc và xavan.

**D.** rừng xích đạo, cận nhiệt đới khô và xavan.

**Câu 16:** Dân số nước ta trung bình mỗi năm tăng thêm 1 triệu người đã gây ra khó khăn gì trong việc

phát triển kinh tế - xã hội?

**A.** Tiếp thu khoa học kĩ thuật hiện đại. **B.** Chuyển dịch cơ cấu lao động.

**C.** Giải quyết vấn đề việc làm. **D.** Thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 17:** Để mở rộng xuất khẩu chúng ta cần

**A.** đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội.

**B.** ban hành và hoàn thiện hệ thống luật pháp.

**C.** tạo nên các mặt hàng chủ lực và các thị trường trọng điểm.

**D.** xây dựng đội ngũ cán bộ kĩ thuật và quản lí có trình độ thấp.

**Câu 18:** Mức bình quân lương thực theo đầu người của Đồng bằng sông Hồng vẫn còn thấp hơn mứcbình quân của cả nước là do

**A.** khí hậu khôngthuận lợi cho sản xuất lương thực.

**B.** năng suất các loại cây lương thực chưa cao.

**C.** Có người nông dân còn thiếu kinh nghiệm trong sản xuất.

**D.** dân đông, diện tích đất canh tác bình quân đầu người thấp.

**Câu 19:** Trở ngại lớn nhất đối với sản xuất và đời sống ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** sự xâm nhập mặn vào đất liền. **B.** bão, lũ thường xuyên.

**C.** đất nghèo phù sa. **D.** khí hậu có mùa đông lạnh.

**Câu 20:** Duyên hải Nam Trung Bộ có ngành nuôi trồng thuỷ sản phát triển là nhờ

**A.** gần các ngư trường lớn. **B.** có nhiều vụng, đầm phá.

**C.** nhiều sông suối, kênh rạch. **D.** đường bờ biển dài.

**Câu 21:** Tài nguyên khoáng sản có trữ lượng đáng kể nhất ở vùng Tây Nguyên là

**A.** than. **B.** bôxit. **C.** sắt. **D.** mangan.

**Câu 22:** Miền núi tây bắc tuy gió mùa mùa đông ảnh hưởng yếu hơn nhưng vẫn có mùa đông lạnh là vì

**A.** cách biển một khoảng cách khá xa. **B.** địa hình cao.

**C.** rừng chiếm diện tích lớn. **D.** có nhiều cao nguyên rộng.

**Câu 23:** Trong những năm gần đây, khu vực nổi lên là nơi có nhiều trang trại nuôi trồng thuỷ sản nhất là

**A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**C.** Duyên hải miền Trung. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 24:** Dân số Hoa Kì tăng nhanh một phần quan trọng là do

**A.** nhập cư. **B.** tỉ suất sinh cao.

**C.** tỉ suất gia tăng tự nhiên. **D.** tuổi thọ trung bình tăng cao.

**Câu 25:** So với Đông Nam Bộ, Tây Nguyên có phần hạn chế trong việc hình thành vùng chuyên canh câycông nghiệp vì sao?

**A.** Sự kém màu mỡ của đất đai và hạn chế nguồn nước.

**B.** Địa hình cao hơn.

**C.** Đất đai kém màu mỡ hơn.

**D.** Trình độ dân trí thấp hơn.

**Câu 26:** Đường hầm giao thông dưới biển Măng-xơ nối liền nước Anh với châu Âu tại bờ biển của

**A.** Hà Lan. **B.** Đan Mạch. **C.** Pháp. **D.** Tây Ban Nha.

**Câu 27:**

BÌNH QUÂN LƯƠNG THỰC TRÊN ĐẦU NGƯỜI CỦA CẢ NƯỚC VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | *(Đơn vị: kg/người)* | |
|  |  |  |  |  |  |
| **Năm** | **1990** | **1995** | **2000** | **2005** |  |
|  |  |  |  |  |  |
| Cả nước | 363 | 432 | 435 | 471 |  |
|  |  |  |  |  |  |
| ĐBSCL | 831 | 1009 | 974 | 1005 |  |
|  |  |  |  |  |  |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam) Qua bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây là đúng?* **A.** Bình quân lương thực đầu người của ĐBSCL thấp hơn bình quân lương thực của cả nước. **B.** Bình quân lương thực của cả nước trong những năm gần đây giảm mạnh.

**C.** Bình quân lương thực của ĐBSCL cao nhất cả nước, gấp 2,1 lần cả nước năm 2005.

**D.** Bình quân lương thực của ĐBSCL tăng đều trong những năm gần đây.

**Câu 28:** SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC MỘT SỐ VÙNG TỪ NĂM 1995 ĐẾN NĂM 2015

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vùng** | **1995** | **2000** | **2005** | **2010** | **2015** |
|  |  |  |  |  |  |
| Cả nước | 24.963,7 | 32.529,51 | 35.832,9 | 40.005,6 | 45.215,6 |
|  |  |  |  |  |  |
| Đồng bằng sông Hồng | 5.207,1 | 6.762,6 | 6.398,4 | 6.805,4 | 6.734,5 |
|  |  |  |  |  |  |
| Trung du và miền núi phía bắc | 1.669,8 | 2.292,6 | 2.864,6 | 3.087,8 | 3.334,4 |
|  |  |  |  |  |  |
| Bắc Trung Bộ và Duyên hải | 3.890,2 | 4.972,8 | 5.342,5 | 6.152,0 | 6.860,5 |
| miền Trung |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| Tây Nguyên | 429,5 | 586,8 | 717,3 | 1.042,1 | 1.213,3 |
|  |  |  |  |  |  |
| Đông Nam Bộ | 935,4 | 1.212,0 | 1.211,6 | 1.322,7 | 1.373,2 |
|  |  |  |  |  |  |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 12.831,7 | 16,702,7 | 19.298,5 | 21,595,6 | 25.699,7 |
|  |  |  |  |  |  |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam)*

Qua bảng số liệu trên, nhận định nào dưới đây là sai?

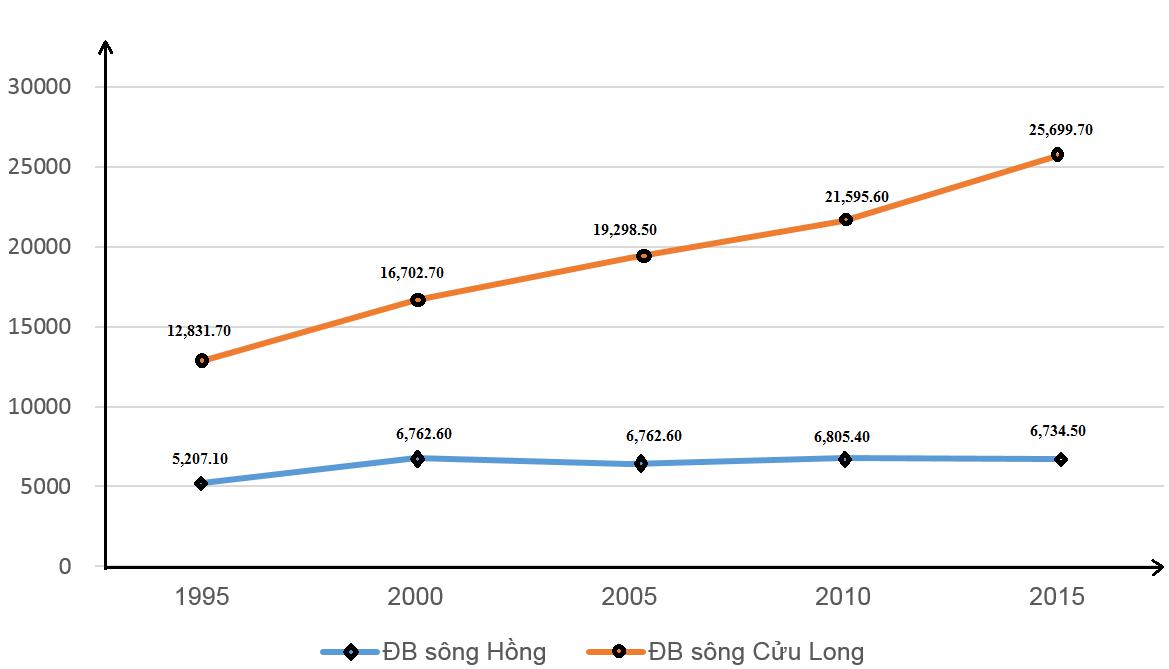
**A.** Sản lượng lương thực của cả nước tăng đều qua các năm.

**B.** Đồng bằng sông Cửu Long là nơi có sản lượng lương thực cao nhất cả nước năm 2015.

**C.** Sản lượng lương thực thấp nhất là khu vực Tây Nguyên.

**D.** Đồng bằng sông Hồng có sản lượng lương thực giảm từ năm 1995 đến năm 2015.

**Câu 29:** Cho biểu đồ sau:



*(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam, 2015)*

SẢN LƯỢNG LÚA CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

(NGHÌN TẤN)

Biểu đồ trên thể hiện nội dung gì của đối tượng?

**A.** Thể hiện quy mô.

**B.** Thể hiện cơ cấu.

**C.** Thể hiện sự thay đổi.

**D.** Thể hiện sự chuyển dịch cơ 3 sản lượng lúa.

**Câu 30:** Trong thời gian từ năm 1950 đến năm 1973, nền kinh tế Nhật Bản phát triển với tốc độ cao nhấtvào giai đoạn nào?

**A.** 1950 - 1954. **B.** 1955 - 1959. **C.** 1960 - 1964. **D.** 1965 - 1973.

**Câu 31:** Nhận xét nào đúng về đặc điểm đường biên giới với các nước trên đất liền của Trung Quốc?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Chủ yếu là núi cao và hoang mạc. | | **B.** Chủ yếu là đồi núi thấp và đồng bằng. | |
| **C.** Chủ yếu là đồng bằng và hoang mạc. | | **D.** Chủ yếu là núi và cao nguyên. | |
| **Câu 32:** Vùng chiếm tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp cao nhất ở nước ta là: | | |  |
| **A.** Đồng bằng sông Hồng. |  | **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ. | |
| **C.** đông nam Bộ. |  | **D.** Đồng bằng sông Cửu Long. | |
| **Câu 33:** Khó khăn lớn nhất của việc khai thác thuỷ điện của nước ta là | | |  |
| **A.** sông ngòi ngắn dốc, tiềm năng thuỷ điện thấp. | |  |  |
| **B.** miền núi và Trung du cơ sở hạ tầng còn yếu. | |  |  |
| **C.** sự phân mùa của khí hậu làm lượng nước không đều. | | |  |
| **D.** sông ngòi của nước ta có lưu lượng nhỏ. | |  |  |
| **Câu 34:** Sa Huỳnh là nơi nổi tiếng nước ta với sản phẩm | |  |  |
| **A.** muối. | **B.** nước mắm. | **C.** chè. | **D.** đồ hộp. |
| **Câu 35:** Nguyên nhân chính gây ra lũ ống, lũ quét ở tây bắc là do | | |  |
| **A.** địa hình núi cao, cắt xẻ mạnh. | | **B.** mạng lưới sông hình cánh quạt. | |
| **C.** lớp phủ thực vật bị tàn phá mạnh. | | **D.** mùa mưa phân hoá theo mùa. | |

**Câu 36:** Trung du miền núi phía bắc có nguồn thuỷ năng rất lớn là do

**A.** địa hình núi cao, phân tầng.

**B.** địa hình dốc, nhiều thác ghềnh, lưu lượng nước lớn.

**C.** nhiều sông ngòi, lượng mưa lớn.

**D.** địa hình dốc, sống phân mùa.

**Câu 37:** Xu hướng chung của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo chiều hướng tích cực của Đồng . bằngsông Hồng là

**A.** tăng tỉ trọng khu vực I, giảm tỉ trọng khu vực II và III.

**B.** tăng tỉ trọng khu vực I và II, giảm tỉ trọng khu vực III.

**C.** giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II và III.

**D.** giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II, giảm tỉ trọng khu vực III.

**Câu 38:** Nhận định nào sau đây là chưa hợp lí trước khi xây dựng các vùng kinh tế trọng điểm? **A.** Không thể đầu tư phát triển kinh tế đồng đều cho tất cả các vùng lãnh thổ.

**B.** Ưu tiên đầu tư vào những vùng có tiềm lực kinh tế, từ đó tạo ra sự phát triển lan toả sang các vùngkhác.

**C.** Vẫn còn tồn tại những vùng trong tình trạng chậm phát triển hoặc trì trệ.

**D.** Khi tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt ở mức độ cao, yêu cầu phải có trọng điểm đầu tư phát triển. **Câu 39:** Đất badan chiếm tỉ lệ diện tích bao nhiêu trong vùng Đông Nam Bộ?

**A.** 30%. **B.** 40%. **C.** 50%. **D.** 60%.

**Câu 40:** Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP THEO GIÁ THỰC TẾ PHÂN THEO NGÀNH CỦA NƯỚC TA *(Đơn vị: tỉ đồng)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **CN khai thác** | **CN chế biến** | **CN SX-PP điện, khí đốt,** | **Tổng** |
|  |  |  | **nước** |  |
|  |  |  |  |  |
| 1996 | 20688 | 119438 | 9306 | 149432 |
|  |  |  |  |  |
| 1999 | 362191 | 195579 | 14030 | 245828 |
|  |  |  |  |  |
| 2000 | 53035 | 264459 | 18606 | 336100 |
|  |  |  |  |  |
| 2004 | 103815 | 657115 | 48028 | 808958 |
|  |  |  |  |  |
| 2005 | 110949 | 824718 | 55382 | 991049 |
|  |  |  |  |  |

*(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam, 2015)*

Biểu đồ nào thích hợp nhất thể hiện được sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất phân theo ngành của

nước ta giai đoạn trên?

**A.** Biểu đồ cột.

**B.** Biểu độ đường.

**C.** Biều đồ tròn.

**D.** Biểu đồ miền.

**----------- HẾT ----------**

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1-D** | **2-A** | **3-B** | **4-A** | **5-C** | **6-C** | **7-B** | **8-D** | **9-B** | **10-C** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **11-C** | **12-A** | **13-A** | **14-D** | **15-C** | **16-C** | **17-C** | **18-D** | **19-A** | **20-B** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **21-B** | **22-B** | **23-B** | **24-A** | **25-D** | **26-C** | **27-C** | **28-D** | **29-C** | **30-A** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **31-A** | **32-C** | **33-C** | **34-A** | **35-C** | **36-B** | **37-C** | **38-D** | **39-B** | **40-D** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**

**Câu 1: D**

Frồng là bề mặt ngăn cách giữa hai khối khí khác nhau về hướng và nhiệt độ. Mỗi bán cầu có 2 frồng:

* FA là frộng hình thành giữa 2 khối khí địa cực và khối khí ôn đới.
* FP là frộng hình thành giữa 2 khối khí ôn đới và chí tuyến.

**Câu 2: A**

Tuy ở cùng vĩ độ, nhưng nước ta có khí hậu nóng ẩm mưa nhiều, còn Tây Á, Tây Phi lại có khí hậu khô hạn là do vị trí nước ta nằm trong vành đai gió mùa châu Á. Gió mùa mùa hạ đi qua biển mang lại lượng mưa lớn, kết hợp với hình dạng lãnh thể kéo dài, hẹp ngang và giáp Biển Đông đã làm cho khí hậu nước ta điều hoà, mang tính hải dương.

**Câu 3: B**

Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế hiện nay là giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trong khu vực II và III.

Trong đó, khu vực I lại có xu hướng:

* Tăng tỉ trọng các ngành thuỷ sản, chăn nuôi, trồng cây công nghiệp.

**Câu 4: A**

Với khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình năm trên 23°C và lượng mưa trên 1000 mm, rất thuận lợi cho nước ta phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới.

**Câu 5: C**

Đồng bằng sông Hồng, có diện tích là 15000 km2.

Đất phù sa của Đồng bằng sông Hồng không được bồi đắp hằng năm do có để bao bọc bên ngoài. Phần ngoài để rất ít được bồi đắp hằng năm.

**Câu 6: C**

Biên Đông có diện tích là 3,477 triệu km2, với đặc điểm rộng và kín gió.

Diện tích Biển Đông của nước ta là khoảng 1 triệu km2. Biển Đông là biên năm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

**Câu 7: B**

* Ngoại lực là lực có nguồn gốc ở bên ngoài, trên bề mặt Trái Đất.
* Nguồn năng lượng sinh ra ngoại lực là nguồn năng lượng bức xạ Mặt Trời vì dưới tác dụng của Mặt Trời, đá trên bề mặt thạch quyển bị phá hủy và năng lượng của các tác nhân ngoại lực (nước chảy, gió, băng tuyết...) trực tiếp hay gián tiếp đều có liên quan đến bức xạ mặt trời.

**Câu 8: D**

Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 9 ta thấy Đồng bằng sông Cửu Long là vùng không chịu ảnh hưởng của gió Tây khô nóng.

**Câu 9: B**

Tra Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 10 xác định cửa sông của sông Thu Bồn đổ ra Biển Đông có tên là cửa Đại.

**Câu 10: C**

Himalaya là một trong những dải núi trẻ nhất trên Trái Đất và bao gồm chủ yếu là các đá trầm tích và đá biến chất được nâng lên. Theo học thuyết kiến tạo mảng, sự hình thành của nó là kết quả của sự và giữa mảng Ấn Độ - Ôxtrâylia xô vào mảng Âu – Á.

**Câu 11: C**

Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, ta thấy Đà Nẵng thuộc phân cấp đô thị loại 1.

**Câu 12: A**

Khối khí lạnh (gió mùa mùa đông) di chuyển về phía đông, qua biển tính chất từ lạnh 12 A | khi chuyển sang lạnh ẩm do được tăng ẩm từ biển. Khối khí này, thổi về nước ta gây mưa phùn vào thời kì cuối mùa đông và gây mưa phùn cho đồng bằng Bắc Bộ. .

**Câu 13: A**

Chúng ta có 4 khu vực núi:

* Vùng núi đông bắc: hướng vòng cung.
* Vùng núi tây bắc: hướng tây bắc - đông nam.
* Vùng núi Trường sơn bắc: hướng tây bắc - đông nam.
* Vùng núi Trường Sơn Nam: hướng vòng cung.

=>Điểm tương đồng về đặc điểm của vùng núi tây bắc và Trường sơn bắc là hướng núi chạy theo hướng tây bắc - đông nam.

**Câu 14: D**

Đặc điểm sông ngòi Việt Nam:

* Mạng lưới sông ngòi dày đặc.
* Lưu lượng nước lớn, sông ngòi nhiều phù sa.
* Chế độ nước phân hoá theo mùa.

=>Dòng chảy chủ yếu theo hướng bắc nam là nhận định chưa đúng khi nói về tài nguyên nước của nước ta. Bởi vì, sông ngòi nước ta chảy theo nhiều hướng khác nhau, có hướng tây bắc - đông nam, có hướng vòng cung

**Câu 15: C**

Phần lớn lãnh thổ châu Phi có khí hậu khô nóng với cảnh quan hoang mạc, bán hoang mạc và xayạn. Đây là những khó khăn lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của nhiều nước châu Phi.

**Câu 16: C**

Nước ta là một nước đông dân, đứng thứ 13 trên thế giới và đứng thứ 3 trong khu 16 C vực đông nam Á. Dân số nước ta trung bình mỗi năm tăng thêm 1 triệu người đã gây ra khó khăn trong việc giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động.

**Câu 17: C**

Các mặt hàng xuất khẩu của nước ta bao gồm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản, hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp, hàng nông, lâm, thuỷ sản. Để mở rộng xuất khẩu chúng ta cần tạo nên các mặt hàng chủ lực và các thị trường trọng điểm.

**Câu 18: D**

Mức bình quân lương thực theo đầu người của Đồng bằng sông Hồng vẫn còn thấp hơn mức bình quân của cả nước là do:

* Đồng bằng sông Hồng có số dân đông.
* Diện tích đất canh tác bình quân đầu người thấp.

**Câu 19: A**

Đồng bằng sông Cửu Long là một đồng bằng rộng lớn nhưng địa hình thấp. Bề mặt đồng bằng có hệ thống sông ngòi kênh rạch chằng chịt. Vì vậy, trở ngại lớn nhất đối với sản xuất và đời sống ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long đó chính là sự xâm ngập mặn vào đất liền. Đặc biệt vào mùa cạn, nước triều lấn mạnh làm cho gần 2/3 diện tích đồng bằng là đất phèn, đất mặn. Trong đó, vùng trũng lớn nhất là Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên.

**Câu 20: B**

Duyên hải Nam Trung Bộ, các dãy núi ăn ngang ra biển đã chia nhỏ các đồng bằng, tạo nên hàng loạt các bán đảo, vùng vịnh, bãi biển đẹp. Bờ biển có nhiều vụng, đầm phá đã tạo điều kiện cho ngành nuôi trồng thuỷ sản. Việc nuôi trồng tôm hùm, tôm sú đang được phát triển ở nhiều tỉnh, nhất là Phú Yên, Khánh Hoà.

**Câu 21: B**

Tây Nguyên là vùng có ít tài nguyên khoáng sản. Tài nguyên khoáng sản có trữ lượng đáng kể nhất ở vùng Tây Nguyên đó là bôxít có trữ lượng hàng tỉ tấn.

**Câu 22: B**

Gió mùa đông bắc thổi về, gặp dãy Hoàng Liên Sơn cao trên 2500 m như bức tường thành chắn gió mùa đông bắc, gió mùa đông bắc ảnh hưởng đến khu vực này thường đến sớm nhưng kết thúc sớm. Tuy nhiên, gió mùa mùa đông ảnh hưởng yếu hơn nhưng vẫn có mùa đông lạnh là do địa hình vùng núi tây bắc là vùng cao nhất cả nước. Càng lên cao nhiệt độ càng giảm, lên cao 100 m nhiệt độ giảm 0,6°C, vì vậy mùa đông ở đây rất lạnh.

**Câu 23: B**

Trong những năm gần đây, khu vực nổi lên là nơi có nhiều trang trại nuôi trồng thuỷ sản nhất là Đồng bằng sông Cửu Long. Đây là vùng nuôi tôm lớn nhất, nổi bật là các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Bến Tre, Trà Vinh, Kiêng Giang. Kĩ thuật nuôi tôm đi từ quảng canh sang quảng canh cải tiến, bán thâm canh và thâm canh công nghiệp.

**Câu 24: A**

Hoa Kì là đất nước của những người nhập cư. Thành phần dân cư đa dạng, 83% dân số có nguồn gốc châu Âu, châu Phi khoảng 33 triệu người. Dân cư có nguồn gốc Á, Mĩ Latinh tăng mạnh. Dân cư bản địa chỉ còn 3 triệu người.

Số người nhập cư vào Hoa Kì từ năm 1820 đến năm 2005 là hơn 60 triệu người, riêng năm 1998 có 600 nghìn người.

**Câu 25: D**

So với Đông Nam Bộ, Tây Nguyên có phần hạn chế trong việc hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp đó là do Tây Nguyên có trình độ dân trí thấp hơn vùng Đông Nam Bộ.

**Câu 26: C**

Đường hầm giao thông dưới biển Măng-xơ nối liền nước Anh với châu Âu tại bờ biển của Pháp. Đây là tuyến giao thông quan trọng ở châu Âu, vì với đường hầm này, hàng hoá có thể vận chuyển trực tiếp từ Anh sang châu Âu lục địa và ngược lại mà không cần phải trung chuyển bằng phà.

**Câu 27: C**

Quan sát bảng số liệu:

* Bình quân lương thực đầu người của ĐBSCL thấp hơn bình quân lương thực của cả nước => Sai
* Bình quân lương thực của cả nước trong những năm gần đây giảm mạnh => Sai vì nó có xu hướng tăng.
* Bình quân lương thực của ĐBSCL cao nhất cả nước, gấp 2,1 lần cả nước năm 2005.

Bình quân lương thực của ĐBSCL cao nhất cả nước, gấp 2,5 lần cả nước năm 2005.

Ta lấy 1005 : 471 = 2,1 lần.

Vậy đáp án C là đáp án đúng.

* Bình quân lương thực của ĐBSCL tăng đều trong những năm gần đây => Đúng.

**Câu 28: D**

Quan sát bảng số liệu ta thấy đáp án:

* Sản lượng lương thực của cả nước tăng đều qua các năm=>Đúng.
* Đồng bằng sông Cửu Long là nơi có sản lượng lương thực cao nhất cả nước năm 2015 => Đúng.
* Sản lượng lương thực thấp nhất là khu vực Tây Nguyên => Đúng.
* D là đáp án sai. Do Đồng bằng sông Hồng có sản lượng lương thực tăng từ năm 1995 đến năm 2015.

**Câu 29: C**

Biểu đồ đường số liệu tuyệt đối thể hiện được sự thay đổi của sản lượng lúa từ năm 1995 đến năm 2015.

**Câu 30: A**

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Nhật Bản bị suy sụp nghiêm trọng, nhưng đến năm 1952, kinh tế đã khôi phục ngang mức trước chiến tranh và phát triển tốc độ cao nhất giai đoạn 1950 - 1954 với tốc độ 18,8%.

**Câu 31: A**

Lãnh thổ Trung Quốc trải dài từ 20°B - 53B, khoảng từ 73Đ - 135°Đ và giáp với 14 nước. Biên giới với các nước chủ yếu là núi cao, hoang mạc. Phần phía đông : giáp biển, mở rộng ra Thái Bình Dương.

**Câu 32: C**

Vùng chiếm tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp cao nhất ở nước ta là Đông Nam Bộ. Giá trị sản xuất công nghiệp chiếm tới 55,6% giá trị sản xuất công nghiệp cả nước.

**Câu 33: C**

Khó khăn lớn nhất của việc khai thác thuỷ điện của nước ta là: Sự phân mùa của C khí hậu làm lượng nước không đều. Mùa lũ lượng nước nhiều, mùa cạn lượng nước sông ít việc này ảnh hưởng lớn tới sự hoạt động của các nhà máy thuỷ điện.

**Câu 34: A**

Sa Huỳnh là một địa danh thuộc địa phận hai xã Phổ Châu và Phổ Thạnh của huyện Đức Phổ, cực Nam tỉnh Quảng Ngãi. Sa Huỳnh là nơi nổi tiếng nước ta với sản phẩm: muối

**Câu 35: C**

Nguyên nhân chính gây ra lũ ống, lũ quét ở tây bắc là do lớp phủ thực vật bị tàn phá mạnh. Người dân vùng cao với tập quán sinh sống dựa vào sông suối, chặt phá rừng làm nương rẫy, các ngôi nhà cũng được dựng lên sát sông suối hoặc ngay trên sườn đồi, dưới chân các quả đồi, vách núi. Do vậy, khi cân bằng tự nhiên bị phá vỡ, thiên tại ập đến, hậu quả thường rất lớn.

**Câu 36: B**

Trung du miền núi phía bắc là khu vực có trữ năng thuỷ điện lớn. Hệ thống sông Hồng chiếm hơn 1/3 trữ năng thuỷ điện của cả nước. Trung du miền núi phía bắc có nguồn thuỷ năng rất lớn là do địa hình dốc, nhiều thác ghềnh, lưu lượng nước lớn. Việc phát triển nhà máy thuỷ điện sẽ tạo ra động lực mới cho sự phát triển của vùng, nhất là việc khai thác và chế biến khoáng sản trên cơ sở nguồn điện rẻ và dồi dào.

**Câu 37: C**

Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế có vai trò quan trọng ở Đồng bằng sông Hồng. Xu hướng chung là giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II và III trên cơ sở đảm bảo tăng trưởng kinh tế với tốc độ nhanh, hiệu quả cao gắn liền với việc giải | quyết các vấn đề xã hội và môi trường.

**Câu 38: D**

Nhận định nào sau đây là chưa hợp lí trước khi xây dựng các vùng kinh tế trọng điểm: Khi tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt ở mức độ cao, yêu cầu phải có trọng điểm đầu tư phát triển.

**Câu 39: B**

Đất badan chiếm tỉ lệ 40% diện tích bao nhiêu trong vùng Đông Nam Bộ.

**Câu 40: D**

Dựa vào bảng số liệu và yêu cầu:

* Số năm trên 4 năm.
* Yêu cầu: vẽ biểu đồ thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu. => Vẽ biểu đồ miền.

**CHUYÊN GIA LUYỆN THI**

**MEGABOOK**

**Mã đề: 02**

**ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA**

**NĂM HỌC 2018 – 2019**

**Môn: Địa lí**

*Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề*

**Câu 1:** Ở các triền núi cao, lượng mưa trung bình năm có thể đạt

**A.** từ 3500 –4000 mm. **B.** từ 2500 –3500 mm.

**C.** từ 3000 –3500 mm. **D.** từ 2000 –2500 mm.

**Câu 2:** Đâu là điểm cực Bắc của lãnh thổ Việt Nam?

**A.** Vĩ độ 23023°B tại Lũng Cú, Đồng Văn, Hà Giang.

**B.** Vĩ độ 8934B tại Đất Mũi, Ngọc Hiển, Cà Mau.

**C.** Kinh độ 102°09’Đ tại Sín Thầu, Mường Nhé, Điện Biên.

**D.** Kinh độ 109024’Đ tại Vạn Thạnh, Vạn Ninh, Khánh Hòa.

**Câu 3:** Ý nào sau đây không đúng với sự cần thiết phải đổi mới nền kinh tế nước ta?

**A.** Nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, không bảo đảm an ninh lương thực cho đất nước.

**B.** Ngành công nghiệp phát triển chậm chạm, đơn thuần chỉ sản xuất máy móc thiết bị.

**C.** Chiến tranh kéo dài đã để lại những hậu quả nặng nề.

**D.** Việc quản lý kinh tế theo hướng cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp đã làm trì trệ các ngành sảnxuất.

**Câu 4:** Vị trí địa lí nội chí tuyến của nửa cầu Bắc quy định thiên nhiên Việt Nam mang các tính chất nàosau đây?

**A.** Tính nhiệt đới. **B.** Tính ẩm.

**C.** Tính gió mùa. **D.** Tính cận xích đạo.

**Câu 5:** Hiện tượng nào dưới đây không biểu hiện cho qui luật địa đới:

**A.** Sự phân bố các vành đai nhiệt trên Trái Đất.

**B.** Các đại khí áp và các đới gió trên Trái Đất.

**C.** Các đới khí hậu trên Trái Đất.

**D.** Sự phân bố các dòng biển nóng, lạnh trên Trái Đất.

**Câu 6:** Vùng núi tây bắc nằm ở

**A.** phía đông sông Hồng.

**B.** giữa sông Hồng đến sông Cả.

**C.** từ sông Cả đến dãy Bạch Mã.

**D.** nam dãy Bạch Mã đến hết các khối núi cực Nam Trung Bộ.

**Câu 7:** Tỉ suất sinh thô là tương quan giữa số trẻ em được sinh ra trong năm so với **A.** số người trong độ tuổi sinh đẻ ở cùng thời điểm.

**B.** dân số trung bình ở cùng thời điểm.

**C.** số phụ nữ trong độ tuổi từ 18 – 40 ở cùng thời điểm.

**D.** số phụ nữ trong tổng dân số ở cùng thời điểm.

**Câu 8:** Hiện nay, rừng ngập mặn đang bị thu hẹp rất nhiều là do đâu?

**A.** Chuyển đổi thành diện tích nuôi tôm cá và do cháy rừng.

**B.** Do chặt phá rừng bừa bãi.

**C.** Ô nhiễm môi trường.

**D.** Rừng bị thoái hóa trầm trọng.

**Câu 9:** Hiện tượng cát bay, cát chảy không gây ra hậu quả nào sau đây?

**A.** Lấn chiếm ruộng vườn, làng mạc. **B.** Làm hoang mạc hóa đất đai.

**C.** Gây san lấp các cửa sông. **D.** Làm khí hậu khô nóng hơn.

**Câu 10:** Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 9 xác định khu vực nào sau đây có lượng mưa trung bìnhnăm thấp nhất?

**A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 11:** Về khí hậu, vùng Duyên hải Nam Trung Bộ khác với Bắc Trung Bộ là

**A.** mưa vào mùa thu-đông. **B.** mưa vào mùa đông.

**C.** mưa vào hè- thu. **D.** mưa vào đầu hạ.

**Câu 12:** Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 24 xác định tỉnh nào sau đây có cán cân xuất nhập khẩudương?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Hải Phòng. | **B.** Quảng Ninh. | **C.** Lào Cai. | **D.** Phú Yên. |
| **Câu 13:** Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 25 xác định đây là trung tâm du lịch quốc gia? | | | |
| **A.** Hạ Long. | **B.** Hải Phòng. | **C.** Đà Nẵng. | **D.** Nha Trang. |
| **Câu 14:** Tinh nào sau đây không thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung? | | |  |
| **A.** Quảng Nam. | **B.** Quảng Ngãi. | **C.** Bình Định. | **D.** Thanh Hoá. |
| **Câu 15:** Mĩ La tinh có điều kiện thuận lợi để phát triển. | |  |  |
| **A.** cây lương thực, cây công nghiệp nhiệt đới, chăn nuôi gia súc nhỏ. | | |  |
| **B.** cây công nghiệp, cây ăn quả nhiệt đới, chăn nuôi gia súc. | | |  |
| **C.** cây lương thực, cây ăn quả nhiệt đới, chăn nuôi gia súc nhỏ. | | |  |
| **D.** cây công nghiệp, cây lương thực, chăn nuôi gia đại gia súc. | | |  |
| **Câu 16:** Miền Bắc nước ta có thời tiết lạnh, ẩm vào nửa sau của mùa đông là do | | |  |
| **A.** khối khí lạnh di chuyển về phía đông qua biển vào nước ta. | | |  |
| **B.** khối khí lạnh đi qua lục địa Trung Quốc. | |  |  |
| **C.** khối khí lạnh suy yếu dần khi vào miền Bắc nước ta. | | |  |
| **D.** khối khí lạnh xuất phát từ áp cao cận chí tuyến nửa cầu Nam. | | |  |
| **Câu 17:** Nhận xét nào không đúng về Hoa Kì? | |  |  |
| **A.** Quốc gia rộng lớn nhất thế giới. | |  |  |
| **B.** Có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú. | |  |  |
| **C.** Dân cư được hình thành chủ yếu do quá trình nhập cư. | | |  |
| **D.** Nền kinh tế phát triển mạnh nhất thế giới. | |  |  |
| **Câu 18:** Kinh tế EU phụ thuộc nhiều vào hoạt động gì? | |  |  |
| **A.** Hoạt động sản xuất công nghiệp. | |  |  |
| **B.** Hoạt động xuất, nhập khẩu. | |  |  |
| **C.** Hoạt động tài chính. |  |  |  |
| **D.** Hoạt động sản xuất nông nghiệp. | |  |  |
| **Câu 19:** Ở Tây Nguyên, cao su được trồng | |  |  |
| **A.** trên các cao nguyên thấp, kín gió. | |  |  |
| **B.** trên các cao nguyên cao, nhiệt độ thấp. | |  |  |
| **C.** ở tất cả các tỉnh. |  |  |  |
| **D.** trồng chủ yếu ở Gia Lai, Đắk Lắk. | |  |  |
| **Câu 20:** Nơi điển hình về sức ép dân số đối với việc sử dụng đất ở nước ta là | | |  |
| **A.** Đồng bằng sông Cửu Long. | | **B.** Đông Nam Bộ. |  |
| **C.** Bắc Trung Bộ. |  | **D.** Đồng bằng sông Hồng. |  |

**Câu 21:** Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá hiện đại hoá ở nước ta không chịutác động bởi yếu tố nào sau đây?

**A.** Xu hướng toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới.

**B.** Cuộc cách mạng khoa học-kĩ thuật hiện đại.

**C.** Chính sách mở cửa nền kinh tế.

**D.** Tài nguyên thiên nhiên suy giảm nghiêm trọng.

**Câu 22:** Vùng có năng suất lúa dẫn đầu cả nước ta hiện nay là

**A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**C.** Đồng bằng Duyên hải miền Trung. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 23:** Liên bang Nga là nước có tới trên 100 dân tộc trong đó dân tộc Nga chiếm

**A.** 60% dân số cả nước. **B.** 78% dân số cả nước.

**C.** 80% dân số cả nước. **D.** 87% dân số cả nước.

**Câu 24:** Đặc điểm nào sau đây không phản ánh đúng bản chất của các ngành công nghiệp trọng điểmnước ta?

**A.** Có thế mạnh lâu dài.

**B.** Mang lại hiệu quả kinh tế cao.

**C.** Có tác động mạnh mẽ đến cách ngành khác.

**D.** Luôn đòi hỏi công nghệ cao.

**Câu 25:** Hoạt động công nghiệp ở Bắc Bộ tập trung chủ yếu ở khu vực nào?

**A.** Dọc theo các tỉnh ven vịnh Bắc Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng và phụ cận.

**C.** Gần các thành phố cảng Hải Phòng. **D.** Tả ngạn lưu vực sông Hồng.

**Câu 26:** Vùng chuyên môn hoá về lương thực, thực phẩm lớn nhất ở nước ta là:

**A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Đông Nam Bộ.

**C.** Tây Nguyên. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 29:** Điều nào sau đây không phải là cơ sở để hình thành cơ cấu nông-lâm-ngư nghiệp ở vùng duyênhải miền Trung?

**A.** Chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa đông bắc.

**B.** Tất cả các tỉnh đều giáp biên.

**C.** Đồng bằng nhỏ hẹp ven biển.

**D.** Có vùng đồi núi thấp phía tây.

**Câu 30:** Việc khai thác tài nguyên khoáng sản ở vùng Trung du và miền núi phía bắc gặp nhiều khó khăndo

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **A.** kết cấu hạ tầng chưa phát triển. | | |  | **B.** khoáng sản tập trung ít. | | |  |
|  | **C.** khí hậu có mùa đông lạnh. | |  |  | **D.** dân cư quá thưa thớt. | | |  |
| **Câu 31:** Vùng kinh tế duy nhất không giáp biển ở nước ta là | | | | | | |  |  |
|  | **A.** Trung du miền núi phía bắc. | |  |  | **B.** Tây Nguyên. | |  |  |
|  | **C.** Đông Nam Bộ. | |  |  | **D.** Đồng bằng sông Hồng. | | |  |
| **Câu 32:** Cho bảng số liệu sau? | | |  |  |  |  |  |  |
| SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NĂM 1995 - 2015 | | | | | | |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tên sản phẩm** |  | **1995** | **2000** |  | **2005** | **2010** | **2015** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Than sạch (*Nghìn tấn*) |  | 8.350,0 | 11.609,0 |  | 34.093,0 | 44.835,0 | 41.484,0 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Dầu thô khai thác (*Nghìn tấn*) |  | 7.620,0 | 16,291,00 |  | 18.519,01 | 15.014,0 | 18.746,0 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Khí tự nhiên ở dạng khí (*Nhà* ... | 1. 596,0 | 6.440,0 | 9.402,0 | 10.660,0 |

*nước*) (*Triệu m3*)

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam)*

Qua bảng số liệu trên, nhận xét nào dưới đây là đúng?

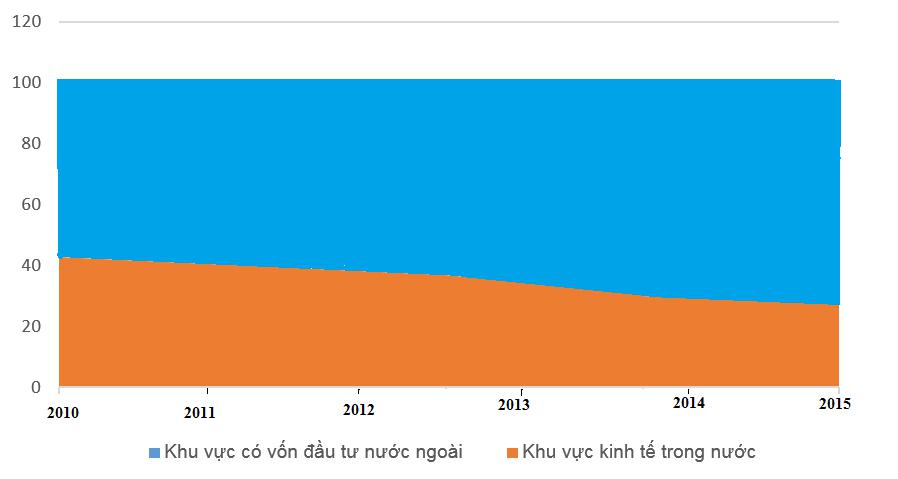
**A.** Sản lượng dầu thô khai thác từ năm 1995 đến năm 2015 tăng 2,3 lần.

**B.** Sản lượng than sạch tăng nhanh hơn sản lượng dầu thô.

**C.** Sản lượng khí tự nhiên tăng không đều theo các năm.

**D.** Sản lượng than sạch tăng liên tục từ năm 1995 –2015.

**Câu 33:** Cho biểu đồ sau:



CẤU GIÁ TRỊ CUẬT KHẨU HÀNG HÓA PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ (%) Qua biểu đồ trên nhận xét nào sau đây là đúng?

**A.** Cơ cấu giá trị sản xuất của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực kinh tế trong nước có tỉtrọng ngày càng tăng.

**B.** Từ năm 2010 đến năm 2015, cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hoá có xu hướng chuyển dịchtăng tỉ trọng khu vực kinh tế trong nước, giảm tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. **C.** Từ năm 2010 đến năm 2015, cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hoá có xu hướng chuyển dịchgiảm tỉ trọng khu vực kinh tế trong nước, tăng tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

**D.** Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có tỉ trọng giá trị xuất khẩu giảm từ năm 2010 đến năm 2015. **Câu 34:** Ngành công nghiệp nào được coi là ngành mũi nhọn của nền công nghiệp Nhật Bản?

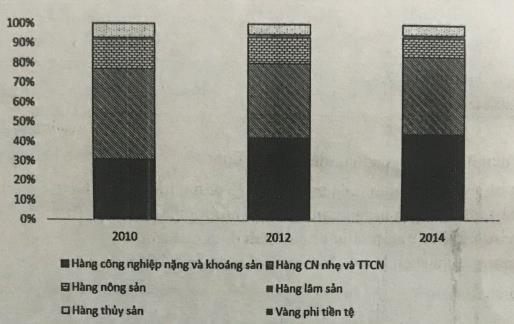
**A.** Công nghiệp chế tạo máy.

**B.** Công nghiệp sản xuất điện tử.

**C.** Công nghiệp xây dựng và công trình công cộng.

**D.** Công nghiệp dệt, sợi vải các loại.

**Câu 35:** Cho biểu đồ sau:



GIÁ TRỊ CUẤT KHẨU MỘT SỐ SẢN PHẨM

Biểu đồ trên thể hiện đúng nhất đặc tính nào của đối tượng?

**A.** Thể hiện sự phát triển của các sản phẩm xuất khẩu.

**B.** Thể hiện cơ cấu giá trị sản phẩm xuất khẩu.

**C.** Thể hiện tốc độ tăng trưởng của giá trị sản phẩm xuất khẩu, **D.** Thể hiện cán cân của giá trị sản phẩm xuất khẩu.

**Câu 36:** Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU LAO ĐỘNG CÓ VIỆC LÀM PHÂN THEO TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN KĨ THUẬT, NĂM 1996, 2005 (%)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trình độ** | **1996** | **2005** |
|  |  |  |
| Đã qua đào tạo | 12,3 | 25 |
|  |  |  |
| Chưa qua đào tạo | 87,7 | 75,5 |
|  |  |  |

(*Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam)*

Để thể hiện cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn kĩ thuật năm 1996 và năm 2005, biểu đồ nào thích

hợp trong những biểu đồ sau?

**A.** Biểu đồ miền **B.** Biểu đồ cột **C.** Biểu đồ tròn **D.** Biểu đồ đường

**Câu 37:** Nơi có diện tích chè lớn nhất nước ta là:

**A.** Bắc Trung Bộ **B.** Trung du miền núi phía bắc.

**C.** Duyên hải miềnTrung **D.** Tây Nguyên

**Câu 38:** Dạng địa hình ven biển có giá trị về mặt kinh tế và du lịch là

**A.** địa hình tam giác châu. **B.** vũng, vịnh nước sâu.

**C.** cửa sông. **D.** thung lũng sông.

**Câu 39:** Đồng bằng sông Cửu Long bị ngập úng mạnh vì

**A.** có đế bao bọc. **B.** bề mặt địa hình có nhiều ổ trũng.

**C.** mưa vào mùa hạ. **D.** mực nước thuỷ triều cao.

**Câu 40:** Vùng tập trung nhiều nhất đất phù sa ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long là

**A.** vùng hạ châu thổ và rìa châu thổ.

**B.** dọc hai bên sông Tiền và sông Hậu.

**C.** dọc theo vùng Duyên hải ven Biển Đông và vịnh Thái Lan.

**D.** vùng Đồng Tháp Mười và bán đảo Cà Mau.

**----------- HẾT ----------**

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1-A** | **2-A** | **3-B** | **4-A** | **5-D** | **6-B** | **7-A** | **8-A** | **9-C** | **10-D** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **11-A** | **12-B** | **13-C** | **14-D** | **15-B** | **16-A** | **17-A** | **18-B** | **19-D** | **20-D** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **21-D** | **22-A** | **23-C** | **24-D** | **25-B** | **26-D** | **27-A** | **28-A** | **29-A** | **30-A** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **31-B** | **32-B** | **33-C** | **34-B** | **35-B** | **36-C** | **37-B** | **38-B** | **39-D** | **40-B** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**

**Câu 1: A**

Lượng mưa trung bình năm của nước ta là từ 1500 - 2000 mm/năm. Ở những sườn núi đón gió biển và các khối núi cao, lượng mưa trung bình năm có thể lên đến 3500 - 4000 mm/năm.

**Câu 2: A**

Điểm cực Bắc của lãnh thổ Việt Nam là:

Vĩ độ 23023°B tại Lũng Cú, Đồng Văn, Hà Giang.

**Câu 3: B**

* không đúng với sự cần thiết phải đổi mới nền kinh tế nước ta là: Ngành công nghiệp phát triển chậm chạm, đơn thuần chỉ sản xuất máy móc thiết bị.

**Câu 4: A**

Vị trí địa lí nội chí tuyến của nửa cầu Bắc quy định thiên nhiên Việt Nam mang các tính chất nhiệt đới, do nhận được lượng nhiệt và lượng bức xạ lớn.

**Câu 5: D**

Biểu hiện quy luật địa đới có 4 biểu hiện chính: - Sự phân bố các vành đai nhiệt trên Trái Đất. - Các đại khí áp và các đới gió trên Trái Đất.

- Các đới khí hậu trên Trái Đất.

- Các nhóm đất và các thảm thực vật.

**Câu 6: B**

Chúng ta có 4 khu vực núi:

- Giới hạn của vùng núi đông bắc: phía đông thung lũng sông Hồng.

- Giới hạn của vùng núi tây bắc: nằm ở giữa sông Hồng đến sông Cả.

- Giới hạn của vùng núi Trường Sơn Bắc: phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã.

* Giới hạn của vùng núi Trường Sơn Nam: phía nam dãy Bạch Mã.

**Câu 7: A**

Tỉ suất sinh thổ là tương quan giữa số trẻ em sinh ra trong năm với dân số trung bình ở cùng thời điểm..

**Câu 8: A**

Hệ sinh thái rừng ngập mặn của nước ta có diện tích 450 nghìn ha, lớn thứ 2 trên thế giới sau rừng Amazôn. Hiện nay, rừng ngập mặn đang bị thu hẹp rất nhiều là Hài 9 do chuyển đổi thành diện tích nuôi tôm cá và do cháy rừng.

**Câu 9: C**

Hiện tượng cát bay, cát chảy không gây ra hậu quả đó là làm san lấp các cửa sông.

**Câu 10: D**

Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, ta thấy vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có lượng mưa trung bình năm thấp nhất.

**Câu 11: A**

Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là vùng duy nhất ở nước ta có mưa vào thời kì thu - đông do ảnh hưởng của dải hội tụ nhiệt đới, bão trong thời gian này.

**Câu 12: B**

Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam thương mại trang 24, ta thấy tỉnh Quảng Ninh là tỉnh có cán cân xuất nhập khẩu dương. Cán cân xuất nhập khẩu bằng giá trị xuất khẩu trừ giá trị nhập khẩu. Do Quảng Ninh có giá trị xuất khẩu cao hơn giá trị nhập khẩu nên có cán cân dương.

**Câu 13: C**

Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 25, ta thấy trung tâm du lịch quốc gia chính là Đà Nẵng.

**Câu 14: D**

Tỉnh không nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung là tỉnh Thanh Hoá. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung có những tỉnh sau: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định.

**Câu 15: B**

Mĩ La tinh có nhiều tài nguyên khoáng sản. Tài nguyên đất, khí hậu thuận lợi cho phát triển rừng, chăn nuôi gia súc, trồng cây công nghiệp và cây ăn quả nhiệt đới.

**Câu 16: A**

Miền Bắc nước ta có thời tiết lạnh, ẩm vào nửa sau của mùa đông là do khối khí lạnh di chuyển về phía đông qua biển vào nước ta được tăng ẩm nên có tính chất lạnh và ẩm vào cuối mùa đông.

**Câu 17: A**

Hoa Kì không phải là quốc gia rộng lớn nhất trên thế giới. Quốc gia có diện tích rộng lớn nhất thế giới là

Liên bang Nga với 17,1 triệu km2

**Câu 18: B**

Kinh tế của EU phụ thuộc nhiều vào hoạt động xuất, nhập khẩu. Các nước thuộc EU đã dỡ bỏ hàng rào thuế quan trong buôn bán với nhau và có chung một mức thuế trong quan hệ thương mại với các nước ngoài EU.

**Câu 19: D**

Tây Nguyên là vùng trồng cao su đứng thứ hai, sau Đông Nam Bộ. Cao su được trồng chủ yếu ở các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk.

**Câu 20: D**

Nơi điển hình về sức ép dân số đối với việc sử dụng đất ở nước ta là khu vực Đồng bằng sông Hồng. Đây là khu vực có mật độ dân số cao nhất trong các vùng ở nước ta.

**Câu 21: D**

Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá hiện đại hoá ở nước ta không chịu tác động bởi yếu tố tài nguyên nước ta đang bị suy giảm nghiêm trọng.

**Câu 22: A**

Vùng Đồng bằng sông Hồng là vùng sản xuất lương thực lớn thứ hai và là vùng có năng suất lúa dẫn đầu cả nước ta hiện nay.

**Câu 23: C**

Liên bang Nga là nước có nhiều dân tộc (hơn 100 dân tộc), 80% dân số là người 23 C Nga. Ngoài ra, còn có người Tác-ta, Chu-vát... họ sống trong các nước, các khu vực ngự trị nằm phân tán trên lãnh thổ Liên bang Nga.

**Câu 24: D**

Ngành công nghiệp trọng điểm là ngành:

* Có thế mạnh lâu dài.
* Mang lại hiệu quả kinh tế cao.
* Tác động mạnh đến các ngành kinh tế khác.

**Câu 25: B**

Hoạt động công nghiệp ở Bắc Bộ tập trung chủ yếu ở khu vực Đồng bằng sông Hồng và phụ cận.

**Câu 26: D**

Vùng chuyên môn hoá về lương thực, thực phẩm lớn nhất ở nước ta là: vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 27: A**

Công nghiệp là ngành xương sống của nền kinh tế Liên bang Nga. Cơ cấu công nghiệp ngày càng đa dạng, bao gồm các ngành công nghiệp truyền thống và các ngành công nghiệp hiện đại.

**Câu 28: A**

Bốn đảo lớn nhất của Nhật Bản theo thứ tự từ bắc xuống nam là: Hộ-cai-đô;

Hôn-su; Xi-cô-cư; Kiu-xiu.

**Câu 29: A**

Yếu tố không phải là cơ sở để hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp ở vùng Duyên hải miền Trung đó là khu vực này chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa đông bắc. Đây là khu vực mà gió mùa đông bắc đã suy yếu.

**Câu 30: A**

Việc khai thác tài nguyên khoáng sản ở vùng Trung du và miền núi phía bắc gặp nhiều khó khăn do khu vực này có kết cấu hạ tầng chưa phát triển, hệ thống giao 3thông đi lại giữa các vùng còn nhiều khó khăn. Điều này đã ảnh hưởng lớn đến việc khai thác khoáng sản ở vùng Trung du và miền núi phía bắc.

**Câu 31: B**

Tây Nguyên là khu vực duy nhất trong 7 vùng kinh tế của nước ta không giáp biển.

**Câu 32: B**

Qua bảng số liệu trên ta thấy rằng:

- Sản lượng dầu thô từ năm 2015 đến năm 1995 tăng: 41484-8350=5 lần, trong khi đáp án A là 2,3 lần là sai.

- Sản lượng dầu thô từ năm 2015 đến 1995 là: 2,5 lần -> sản lượng than sạch tăng nhanh hơn sản lượng dầu thô là đúng.

- Hai đáp án còn lại đều sai do sản lượng khí tự nhiên tăng liên tục và sản lượng than sạch tăng không liên tục qua các năm.

**Câu 33: C**

Qua biểu đồ trên nhận xét: Từ năm 2010 đến năm 2015, cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hoá có xu hướng chuyển dịch giảm tỉ trọng khu vực kinh tế trong nước, tăng tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 34: B**

Ngành công nghiệp được coi là ngành mũi nhọn của nền công nghiệp Nhật Bản là ngành công nghiệp sản suất điện tử.

**Câu 35: B**

Đây là biểu đồ cột trồng tương đối (đơn vị %), với biểu đồ này đối tượng sẽ thể hiện được cơ cấu giá trị sản phẩm xuất khẩu.

**Câu 36: C**

Để thể hiện cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn kĩ thuật năm 1996 và năm 2005, |biểu đồ thích hợp nhất là biểu đồ tròn.

**Câu 37: B**

Chè được trồng nhiều nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ nước ta.

**Câu 38: B**

Dạng địa hình ven biển có giá trị về mặt kinh tế và du lịch là các vũng, vịnh nước sâu.

**Câu 39: D**

Đồng bằng sông Cửu Long bị ngập úng mạnh vì có mực nước thuỷ triều cao.

**Câu 40: B**

Vùng tập trung nhiều nhất đất phù sa ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long là dọc hai bên sông Tiền và sông Hậu.

**CHUYÊN GIA LUYỆN THI**

**MEGABOOK**

**<*Chuẩn theo cấu trúc của bộ*>**

**Mã đề: 03**

**ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA**

**NĂM HỌC 2018 – 2019**

**Môn: Địa lí**

*Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề*

**Câu 1:** Phần lớn dân cư nước ta hiện sống ở nông thôn do

**A.** nông nghiệp vẫn đang chiếm tỉ lệ lớn trong GDP nước ta.

**B.** điều kiện sống ở nông thôn cao hơn ở thành thị.

**C.** quá trình đô thị hoá nước ta diễn ra chậm chạm.

**D.** các hoạt động kinh tế tập trung chủ yếu ở nông thôn.

**Câu 2:** Chuyển động biểu kiến là

**A.** chuyển động của Mặt Trời xung quanh Trái Đất.

**B.** chuyển động ảo không có thực của Mặt Trời.

**C.** chuyển động có thực của Mặt Trời.

**D.** chuyển động có thực nhưng không thể quan sát thấy.

**Câu 3:** Trong năm, khu vực nhận được lượng nhiệt lớn nhất từ Mặt Trời là

**A.** cực. **B.** xích đạo. **C.** vòng cực. **D.** chí tuyến. **Câu 4:** Đặc điểm nào sau đây quy định tính chất gió mùa của khí hậu nước ta?

**A.** Nước ta nằm trong vòng nội chí tuyến của nửa cầu Bắc.

**B.** Giáp Biển Đông rộng lớn.

**C.** Nằm trong khu vực gió mùa châu Á.

**D.** Nước ta kéo dài, hẹp ngang.

**Câu 5:** Quy luật địa đới là

**A.** Sự thay đổi của các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí không phụ thuộc vào tính chất phân bổtheo vĩ độ..

**B.** Sự thay đổi có quy luật của các thành phần địa lí và các cảnh quan địa lí theo vĩ độ.

**C.** Sự thay đổi có quy luật của các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo kinh độ.

**D.** Sự thay đổi của khí hậu theo vĩ độ.

**Câu 6:** Vai trò chủ đạo của ngành công nghiệp được thể hiện

**A.** cung cấp tư liệu sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất cho tất cả các ngành kinh tế.

**B.** thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**C.** tạo ra phương pháp tổ chức và quản lý tiên tiến.

**D.** khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên. **Câu 7:** Đồng bằng sông Hồng do hệ thống sông nào bồi đắp?

**A.** Hệ thống sông Hồng và sông Cả.

**B.** Hệ thống sông Đà và sông Hồng.

**C.** Hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình.

**D.** Hệ thống sông Cả và sông Thu Bồn.

**Câu 8:** Gió phơn khô nóng ở đồng bằng ven biển Trung Bộ có nguồn gốc từ

**A.** khối khí Bắc Ấn Độ Dương. **B.** khối khí Nam Ấn Độ Dương.

**C.** áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam. **D.** áp thấp xích đạo.

**Câu 9:** Kiểu rừng tiêu biểu của nước ta hiện nay là

**A.** rừng cận xích đạo.

**B.** rừng gió mùa nửa rụng lá.

**C.** rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.

**D.** rừng ngập mặn thường xanh ven biển.

**Câu 10:** Quốc gia có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất khu vực Tây Nam Á là

**A.** I-ran. **B.** I-rắc. **C.** Ả-rập-xê-út. **D.** Cô-oét.

**Câu 11:** Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 19 xác định tỉnh nào sau đây có tỉ lệ diện tích gieo trồng

cây công nghiệp trên 50% diện tích?

**A.** Nghệ An. **B.** Hà Tĩnh. **C.** Gia Lai. **D.** Trà Vinh.

**Câu 12:** Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 21 xác định trung tâm công nghiệp nào có quy mô trên120

nghìn tỉ đồng?

**A.** Bà Rịa-Vũng Tàu. **B.** Bình Dương. **C.** Hà Nội. **D.** Hải Phòng.

**Câu 13:** Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 23 xác định cửa khẩu quốc tế nào thuộc vùng tây bắc?

**A.** Nậm Cắn. **B.** Cầu Treo. **C.** Lao Bảo. **D.** Tây Trang.

**Câu 14:** Tuyến đường sắt dài nhất nước ta là

**A.** Hà Nội-Hải Phòng. **B.** Đường sắt Thống Nhất.

**C.** Hà Nội-Thái Nguyên. **D.** Hà Nội-Lào Cai.

**Câu 15:** Nguồn lợi tổ yến của nước ta phân bố chủ yếu ở

**A.** các đảo trên vịnh Bắc Bộ. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**C.** Bắc Trung Bộ. **D.** đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 16:** Để giải quyết tốt vấn đề lương thực, thực phẩm ở Đồng bằng sông Hồng, biện pháp quan trọnglà?

**A.** thâm canh, tăng năng suất trong nông nghiệp.

**B.** đây mạnh phát triển chăn nuôi.

**C.** mở rộng diện tích đất canh tác.

**D.** xây dựng hệ thống thuỷ lợi

**Câu 17:** Biện pháp kĩ thuật quan trọng nhất để cải tạo đất ở Đồng bằng sông Cửu Long được người dân

địa phương sử dụng đem lại hiệu quả tốt là

**A.** chia đồng bằng thành các ô nhỏ. **B.** tích cực làm thuỷ lợi.

**C.** tạo ra các giống lúa phù hợp. **D.** cải tạo thành bãi nuôi tôm.

**Câu 18:** Ranh giới tự nhiên giữa Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** khối núi Bạch Mã. **B.** dãy Hoành Sơn.

**C.** khối núi Kẻ Bàng. **D.** dãy Pusamsao.

**Câu 19:** Vùng kinh tế nước ta mà tất cả các tỉnh đều giáp biển là

**A.** Đông Nam Bộ. **B.** Tây Nguyên.

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 20:** Trở ngại lớn nhất cho sản xuất và sinh hoạt ở Tây Nguyên về tự nhiên là **A.** địa hình gồm những cao nguyên xếp tầng.

**B.** khí hậu cận xích đạo, thiếu nước vào mùa khô.

**C.** rừng chiếm diện tích lớn.

**D.** đất badan có tầng phân hoá sâu.

**Câu 21:** Điều nào sau đây không đúng khi nói về vai trò của vùng kinh tế Đông Nam Bộ trong nền kinhtế cả nước?

**A.** Dẫn đầu về tổng sản phẩm trong nước.

**B.** Dẫn đầu về giá trị sản lượng công nghiệp.

**C.** Dẫn đầu về giá trị hàng xuất khẩu.

**D.** Dẫn đầu về sản lượng lương thực, thực phẩm.

**Câu 22:** Phần lãnh thổ Hoa Kì nằm ở trung tâm lục địa Bắc Mĩ phân hóa thành 3 vùng tự nhiên là **A.** vùng phía tây, vùng trung tâm, vùng phía đông.

**B.** vùng phía bắc, vùng Trung tâm, vùng phía nam.

**C.** vùng núi trẻ Coóc-đi-e, vùng Trung tâm, vùng núi già Apalát.

**D.** vùng núi trẻ Coóc-đi-e, vùng núi già Apalát, đồng bằng ven Đại Tây Dương.

**Câu 23:** Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than không phân bố ở các tỉnh phía nam chủ yếu là do

**A.** miền Nam không thiếu điện. **B.** gây ô nhiễm môi trường.

**C.** vị trí xa vùng nguyên liệu. **D.** việc xây dựng đòi hỏi vốn lớn.

**Câu 24:** Đại bộ phận (hơn 80%) lãnh thổ nước Nga nằm ở vành đai khí hậu

**A.** cận cực giá lạnh. **B.** ôn đới.

**C.** ôn đới hải dương. **C.** cận nhiệt đới.

**Câu 25:** Với đặc điểm khí hậu có mùa đông lạnh và mưa phùn, Đồng bằng sông Hồng có lợi thế lớn để **A.** phát triển được nhiều loại rau ôn đới.

**B.** tăng thêm được vụ lúa đông xuân.

**C.** nuôi được nhiều giống gia súc xứ lạnh.

**D.** trồng được các loại cây công nghiệp dài ngày

**Câu 26:** Đồng bằng nào ở Bắc Trung Bộ có diện tích lớn nhất và khá màu mỡ?

**A.** Đồng bằng Nghệ An. **B.** Đồng bằng Thanh Hoá.

**C.** Đồng bằng Hà Tĩnh. **D.** Đồng bằng Quảng Bình.

**Câu 27:** Một trong những trở ngại lớn trong việc phát triển của ngành giao thông vận tải nước ta hiện naylà

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** thiếu vốn đầu tư. | **B.** thiên tai xảy ra thường xuyên. |
| **C.** địa hình nhiều đồi núi. | **D.** lãnh thổ dài, hẹp ngang. |

**Câu 28:** Điều nào sau đây không đúng khi nói về ý nghĩa của việc hình thành các vùng chuyên canh câycông nghiệp nước ta?

**A.** Góp phần phân bố dân cư và lao động.

**B.** Phát triển kinh tế-xã hội miền núi, Trung du.

**C.** Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**D.** Đẩy mạnh cơ giới hoá trong nông nghiệp.

**Câu 29:** Nhận định nào không đúng khi nói về đặc điểm đô thị hoá ở nước ta?

**A.** Quá trình đô thị hoá nhanh.

**B.** Tỉ lệ dân thành thị tăng.

**C.** Phân bố đô thị không đều giữa các vùng.

**D.** Trình độ đô thị hoá thấp.

**Câu 30:** Ngư trường Cà Mau-Kiên Giang là một trong những ngư trường lớn nhất nước ta do khu vựcnày có

**A.** bờ biển khúc khuỷu, hệ thống đảo ven bờ dày đặc.

**B.** bờ biển khúc khuỷu, nhiều vùng vịnh, đầm phá.

**C.** các dòng hải lưu, nhiều cửa sông lớn, biển sâu.

**D.** các dòng hải lưu, thềm lục địa nông, nhiều cửa sông, bãi triều.

**Câu 31:** Cho bảng số liệu:

TỶ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ KHU VỰC TỪ NĂM 2005 ĐẾN NĂM 2015

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vùng** | **2005** | **2010** | **2012** | **2015** |
|  |  |  |  |  |
| Cả nước | 1,17 | 1,07 | 1,08 | 1,08 |
|  |  |  |  |  |
| Đồng bằng sông Hồng | 0,90 | 1,19 | 1,04 | 1,06 |
|  |  |  |  |  |
| Trung du và miền núi phía bắc | 1,10 | 1,00 | 1,03 | 1,17 |
|  |  |  |  |  |
| Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung | 0,38 | 0,63 | 0,72 | 0,69 |
|  |  |  |  |  |
| Đông Nam Bộ | 3,25 | 2,34 | 2,24 | 2,14 |
|  |  |  |  |  |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 0,63 | 0,30 | 0,42 | 0,42 |
|  |  |  |  |  |

*(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam)*

Theo bảng trên, chọn nhận xét đúng trong các nhận xét sau:

**A.** Tất cả các địa phương đều có tỷ lệ gia tăng dân số giảm.

**B.** Năm 2015, vùng Đông Nam Bộ có tỷ lệ gia tăng dân số gấp 3 lần tỷ lệ gia tăng của cả nước.

**C.** Đồng bằng sông Hồng có tỷ lệ gia tăng dân số tăng nhanh hơn Trung du miền núi phía bắc.

**D.** Đông Nam Bộ có tỷ lệ gia tăng dân số tăng liên tục.

**Câu 32:** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH MỘT SỐ LOẠI CÂY TRỒNG TỪ NĂM 2000 ĐẾN NĂM 2015

*(Đơn vị: nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại cây** | **2000** | **2005** | **2010** | **2012** | **2015** |
|  |  |  |  |  |  |
| Cây lương thực có hạt | 8.399 | 8.383 | 8.6161 | 8.919 | 9.015 |
|  |  |  |  |  |  |
| Cây CN hằng năm | 778 | 862 | 798 | 730 | 677 |
|  |  |  |  |  |  |
| Cây CN lâu năm | 1.451 | 1.634 | 2.011 | 2.223 | 2.151 |
|  |  |  |  |  |  |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê)*

Dựa vào bảng trên kết luận nào sau đây là đúng?

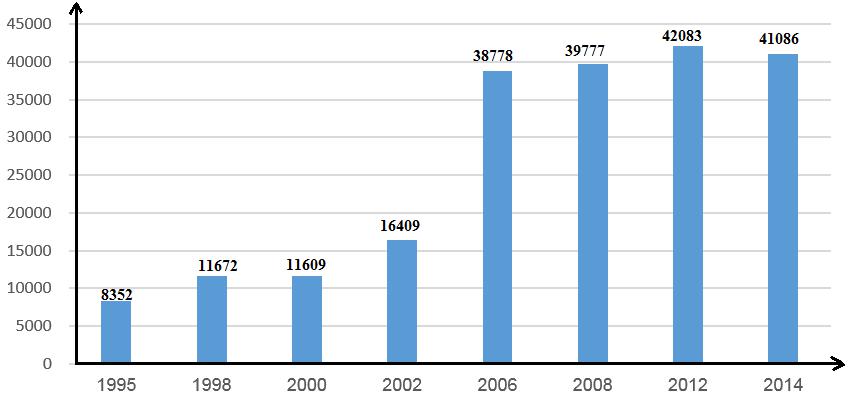
**A.** Diện tích cây lương thực có hạt ở nước ta có diện tích thấp nhất.

**B.** cây công nghiệp hằng năm có diện tích tăng trong những năm gần đây.

**C.** cây công nghiệp lâu năm có diện tích tăng nhanh hơn cây công nghiệp hằng năm.

**D.** Tỷ trọng cây công nghiệp hằng năm chiếm tỷ lệ lớn hơn cây công nghiệp lâu năm.

**Câu 33:** Cho biểu đồ sau:



SẢN LƯỢNG THAN SẠCH TỪ NĂM 1995 ĐẾN NĂM 2014 (nghìn tấn) Biểu đồ trên thể hiện đặc điểm nào?

**A.** Thể hiện cơ cấu sản lượng than sạch từ năm 1995 đến năm 2014.

**B.** Thể hiện sự phát triển sản lượng than sạch từ năm 1995 đến năm 2014.

**C.** Thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng than sạch từ năm 1995 đến năm 2014.

**D.** Thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu sản lượng than sạch từ năm 1995 đến năm 2014.

**Câu 34:** Cho bảng số liệu sau.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Năm** | **2005** | **2007** |  | **2010** | **2012** | **2015** |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Diện tích lúả *(Nghìn ha)* | 7.329 | 7.207 |  | 7.489 | 7.761 | 7.835 |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Sản lượng lúa *(Nghìn tấn)* | 35.833 | 35.943 |  | 40.006 | 43.738 | 45.216 |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  | *(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2015)* | | | | |
| Để thể hiện diện tích và sản lượng lúa từ năm 2005 đến năm 2015, biểu đồ thích hợp là | | | | | | |  |  |
|  | **A.** biểu đồ tròn. |  | **B.** biểu đồ đường. | | |  |  |  |

**C.** biểu đồ cột nhóm. **D.** biểu đồ miền.

**Câu 35:** Để nâng cao chất lượng các mặt hàng xuất khẩu, Đồng bằng sông Cửu Long cần phải **A.** đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, cải tiến giống cây trồng, thức ăn.

**B.** phát triển công nghiệp chế biến, chú ý kĩ thuật sản xuất.

**C.** kết hợp giữa nông-lâm-ngư nghiệp với biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

**D.** củng cố và mở rộng thị trường.

**Câu 36:** Vùng biển Nhật Bản có sản lượng đánh bắt cá nhiều là do **A.** nước Nhật là một quần đảo.

**B.** vùng biển Nhật Bản có khí hậu ôn đới.

**C.** dòng biển nóng và dòng biển lạnh gặp nhau ở vùng biển Nhật Bản.

**D.** Nhật Bản nằm trong vành đai lửa Thái Bình Dương.

**Câu 37:** Các đồng bằng miền Đông Trung Quốc theo thứ tự bắc xuống nam là?

**A.** Hoa Bắc, Đông Bắc, Hoa Trung, Hoa Nam.

**B.** Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung Hoa Nam.

**C.** Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Nam, Hoa Trung.

**D.** Đông Bắc, Hoa Nam, Hoa Bắc, Hoa Trung.

**Câu 38:** Lợi thế của vùng Đông Nam Bộ trong việc phát triển kinh tế-xã hội là 1:

**A.** có nhiều khoáng sản. **B.** có diện tích đất đỏ badan rộng lớn.

**C.** dân số đông nhất cả nước. **D.** lực lượng lao động có trình độ cao.

**Câu 39:** Đặc điểm nào sau đây không đúng với ngành sản xuất hàng tiêu dùng?

**A.** Chủ yếu dựa vào nguồn lao động dồi dào.

**B.** Chịu tác động mạnh mẽ của thị trường tiêu thụ.

**C.** Tạo ra nhiều hàng hoá thông dụng phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

**D.** Lao động có mức thu nhập cao nhất.

**Câu 40:** Thiên tại nặng nề nhất do Biển Đông gây ra đối với nước ta là

**A.** lũ lụt **B.** sóng thần **C.** bão **D.** động đất

**----------- HẾT ----------**

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1-C** | **2-B** | **3-B** | **4-C** | **5-B** | **6-A** | **7-C** | **8-A** | **9-C** | **10-C** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **11-C** | **12-C** | **13-D** | **14-C** | **15-B** | **16-A** | **17-B** | **18-A** | **19-C** | **20-B** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **21-D** | **22-A** | **23-C** | **24-B** | **25-C** | **26-B** | **27-C** | **28-D** | **29-A** | **30-D** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **31-C** | **32-B** | **33-C** | **34-B** | **35-B** | **36-C** | **37-B** | **38-D** | **39-D** | **40-C** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**

**Câu 1: C**

Quá trình đô thị hoá ở nước ra diễn ra chậm chạp, trình độ đô thị hoá thấp, tỉ lệ dân thành thị mới chiếm 1/3 dân số nên phần lớn dân cư nước ta hiện nay vẫn đang sinh sống tại nông thôn.

**Câu 2: B**

Hiện tượng Mặt Trời ở đúng đỉnh đầu lúc 12 giờ trưa (tia sáng mặt trời chiếu thẳng góc với tiếp tuyến ở bề mặt đất) được gọi là Mặt Trời lên thiên đỉnh. Ở Trái Đất, ta thấy hiện tượng này chỉ lần lượt xảy ra tại các địa điểm từ vĩ tuyến 23°27N (ngày 22-12) cho tới 23°27°B (ngày 22-6, rồi lại xuống vĩ tuyến 23°27\_N. Điều đó làm ta có ảo giác là Mặt Trời di chuyển. Nhưng trong thực tế, không phải Mặt Trời di chuyển, mà là Trái Đất chuyển động tịnh tiến xung quanh Mặt Trời. Chuyển động không có thực đó của Mặt Trời được gọi là chuyển động biểu kiến hằng năm của Mặt Trời.

**Câu 3: B**

Do Trái Đất hình cầu, nên khu vực Xích đạo là khu vực nhận được lượng ánh sáng và nhiệt nhiều nhất trong năm. Càng xa Xích đạo lượng ánh sáng và nhiệt nhận được càng nhỏ, lượng nhiệt nhận được ít nhất là 2 điểm cực.

**Câu 4: C**

Thiên nhiên Việt Nam mang tính chất nhiệt đới, ẩm, gió mùa. Tính chất nhiệt đới do vị trí nội chí tuyến Bắc Bán cầu quy định, tính chất ẩm do vị trí giáp Biển Đông, tính chất gió mùa do nước ta nằm trong khu vực khu vực châu Á gió mùa nên khí hậu nước ta mang tính chất gió mùa.

**Câu 5: B**

Quy luật địa đới là sự thay đổi có quy luật của tất cả các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo vĩ độ (từ Xích đạo về hai cực). Nguyên nhân, là do dạng hình cầu của Trái Đất và bức xạ mặt trời..

**Câu 6: A**

Công nghiệp là ngành sản xuất ra một khối lượng của cải vật chất rất lớn cho xã hội, có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Công nghiệp không những cung cấp hầu hết các tư liệu sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho tất cả các ngành kinh tế mà còn tạo ra các sản phẩm tiêu dùng có giá trị, góp phần phát triển kinh tế và nâng cao trình độ văn minh của xã hội.

**Câu 7: C**

Đồng bằng sông Hồng do hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp.

**Câu 8: A**

Gió phơn khô nóng ở đồng bằng ven biển Trung Bộ có nguồn gốc từ khối khí nhiệt đới Bắc Ấn Độ Dương. Khối khí này với tính chất nóng ấm thổi về nước ta gây mưa cho Nam Bộ và Tây Nguyên, tuy nhiên khi gặp dãy Trường Sơn và các dãy dọc biên giới Việt - Lào, tràn xuống vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ khối khí này trở nên khô nóng gió phơn Tây Nam hay còn gọi là gió Tây hoặc gió Lào).

**Câu 9: C**

Do nước ta mang đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa nên kiểu rừng tiêu biểu của nước ta hiện nay là rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh quanh năm.

**Câu 10: C**

Tây Nam Á chiếm tới trên 50% trữ lượng dầu mỏ thế giới. Các quốc gia trong khu vực có trữ lượng dầu

lớn là:

A-rập Xê-út khoảng 263 tỉ thùng.

I-ran khoảng 131 tỉ thùng.

I-rắc khoảng 115 tỉ thùng.

Cô-oét khoảng 94 tỉ thùng.

**Câu 11: C**

Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 19, bản đồ cây công nghiệp ta thấy, Gia Lai là tỉnh có tỉ lệ diện tích gieo trồng cây công nghiệp cao trên 50%.

**Câu 12: C**

Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 21 ta thấy Hà Nội là trung tâm công nghiệp có quy mô trên 120 nghìn tỉ đồng, còn các địa phương còn lại là ở mức từ 40 – 120 nghìn tỉ đồng.

**Câu 13: D**

Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 23 ta thấy:

Cửa khẩu Nậm Cắn, Cầu Treo, Lao Bảo thuộc Bắc Trung Bộ; Cửa khẩu Tây Trang thuộc tây bắc nước ta.

**Câu 14: C**

Tổng chiều dài đường sắt nước ta là 3143 km trong đó đường sắt Thống Nhất (Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh) dài 1726 km dài nhất trong các tuyến đường sắt nước ta.

**Câu 15: B**

Phi hội Chim yến hàng (Aerodramus fuciphagus) là loài chim phân bố ở vùng đông nam Á, trong đó phân loại Aerodramus fuciphagus germani là phân loài đặc hữu phân bố chủ yếu tại các tỉnh Duyên hải miền Trung và miền Nam Việt Nam. Đây là phân loài cho tổ có chất lượng cao hàng đầu thế giới, chúng thường làm tổ trong hang, ngách, nẻ vách núi đá cheo leo vùng ven biển hoặc các đảo. Quần thể phân loài chim yến này phân bố từ Quảng Bình đến Côn Đảo, Phú Quốc, trong đó Khánh Hòa là tỉnh tập trung số lượng quần thể chim yến đảo phát triển ổn định và lớn nhất nước.

**Câu 16: A**

Đồng bằng sông Hồng là khu vực đông dân, việc mở rộng diện tích đất canh tác gặp rất nhiều khó khăn, hơn nữa diện tích đất nông nghiệp đang bị thu hẹp do chuyên đổi mục đích sử dụng đất. Vì vậy, để giải quyết tốt vấn đề lương thực, thực phẩm ở Đồng bằng sông Hồng, biện pháp quan trọng là thâm canh, tăng năng suất trong nông nghiệp.

**Câu 17: B**

Biện pháp thích hợp nhất để rửa phèn, rửa mặn cải tạo đất ở Đồng bằng sông Cửu Long được người dân địa phương sử dụng đem lại hiệu quả tốt là tích cực làm thuỷ lợi.

**Câu 18: A**

Ranh giới tự nhiên giữa Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ là dãy Bạch Mã.

**Câu 19: C**

Vùng kinh tế nước ta mà tất cả các tỉnh đều giáp biển là Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 20: B**

Trở ngại lớn nhất cho sản xuất và sinh hoạt ở Tây Nguyên về tự nhiên là khí hậu cận xích đạo, thiếu nước vào mùa khô.

**Câu 21: D**

Chúng ta biết 2 vùng dẫn đầu về sản lượng lương thực, thực phẩm là Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng. Vậy, điều không đúng khi nói về vai trò của vùng kinh tế đông nam Bộ trong nền kinh tế cả nước là dẫn đầu về sản lượng lương thực thực phẩm.

**Câu 22: A**

Phần lãnh thổ Hoa Kì nằm ở trung tâm lục địa Bắc Mĩ phân hóa thành 3 vùng tự nhiên là: vùng phía tây, vùng trung tâm và vùng phía đông.

**Câu 23: C**

Các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than không phân bố ở các tỉnh phía nam chủ yếu là do vị trí xa vùng nguyên liệu. Ta thấy rằng, các tỉnh phía nam đặc biệt là đông nam Bộ có nguồn dầu khí rất lớn nên ở đây sẽ xây dựng các nhà máy nhiệt điện chạy bằng khí.

**Câu 24: B**

Hơn 80% lãnh thổ Liên bang Nga nằm ở vành đai khí hậu ôn đới, phần phía tây có khí hậu ôn hoà hơn phần phía đông. Phần phía bắc có khí hậu cận cực lạnh giá, chỉ 4% diện tích lãnh thổ phía nam có khí hậu cận nhiệt.

**Câu 25: C**

Với đặc điểm khí hậu có mùa đông lạnh và mưa phùn, Đồng bằng sông Hồng có lợi thế trong việc phát triển các loại rau vụ đông có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới.

**Câu 26: B**

Đồng bằng ở Bắc Trung Bộ có diện tích lớn nhất và khá màu mỡ đó là đồng bằng Thanh Hoá được sông Mã và sông Chu bồi đắp.

**Câu 27: C**

Một trong những trở ngại lớn trong việc phát triển của ngành giao thông vận tải nước ta hiện nay là do địa hình nước ta nhiều đồi núi. Điều này gây khó khăn lớn trong công tác thiết kế, xây dựng và sử dụng các loại hình giao thông vận tải.

**Câu 28: D**

Điều không đúng khi nói về ý nghĩa của việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp nước ta đó là đẩy mạnh cơ giới hoá trong nông nghiệp.

**Câu 29: A**

Đặc điểm đô thị hoá nước ta có 3 đặc điểm chính:

* Quá trình đô thị hoá diễn ra chậm chạp, trình độ đô thị hoá thấp.
* Tỉ lệ dân thành thị tăng.
* Phân bố đô thị không đều giữa các vùng.

=> Đáp án quá trình đô thị hoá nhanh là không chính xác,

**Câu 30: D**

Ngư trường Cà Mau - Kiên Giang là một trong những ngư trường lớn nhất nước ta do khu vực này có các dòng hải lưu, thềm lục địa nông, nhiều cửa sông, bãi triều.

**Câu 31: C**

Qua bảng số liệu, ta thấy từ năm 2005 đến năm 2015:

* Đồng bằng sông Hồng có tỷ lệ gia tăng dân số là: 1,06 - 0,9 = 0,16%
* Trung du miền núi phía bắc có tỷ lệ gia tăng dân số là: 1,17-1,1 = 0,07%

**Câu 32: C**

Qua bảng số liệu, ta thấy:

* Diện tích cây lương thực có hạt ở nước ta có diện tích cao nhất => Đúng.
* cây công nghiệp hằng năm có diện tích tăng trong những năm gần đây => Sai vì nó có xu hướng giảm.
* cây công nghiệp lâu năm có diện tích tăng (2151/1451=1,5 lần) cây công nghiệp hằng năm có diện tích giảm.

**Câu 33: B**

Biểu đồ cột về sản lượng than sạch đã thể hiện sự phát triển của ngành này từ năm 1995 đến năm 2014. Biểu đồ cột này không thể thể hiện cơ cấu, tốc độ chuyển dịch cũng như tốc độ tăng trưởng của than sạch.

**Câu 34: C**

Với bảng số liệu, bảng có 2 đơn vị chúng ta có thể vẽ biểu đồ kết hợp cột và đường hoặc biểu đồ cột nhóm.

**Câu 35: B**

Để nâng cao chất lượng các mặt hàng xuất khẩu, Đồng bằng sông Cửu Long cần phải chú ý phát triển công nghiệp chế biến, chú ý kĩ thuật sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm các mặt hàng.

**Câu 36: C**

Vùng biển Nhật Bản có sản lượng đánh bắt cá nhiều là do vùng biển Nhật Bản là nơi hội tụ của dòng biên nóng và dòng biên lạnh, tạo nên ngư trường lớn với nhiều loài cá ngừ, cá thu, cá mòi, cá trích, cá hồi...

**Câu 37: B**

Các đồng bằng miền Đông Trung Quốc theo thứ tự bắc xuống nam là: đồng bằng Đông Bắc, Hoa Bắc,

Hoa Trung, Hoa Nam.

**Câu 38: D**

Lợi thế của vùng Đông Nam Bộ trong việc phát triển kinh tế - xã hội là lực lượng lao động có trình độ cao.

**Câu 39: D**

Đặc điểm không đúng với ngành sản xuất hàng tiêu dùng là thu nhập của lao động ở mức cao nhất. Bởi vì, đây là ngành đang tận dụng nguồn lao động rẻ.

**Câu 40: C**

Thiên tại nặng nề nhất do Biển Đông gây ra đối với nước ta là bão.

**CHUYÊN GIA LUYỆN THI**

**MEGABOOK**

**<*Chuẩn theo cấu trúc của bộ*>**

**Mã đề: 04**

**ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA**

**NĂM HỌC 2018 – 2019**

**Môn: Địa lí**

*Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề*

**Câu 1:** Phương pháp kí hiệu đường chuyển động thường được dùng để thể hiện các đối tượng địa lí , nào? **A.** Có sự phân bố theo những điểm cụ thể.

**B.** Có sự di chuyển theo các tuyến.

**C.** Có sự phân bố theo tuyến.

**D.** Có sự phân bố rải rác theo không gian.

**Câu 2:** Các hành tinh trong Hệ Mặt Trời tự quay quanh trục theo hướng nào?

**A.** Thuận chiều kim đồng hồ, trừ Kim tinh.

**B.** Ngược chiều kim đồng hồ với tất cả các hành tinh.

**C.** Ngược chiều kim đồng hồ, trừ Kim tinh, Thiên Vương tinh.

**D.** Thuận chiều kim đồng hồ.

**Câu 3:** Đâu là thách thức của nước ta khi toàn cầu hóa kinh tế?

**A.** Tranh thủ được các nguồn lực bên ngoài.

**B.** Đặt nền kinh tế nước ta vào thế bị cạnh tranh.

**C.** Đa dạng hóa các sản phẩm.

**D.** Có điều kiện tiếp cận với nhiều thị trường trên thế giới.

**Câu 4:** Nước ta nằm vị trí tiếp giáp giữa lục địa và đại dương, liền kề với vành đai sinh khoáng nào?

**A.** Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương. **B.** Thái Bình Dương và Địa Trung Hải.

**C.** Ấn Độ Dương và Địa Trung Hải. **D.** Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

**Câu 5:** Địa hình đồi núi thấp và đồng bằng chiếm tỉ lệ bao nhiêu diện tích lãnh thổ nước ta?

**Câu 6:** Vận động tạo núi Tân kiến tạo làm địa hình nước ta thay đổi như thế nào?

**A.** Có nhiều dạng đồng bằng xuất hiện.

**B.** Địa hình trẻ lại tạo nên sự phân bậc rõ rệt theo độ cao.

**C.** Địa hình thoải và ít cắt xẻ hơn.

**D.** Địa hình chia thành nhiều khu vực khác nhau. **Câu 7:** Dải đồi Trung du rộng nhất nước ta nằm ở đâu?

**A.** Khu vực tây bắc.

**B.** Khuvực Đông Nam Bộ.

**C.** Phía bắc và tây đồng bằng sông Hồng.

**D.** Phía đông của đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 8:** Ảnh hưởng của Biển Đông đến thiên nhiên Việt Nam biểu hiện qua khí hậu là

**A.** làm tăng tính thất thường của khí hậu. **B.** tăng độ ẩm của các khối khí đi qua biển.

**C.** làm cho mùa đông lạnh và khô hơn. **D.** làm cho gió đi qua biển mạnh hơn.

**Câu 9:** Một đặc điểm cơ bản của địa hình nước Nga là

**A.** cao ở phía bắc, thấp về phía nam. **B.** cao ở phía nam, thấp về phía bắc.

**C.** cao ở phía đông, thấp về phía tây. **D.** cao ở phía tây, thấp về phía đông.

**Câu 10:** Khu vực nào nước ta chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa đông bắc?

**A.** Khu vực đông bắc. **B.** Khu vực Bắc Trung Bộ.

**C.** Khu vực Tây Nguyên. **D.** Khu vực Đông Nam Bộ.

**Câu 11:** Về thương mại, Nhật Bản đứng hàng thứ mấy thế giới?

**A.** Thứ hai thế giới. **B.** Thứ ba thế giới.

**C.** Thứ tự thế giới. **D.** Thứ năm thế giới.

**Câu 12:** Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 9 xác định khu vực gần như không chịu ảnh hưởng của bãoở nước ta?

**A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Trung du miền núi phía bắc.

**Câu 13:** Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 10 xác định sông nào có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất

trong các hệ thống sông?

**A.** Sông Mê Công. **B.** Sông Hồng.

**C.** Sông Đồng Nai. **D.** Sông Thái Bình.

**Câu 14:** Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 11 xác định khu vực nào sau đây tập trung nhiều đất feralit

trên đá badan?

**A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Bắc Trung Bộ.

**C.** Tây Nguyên. **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 15:** Sự phân hóa khí hậu theo độ cao đã tạo khả năng cho vùng nào ở nước ta trồng được nhiều loại

cây từ nhiệt đới, cận nhiệt đới và cả ôn đới?

**A.** tây bắc. **B.** Tây Nguyên.

**C.** Đồng bằng sông Hồng. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 16:** Khuvực có mùa khô kéo dài, gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp là vùng

**A.** tây bắc. **B.** đông bắc.

**C.** Đồng bằng sông Hồng. **D.** Tây Nguyên.

**Câu 17:** Khí hậu của Nhật Bản chủ yếu là

**A.** hàn đới và ôn đới lục địa. **B.** hàn đới và ôn đới đại dương.

**C.** ôn đới và cận nhiệt đới. **D.** ôn đới đại dương và nhiệt đới.

**Câu 18:** Đâu không phải là hậu quả do việc gia tăng dân số quá nhanh ở nước ta gây ra? **A.** Khó khăn trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống.

**B.** Tài nguyên môi trường ngày càng suy giảm.

**C.** Tốc độ phát triển kinh tế chậm.

**D.** Việc thu hút đầu tư nước ngoài nhiều.

**Câu 19:** Nhân tố nào dưới đây không tác động trực tiếp đến sự phân hoá lãnh thổ công nghiệp ở nước ta?

**A.** Vị trí địa lí. **B.** Tài nguyên thiên nhiên.

**C.** Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. **D.** Thị trường.

**Câu 20:** Rừng của Liên bang Nga phân bố tập trung ở?

**A.** Phần lãnh thổ phía Tây. **B.** Vùng núi U-ran.

**C.** Phần lãnh thổ phía Đông. **D.** Đồng bằng Tây Xi-bia.

**Câu 21:** Vùng kinh tế trọng điểm được hiểu là vùng

**A.** Phải có khả năng thu hút các ngành công nghiệp và dịch vụ then chốt.

**B.** Phải có tỉ trọng lớn trong GDP của cả nước, có sức hút đối với các nhà đầu tư.

**C.** Phải tạo ra tốc độ tăng trưởng nhanh cho cả nước và có thể hỗ trợ cho các vùng khác.

**D.** Hội tụ đầy đủ các điều kiện phát triển và có ý nghĩa quyết định đối với nền kinh tế đất nước.

**Câu 22:** Biện pháp tốt nhất để sử dụng có hiệu quả hơn đất nông nghiệp ở vùng duyên hải Nam Trung Bộđó là

**A.** trồng rừng chắn gió, chắn cát. **B.** giải quyết nước tưới trong mùa khô.

**C.** đưa vụ đông lên thành vụ chính. **D.** cải tạo đất ngập mặn.

**Câu 23:** Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU HÀNG HOÁ PHÂN THEO NHÓM HÀNG CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM.

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1995** | **2000** | **2005** | **2010** | **2015** |
|  |  |  |  |  |  |
| Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản | 25,3 |  | 36,1 | 31,0 | 44,3 |
|  |  |  |  |  |  |
| Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ | 28,5 | 33,8 | 46,0 | 46,1 | 38,6 |
| công nghiệp |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| Hàng nông, lâm, thuỷ sản | 46,2 | 29,0 | 22,9 | 22,9 | 17,1 |
|  |  |  |  |  |  |

*(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2015)*

Nhận xét nào sau đây không đúng?

**A.** Tỉ trọng hàng công nghiệp nặng và khoáng sản có xu hướng tăng dần từ 1995- 2015.

**B.** Tỉ trọng hàng nông, lâm, thuỷ sản có xu hướng giảm từ 1995- 2015.

**C.** Tỉ trọng ngành công nghiệp nhẹ và TTCN có xu hướng luôn chiếm tỉ trọng cao nhất.

**D.** Tỉ trọng ngành nông, lâm, thuỷ sản chiếm thấp nhất năm 2015.

**Câu 24:** Ngành công nghiệp nào sau đây không được xem là ngành công nghiệp trọng điểm? **A.** Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

**B.** Công nghiệp cơ khí điện tử.

**C.** Công nghiệp luyện kim,

**D.** Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm.

**Câu 25:** Hoạt động công nghiệp nước ta có sự phân hoá về mặt lãnh thổ, rất hạn chế ở khu vực Trung du,miền núi, chủ yếu là do

**A.** thiếu tài nguyên khoáng sản. **B.** giao thông vận tải chưa phát triển.

**C.** khí hậu nhiệt đới ẩm, mưa nhiều. **D.** không có thị trường tiêu thụ.

**Câu 26:** Bạn hàng lớn nhất của các nước đang phát triển hiện nay là

**A.** Hoa Kì. **B.** Nhật Bản. **C.** Canada. **D.** EU.

**Câu 27:** Tính chất nào sau đây không phải là đặc điểm của sông ngòi Duyên hải miền Trung?

**A.** Chế độ nước thất thường. **B.** Lũ lên xuống chậm và kéo dài.

**C.** Dòng sông ngắn và dốc. **D.** Lòng sông cạn và nhiều cồn cát.

**Câu 28:** Một số vùng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có lượng mưa tập trung cao, chủ yếu chịu ảnh

hưởng của yếu tố

**A.** độ cao địa hình. **B.** vị trí nằm gần biển.

**C.** lớp phủ thực vật. **D.** mưa bão.

**Câu 29:** Sự chuyển dịch trong nội bộ ngành nông nghiệp thể hiện qua xu thế

**A.** tăng tỉ trọng cây lương thực. **B.** tăng tỉ trọng trồng cây công nghiệp.

**C.** giảm tỉ trọng trồng cây rau đậu. **D.** tăng tỉ trọng trồng cây ăn quả.

**Câu 30:** Điều kiện thúc đẩy ngành chăn nuôi nước ta phát triển là **A.** đất đai và khí hậu thích hợp.

**B.** nguồn nước phong phú phục vụ cho chăn nuôi.

**C.** nguồn lương thực, thực phẩm dồi dào làm thức ăn cho gia súc.

**D.** thay đổi hình thức tổ chức trong chăn nuôi.

**Câu 31:** Ngành vận tải đảm nhiệm phần lớn trong vận tải hàng hoá quốc tế và có khối lượng luân chuyểnlớn nhất thế giới là

**A.** đường biển. **B.** đường ôtô.

**C.** đường sắt. **D.** đường hàng không.

**Câu 32:** Tiếp giáp với vùng núi Trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng có những thuận lợigì?

**A.** Là cửa ngõ ra biển của Đồng bằng sông Hồng.

**B.** Cung cấp nhiều nguồn nguyên liệu dồi dào cho phát triển công nghiệp.

**C.** Tiềm năng du lịch lớn.

**D.** Thị trường tiêu thụ rộng.

**Câu 33:** Sức ép về dân số ở Đồng bằng sông Hồng không dẫn đến hậu quả nào?

**A.** Đời sống thấp. **B.** Thiếu việc làm.

**C.** Chuyển cư **D.** Xuất hiện nhiều văn hoá mới.

**Câu 34:** Duyên hải Nam Trung Bộ có điều kiện thuận lợi để xây dựng các cảng nước sâu là dựa vào **A.** đường bờ biển dài, có nhiều đảo ven bờ.

**B.** nhiều vùng, vịnh sâu nối liền với các cửa sông lớn.

**C.** nền kinh tế phát triển, nhu cầu xây dựng cảng lớn.

**D.** nhiêu vũng, vịnh, mực nước sâu, hiện tượng sa bồi không đáng kể.

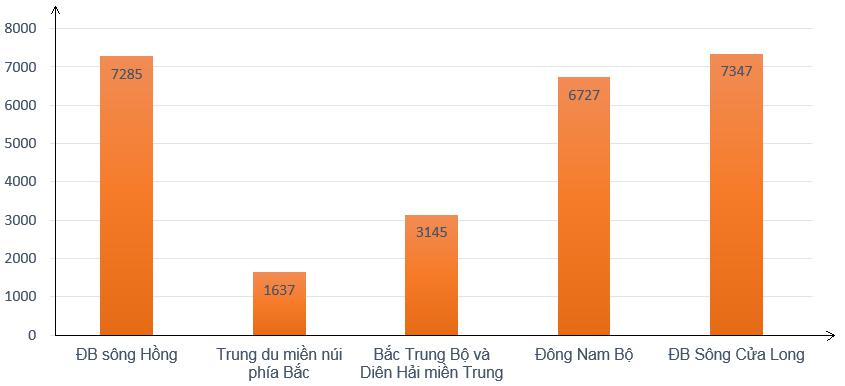
**Câu 35:** Đâu không phải là mục đích chính của EU trong quá trình phát triển.

**A.** Tự do lưu thông hàng hóa và dịch vụ.

**B.** Tự do lưu thông con người và tiền vốn.

**C.** Hợp tác, liên kết về kinh tế, luật pháp, nội vụ, an ninh, đối ngoại **D.** Xử lí các vấn đề về nhập cư.

**Câu 36:** Cho biểu đồ dưới đây:



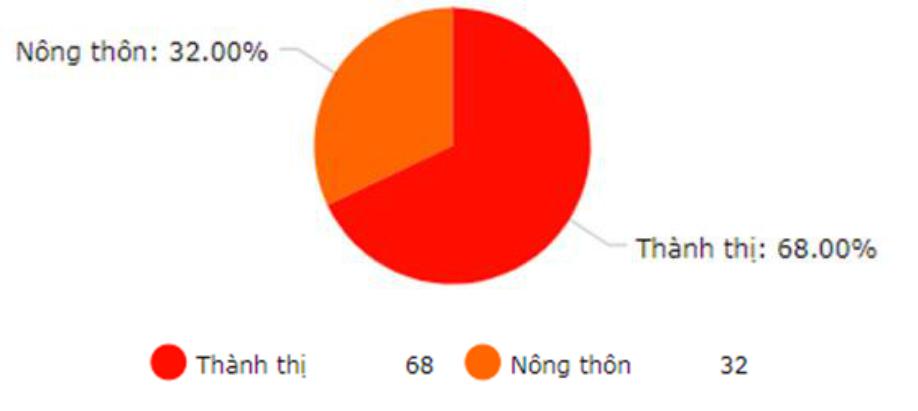
BIỂU ĐÔ THỂ HIỆN SỐ TRANG TRẠI PHÂN THEO ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2015 Căn cứ vào biểu đồ trên, nhận xét nào sau đây không đúng?

**A.** Số lượng trang trại tập trung chủ yếu ở các vùng đồng bằng.

**B.** Vùng Trung du là vùng có số lượng trang trại thấp nhất.

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long có số lượng trang trại gấp đôi Trung du và miền núi phía bắc **D.** Đông Nam Bộ có số lượng trang trại đứng thứ 3 cả nước.

**Câu 37:** Cho biểu đồ sau:



LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG PHÂN THEO THÀNH THỊ, NÔNG THÔN NĂM 2015 Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu lao động thành thị nông thôn.

**B.** Thể hiện tốc độ tăng trưởng lao động thành thị, nông thôn.

**C.** Thể hiện cơ cấu lao động thành thị và nông thôn.

**D.** Thể hiện sự so sánh cơ cấu lao động qua các năm.

**Câu 38:** Biện pháp kĩ thuật quan trọng nhất để cải tạo đất chua mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long là **A.** phát triển nghề nuôi trồng thuỷ sản nước lợ.

**B.** tích cực làm thuỷ lợi.

**C. cơ** giới hoá các khâu làm đất.

**D.** bón phân tích hợp.

**Câu 39:** Trụ sở của EU được đặt tại đâu?

**A.** Brúc-xen (Bỉ).

**C.** Luôn Đôn (Anh).

**Câu 40:** Cho bảng số liệu sau.

**B.** Niu–óọc (Hoa Kỳ).

**D.** Pa-ri (Pháp).

KHỐI LƯỢNG HÀNG HOÁ VẬN CHUYỂN PHÂN THEO KHU VỰC VẬN TẢI

*(Đơn vị: Nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần** | **2004** | **2006** | **2008** | **2010** | **2012** | **2014** |
|  |  |  |  |  |  |  |
| Trong nước | 380.278,4 | 459.639,7 | 610.775,0 | 765.598,0 | 929.352,3 | 1.047,480,9 |
|  |  |  |  |  |  |  |
| Ngoài nước | 22.723,8 | 53.935,4 | 42.460,3 | 35.288,0 | 31776,1 | 31.100,0 |
|  |  |  |  |  |  |  |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê)*

Để thể hiện tốc độ chuyển dịch của khối lượng hàng hoá phân theo khu vực từ năm 2004 đến năm 2014,

biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

**A.** Biểu đồ tròn. **B.** Biểu đồ đường.

**C.** Biểu đồ cột.

**D.** Biểu đồ miền.

**----------- HẾT ----------**

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1-B** | **2-C** | **3-B** | **4-B** | **5-C** | **6-B** | **7-C** | **8-B** | **9-C** | **10-A** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **11-C** | **12-B** | **13-B** | **14-C** | **15-A** | **16-D** | **17-C** | **18-D** | **19-C** | **20-C** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **21-D** | **22-A** | **23-C** | **24-A** | **25-B** | **26-D** | **27-B** | **28-A** | **29-B** | **30-C** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **31-A** | **32-B** | **33-D** | **34-D** | **35-D** | **36-C** | **37-C** | **38-B** | **39-A** | **40-B** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**

**Câu 1: B**

Phương pháp ký hiệu đường chuyển động là phương pháp biểu hiện hướng di chuyển các đối tượng địa lí, các hiện tượng kinh tế xã hội trên bản đồ. Nhìn vào các mũi tên, mình có thể xác định được hướng, tốc độ, loại... đối tượng thể hiện.

**Câu 2: C**

Các hành tinh trong Hệ Mặt Trời tự quay quanh trục theo hướng ngược chiều kim đồng hồ hay hướng từ tây sang đông. Tuy nhiên, chỉ có Kim tinh và Thiên Vương tinh là theo chiều ngược lại.

**Câu 3: B**

Khi tham gia vào quá trình toàn cầu hoá kinh tế, thách thức của chúng ta chính là phải chịu sự cạnh tranh rất lớn từ bên ngoài. Điều này đòi hỏi chúng ta cần phải nỗ lực hết sức để có thể tồn tại lâu dài.

**Câu 4: B**

Nước ta nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và đại dương, liền kề với vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương và Địa Trung Hải.

Với vị trí này, giúp cho chúng ta có được nguồn khoáng sản và sinh vật phong phú.

**Câu 5: C**

Địa hình nước ta 3/4 là đồi núi nhưng chủ yếu là đồi núi thấp.

Địa hình đồi núi thấp và đồng bằng chiếm tỉ lệ 85% diện tích lãnh thổ nước ta. Điều này, giúp bảo toàn tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta.

**Câu 6: B**

Lãnh thổ nước ta đã được tạo lập vững chắc từ sau giai đoạn Cổ kiến tạo. Trải qua hàng chục triệu năm không được nâng lên, các vùng núi bị ngoại lực bào mòn, phá hủy tạo nên những bề mặt san bằng cổ, thấp và thoải. Đến Tân kiến tạo, vận động tạo núi Hi-ma-lay-a đã làm cho địa hình nước ta nâng cao và phân thành nhiều bậc kế tiếp nhau: núi đồi, đồng bằng, thềm lục địa... Trong từng bậc địa hình lớn như đồi núi, đồng bằng, bờ biển, còn có các bậc địa hình nhỏ như các bề mặt san bằng, các cao nguyên xếp tầng, các bậc thềm sông, thềm biển... đánh dấu sự nâng lên của địa hình nước ta thời kì Tân kiến tạo..

**Câu 7: C**

Trung du là một dạng địa hình chuyển tiếp giữa vùng núi cao xuống khu vực đồng bằng. Dải đồi Trung du rộng nhất nước ta nằm ở phía bắc và phía tây đồng bằng sông Hồng.

**Câu 8: B**

Biển Đông là kho dự trữ nhiệt và ẩm lớn. Biển Đông ảnh hưởng đến thiên nhiên Việt Nam được biểu hiện qua yếu tố: khí hậu, địa hình hệ sinh thái, tài nguyên khoáng sản, thiên tai. Trong đó, ảnh hưởng tới khí hậu là làm tăng độ ẩm của các khối khí đi qua biên: Gió mùa mùa hạ đi qua biến được tăng ẩm gây mưa nhiều, gió mùa đông bắc đi qua biển trở nên lạnh và ẩm gây mưa phùn cho đồng bằng Bắc Bộ.

**Câu 9: C**

Phía đông, phần lớn là núi và cao nguyên không thuận lợi cho phát triển nông nghiệp Phía tây, đại bộ phận (đồng bằng Đông Âu, đồng bằng Tây Xi-bia) và vùng núi 9° C trũng. Đồng bằng Đông Âu, xen lẫn nhiều đồi thấp, đất màu mỡ, là nơi trồng cây lương thực, thực phẩm và chăn nuôi chính của Liên bang Nga.

=> Địa hình cao về phía đông, thấp về phía tây.

**Câu 10: A**

Vùng đông bắc, địa hình gồm các cánh cùng chụm đầu lại tại Tam Đảo. Các cánh cung này hút gió nên gió mùa đông bắc tràn về gây ảnh hưởng mạnh nhất cho khu vực đông bắc, mùa đông ở đây đến sớm kết thúc muộn.

**Câu 11: C**

Nhật Bản đứng hàng thứ tự thế giới về thương mại (sau Hoa Kì, CHLB Đức và Trung Quốc). Bạn hàng của Nhật Bản gồm cả các nước phát triển và đang phát triển ở khắp các châu lục.

**Câu 12: B**

Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, nhìn vào bản đồ lớn ta nhìn thấy các mũi tên thể hiện hướng di chuyển, tần suất, tháng ảnh hưởng của bão vào từng khu vực nước ta. Quan sát các mũi tên ta thấy, khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nước ta gần như không chịu ảnh hưởng của bão.

**Câu 13: B**

Qua Atlat Địa lí Việt Nam trang 10 ta thấy:

* Sông Hồng có tỉ lệ diện tích lưu vực là: 21,91%
* Sông Mê Công có tỉ lệ diện tích lưu vực là: 21,40% 13B
* Sông Đồng Nai có tỉ lệ diện tích lưu vực là: 11,27%
* Sông Thái Bình có tỉ lệ diện tích lưu vực là: 4,58% Như vậy, sông Hồng là sông có tỉ lệ diện tích lớn nhất.

**Câu 14: C**

Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 11, ta thấy khu vực Tây Nguyên là khu vực tập trung diện tích đất feralit trên đá badan cao nhất trong các vùng trên.

**Câu 15: A**

Vùng tây bắc, là vùng có độ cao cao nhất cả nước, tây bắc có dãy Hoàng Liên cao trên 2500 m trong đó có đỉnh Phan-xi-păng cao 3143 m, điều này tạo điều kiện cho vùng phát triển các loại cây có nguồn gốc nhiệt đới, cận nhiệt, ôn đới. Đây cũng là vùng duy nhất có đủ 3 đại theo phân tầng độ cao nước ta.

**Câu 16: D**

Khu vực Tây Nguyên có mùa khô kéo dài từ 4 - 5 tháng, mùa khô rất khắc nghiệt. Điều này gây khó khăn rất lớn cho việc sản xuất nông nghiệp của vùng.

**Câu 17: C**

Quần đảo Nhật Bản nằm ở Đông Á, kéo dài từ khoảng 20°B - 45°B trải dài khoảng 3800 km trên Thái Bình Dương. Nhật Bản nằm trong khu vực khí hậu gió mùa, mưa nhiều. Phía bắc có khí hậu ôn đới, mùa đông kéo dài, lạnh và có nhiều tuyết. Phía nam khí hậu cận nhiệt đới, mùa đông không lạnh lắm, mùa hạ nóng, thường có mưa to và bão.

=>Khí hậu ôn đới và cận nhiệt đới.

**Câu 18: D**

Sự gia tăng dân số nhanh không dẫn đến việc thu hút đầu tư nước ngoài nhiều. Mà ngược lại, dân số tăng nhanh, nguồn lao động dồi dào, trẻ là một lợi thế để thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 19: C**

Nhân tố không tác động trực tiếp đến sự phân hoá lãnh thổ công nghiệp là yếu tố khí : hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

**Câu 20: C**

Diện tích rừng của Liên bang Nga đứng đầu thế giới (886 triệu ha), chủ yếu là rừng lá kim. Phần lớn diện tích rừng của Nga tập trung ở phần lãnh thổ phía đông.

**Câu 21: D**

Vùng kinh tế trọng điểm (vùng KTTĐ) được hiểu là vùng hội tụ đầy đủ các điều kiện phát triển và có ý nghĩa quyết định đối với nền kinh tế đất nước. Chúng ta, có 4 vùng kinh tế trọng điểm: vùng KTTĐ phía bắc, vùng KTTĐ miền Trung, vùng KTTĐ phía nam, vùng KTTĐ Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 22: A**

Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là vùng có lượng mưa trung bình năm thấp. Biện pháp tốt nhất để sử dụng có hiệu quả hơn đất nông nghiệp ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đó là trồng rừng chắn gió, chắn cát ngăn chặn quá trình hoang mạc hoá đang phát triển mạnh.

**Câu 23: C**

Quan sát bảng số liệu ta thấy:

* Tỉ trọng hàng công nghiệp nặng và khoáng sản có xu hướng tăng dần từ 1995-2015 tăng từ 25,3% lên 44,3% =>Đúng.
* Tỉ trọng hàng nông, lâm, thuỷ sản có xu hướng giảm từ 1995 - 2015 giảm từ 46,2%

xuống 17,1% => Đúng.

* Tỉ trọng ngành công nghiệp nhẹ và TTCN có xu hướng luôn chiếm tỉ trọng cao nhất. Ta thấy năm 1995 tỉ trọng ngành nông lâm thuỷ sản cao nhất, năm 2015 tỉ trọng ngành công nghiệp nặng và khoáng sản là cao nhất => Sai.
* Tỉ trọng ngành nông, lâm, thuỷ sản chiếm thấp nhất năm 2015 chiếm 17,1% là thấp nhất => Đúng.

**Câu 24: A**

Ngành luyện kim là ngành không thuộc nhóm ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta.

**Câu 25: B**

Hoạt động công nghiệp nước ta có sự phân hoá về mặt lãnh thổ, rất hạn chế ở khu vực Trung du, miền núi, chủ yếu là do khu vực này hệ thống giao thông chưa phát triển. Vì vậy, muốn phát triển kinh tế ở khu vực miền núi giao thông vận tải phải đi trước một bước.

**Câu 26: D**

Bạn hàng lớn nhất của các nước đang phát triển hiện nay là EU.

**Câu 27: B**

Sông ở Duyên hải miền Trung nước ta có chế độ nước thất thường, lũ lên nhanh rút nhanh do địa hình cao, dốc, ngăn.

=> Đáp án B là sai với đặc điểm sông ngòi của Duyên hải miền Trung.

**Câu 28: A**

Một số vùng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có lượng mưa tập trung cao là do: độ cao của địa hình làm cho một số nơi có lượng mưa cao trên 2800 mm.

**Câu 29: B**

Trong nội bộ ngành nông nghiệp, chuyển dịch theo hướng giảm tỉ trọng cây lương thực, cây ăn quả. Tăng tỉ trọng cây rau đậu, cây công nghiệp.

**Câu 30: C**

Nhân tố chủ yếu giúp chăn nuôi nước ta phát triển mạnh trong thời gian gần đây là nguồn lương thực, thực phẩm dồi dào làm thức ăn cho gia súc đã thúc đẩy ngành này phát triển mạnh.

**Câu 31: A**

Ngành vận tải đường biển đảm nhiệm chủ yếu việc giao thông vận tải trên các tuyến đường quốc tế (vận tải viễn dương). Khối lượng vận chuyển hàng hoá tuy không lớn, nhưng do đường dài, nên khối lượng luân chuyển hàng hoá lại rất lớn.

**Câu 32: B**

Vùng núi Trung du và miền núi Bắc Bộ, đã cung cấp nhiều nguồn nguyên liệu dồi dào cho phát triển công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 33: D**

Sức ép về dân số ở Đồng bằng sông Hồng không dẫn đến hậu quả đó là việc xuất hiện nhiều nét văn hoá mới.

**Câu 34: D**

Duyên hải Nam Trung Bộ có điều kiện thuận lợi để xây dựng các cảng nước sâu là do có nhiêu vũng, vịnh, mực nước sâu, hiện tượng sa bồi không đáng kể.

**Câu 35: D**

Mục đích của EU là xây dựng và phát triển một khu vực mà ở đó, hàng hóa, dịch vụ, con người, tiền vốn được tự do lưu thông giữa các nước thành viên; tăng cường hợp tác, liên kết không chỉ về kinh tế, luật pháp, nội vụ mà còn trên cả lĩnh vực an ninh, đối ngoại.

**Câu 36: C**

Căn cứ vào biểu đồ trên ta thấy:

* Số lượng trang trại tập trung chủ yếu ở các vùng đồng bằng=> Đúng vì tập trung cao nhất ở Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.
* Vùng Trung du là vùng có số lượng trang trại thấp nhất =>Đúng, thấp chỉ có 1637 trang trại.
* Đồng bằng sông Cửu Long có số lượng trang trại gấp đôi Trung du và miền núi phía bắc do thực tế nó gấp 4,5 lần.
* Đông Nam Bộ có số lượng trang trại đứng thứ 3 cả nước =>Đúng.

**Câu 37: C**

Chúng ta, thấy đây là biểu đồ tròn vậy,biểu đồ trên thể hiện cơ cấu lao động phân theo thành thị và nông thôn.

**Câu 38: B**

Biện pháp kĩ thuật quan trọng nhất để cải tạo đất chua mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long là tích cực làm thuỷ lợi. Bởi vì việc dẫn nước sông sẽ giúp việc thau chua rửa mặn khu vực đất mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 39: A**

Trụ sở của EU được đặt tại Brúc-xen (Bi).

**Câu 40: B**

Khi đề bài yêu cầu vẽ biểu đồ tốc độ tăng trưởng chúng ta sẽ nhớ ngay đến loại biểu đồ đường tương đối.

**CHUYÊN GIA LUYỆN THI**

**MEGABOOK**

**<*Chuẩn theo cấu trúc của bộ*>**

**Mã đề: 05**

**ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA**

**NĂM HỌC 2018 – 2019**

**Môn: Địa lí**

*Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề*

**Câu 1:** Rừng ven biển của Bắc Trung Bộ được xếp vào loại

**A.** rừng đặc dụng. **B.** rừng sản xuất.

**C.** rừng phòng hộ. **D.** rừng đầu nguồn.

**Câu 2:** Bồi tụ được hiểu là quá trình

**A.** tích tụ các vật liệu phá huỷ.

**B.** nén ép các vật liệu dưới tác dụng của hiện tượng uốn nếp.

**C.** tích tụ các vật liệu trong lòng đất.

**D.** tạo ra các mỏ khoáng sản.

**Câu 3:** Khối khí chí tuyến lục địa được kí hiệu là

**A.** TM. **B.** TC. **C.** Tc. **D.** Tm.

**Câu 4:** Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến tỉ suất từ thô trên thế giới có xu hướng giảm là

**A.** tiến bộ về y tế và khoa học, kĩ thuật.

**B.** điều kiện sống, mức sống và thu nhập được cải thiện.

**C.** sự phát triển kinh tế.

**D.** hoà bình trên thế giới được đảm bảo.

**Câu 5:** Địa hình nước ta được vận động tạo núi nào làm trẻ lại?

**A.** Vận động Kiến Tạo. **B.** Vận động Cổ kiến tạo.

**C.** Vận động Tấn kiến tạo. **D.** Vận động Trung kiến tạo.

**Câu 6:** Về tổ chức hành chính, Trung Quốc được chia thành

**A.** 22 tỉnh, 6 khu tự trị và 3 thành phố trực thuộc trung ương.

**B.** 22 tỉnh, 5 khu tự trị và 4 thành phố trực thuộc trung ương.

**C.** 21 tỉnh, 5 khu tự trị và 4 thành phố trực thuộc trung ương.

**D.** 22 tỉnh, 5 khu tự trị và 4 thành phố trực thuộc trung ương.

**Câu 7:** Đặc điểm đất của Đồng bằng sông Cửu Long là gì?

**A.** Đất phù sa được bồi đắp hằng năm.

**B.** Đất nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông.

**C.** Đất phù sa không được bồi đắp hằng năm.

**D.** Đất badan chiếm diện tích lớn nhất.

**Câu 8:** Ảnh hưởng của Biển Đông đến thiên nhiên Việt Nam không biểu hiện qua yếu tố nào sau đây? **A.** Yếu tố địa hình, khí hậu.

**B.** Yếu tố thiên tai, tài nguyên thiên nhiên.

**C.** Yếu tố đất, nước.

**D.** Yếu tố động vật, thực vật.

**Câu 9:** Dân cư Hoa Kỳ đang có xu hướng di chuyển từ các bang vùng đông bắc về các bang

**A.** vùng tây bắc và ven Thái Bình Dương. **B.** Ở vùng Trung tâm và ven Đại Tây Dương.

**C.** ở phía nam và ven Thái Bình Dương. **D.** ở phía bắc và ven Đại Tây Dương.

**Câu 10:** Gió mùa mùa hạ hoạt động ở nước ta chủ yếu vào thời gian nào?

**A.** Từ tháng XI-tháng IV. **B.** Từ tháng IV –tháng VI.

**C.** Từ tháng V – tháng X. **D.** Từ tháng VI-XI.

**Câu 11:** Cơ quan có vai trò quyết định mọi nội dung quan trọng trong EU là

**A.** Hội đồng châu Âu. **B.** Cơ quan kiểm toán.

**C.** Tòa án châu Âu. **D.** Nghị viện châu Âu.

**Câu 12:** Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 12 xác định khu dự trữ sinh quyển thế giới nằm trong vùngDuyên hải Nam Trung Bộ có tên là gì?

**A.** Bù Gia Mập. **B.** Yok Đôn. **C.** Cù Lao Chàm. **D.** Cát Tiên.

**Câu 13:** Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 23 xác định tinh nào sau đây đường quốc lộ 1A không đi

qua?

**A.** Lạng Sơn. **B.** Bắc Giang. **C.** Bắc Ninh. **D.** Vĩnh Phúc.

**Câu 14:** Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 5 xác định tỉnh nào sau đây của nước có đường biên giớigiáp Trung Quốc?

**A.** Tuyên Quang. **B.** Sơn La. **C.** Bắc Giang. **D.** Quảng Ninh.

**Câu 15:** Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 20 xác định tỉnh nào sau đây có giá trị sản xuất thuỷ sản

trong tổng giá trị sản xuất nông, lâm, thuỷ sản lớn trên 50%?

**A.** Quảng Bình. **B.** Thừa Thiên Huế. **C.** Đà Nẵng. **D.** Bình Định.

**Câu 16:** Đặc điểm nổi bật của miền khí hậu phía nam là

**Câu 17:** Nhóm đất chiếm diện tích lớn nhất trong hệ đất đồng bằng nước ta là

**A.** đất phù sa. **B.** đất phèn. **C.** đất mặn. **D.** đất than bùn.

**Câu 18:** Tự do di chuyển trong Liên minh châu Âu không bao gồm nội dung nào?

**A.** Tự do đi lại. **B.** Tự do cư trú.

**C.** Tự do chọn nơi làm việc. **D.** Tự do thông tin liên lạc.

**Câu 19:** Mật độ dân số trung bình của Liên bang Nga vào năm 2005 là?

**A.** 6,8 người/km2. **B.** 7,4 người/km2. **C.** 8,4 người/km2. **D.** 8,6 người/km2.

**Câu 20:** Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta lànhờ ưu thế nào?

**A.** Có nguồn nguyên liệu phong phú.

**B.** Có thị trường rộng lớn trong nước.

**C.** Có nguồn lao động dồi dào.

**D.** Sự hỗ trợ của các ngành công nghiệp khác.

**Câu 21:** Ở Trung du và miền núi nước ta, hoạt động công nghiệp còn hạn chế, chủ yếu là do

**A.** kết cấu hạ tầng chưa phát triển. **B.** thiếu tài nguyên thiên nhiên.

**C.** thông tin liên lạc chưa phát triển. **D.** thiếu lực lượng lao động.

**Câu 22:** Quốc lộ số 1 và đường sắt Thống Nhất là hệ thống giao thông vận tải có giá trị hàng đầu trongviệc phát triển kinh tế - xã hội nước ta vì

**A.** nối liền các trung tâm công nghiệp, các đầu mối giao thông lớn.

**B.** nối liền Đồng bằng sông Hồng với Tây Nguyên.

**C.** nối liền Duyên hải miền Trung với Đông Nam Bộ.

**D.** nối liền Đồng bằng sông Hồng với Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 23:** Một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho Đồng bằng sông Hồng trở thành nơi tập trungđông dân cư nhất là do

**A.** có nhiều trung tâm công nghiệp quan trọng.

**B.** thuận lợi trồng cây công nghiệp cận nhiệt đới.

**C.** có nghề trồng lúa nước lâu đời.

**D.** diện tích mặt nước nuôi trồng thuỷ sản lớn.

**Câu 24:** Tinh nào sau đây không nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía nam?

**A.** Bình Phước. **B.** Tây Ninh. **C.** Long An. **D.** Cần Thơ.

**Câu 25:** Loại cây công nghiệp được trồng ở Đồng bằng sông Cửu Long và có diện tích đứng đầu cả nước

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| là |  |  |  |
| **A.** Hồ Tiêu. | **B.** Mía. | **C.** Cà Phê. | **D.** Điều. |

**Câu 26:** Vấn đề hình thành cơ cấu nông, lâm, ngư nghiệp có ý nghĩa lớn đối với các tỉnh trong vùngDuyên hải miền Trung vì

**A.** đồng bằng đất đai màu mỡ.

**B.** rừng có nhiều gỗ và lâm sản quý.

**C.** tất cả các tỉnh đều giáp biển, lãnh thổ hẹp, kéo dài.

**D.** có nhiều tài nguyên chưa được khai thác.

**Câu 27:** Nguyên nhân chính làm cho Đồng bằng sông Hồng bị ngập úng nghiêm trọng nhất ở nước ta là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** có mật độ dân số cao nhất nước ta. | |  |  |
| **B.** có địa hình thấp nhất so với các đồng bằng. | |  |  |
| **C.** có mưa nhiều. |  |  |  |
| **D.** mưa lớn, có hệ thống đê sông, đê biển bao bọc. | |  |  |
| **Câu 28:** Thế mạnh chính của khu vực tây bắc là | |  |  |
| **A.** phát triển lâm nghiệp. |  | **B.** trồng cây công nghiệp. |  |
| **C.** khai thác khoáng sản. |  | **D.** khai thác thuỷ năng. |  |
| **Câu 29:** Tình trọng điểm nghề cá ở Bắc Trung Bộ hiện nay là | | |  |
| **A.** Thanh Hoá. | **B.** Hà Tĩnh. | **C.** Nghệ An. | **D.** Quảng Bình. |
| **Câu 30:** Tây Nguyên là vùng chuyên canh chè lớn thứ hai cả nước là nhờ là | | |  |

**A.** có diện tích đất đỏ badan lớn.

**B.** có khí hậu nhiệt đới cận xích đạo.

**C.** các cơ sở chế biến phát triển.

**D.** nhiều nơi có độ cao lớn, có khí hậu mát mẻ.

**Câu 31:** Trở ngại lớn nhất đến sự phát triển cây công nghiệp ở Đông Nam Bộ là?

**A.** thiên tai thường xuyên xảy ra.

**B.** mùa khô kéo dài.

**C.** thiếu lao động lành nghề cho nông nghiệp.

**D.** diện tích đất nông nghiệp đang giảm nhanh.

**Câu 32:** Trong việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ, một số vấn đềquan tâm hàng đầu là

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **A.** chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế. | **B.** giải quyết vấn đề về năng lượng. | | |
|  | **C.** bảo vệ môi trường. | **D.** tăng nhanh sản lượng. | | |
| **Câu 33:** Cho bảng số liệu sau: | |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  | **Vùng** | **Diện tích** | **Dân số (Nghìn** | **Mật độ dân số** |
|  |  | **(km2)** | **người)** | **(Người/ km2)** |
|  | Cả nước | 330.966,9 | 91.713,3 | 277,0 |
|  |  |  |  |  |
|  | Đồng bằng sông Hồng | 21.060,0 | 20.925,5 | 994,0 |
|  |  |  |  |  |
|  | Trung du và miền núi phía bắc | 95.266,8 | 11.803,7 | 124,0 |
|  |  |  |  |  |
|  | Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung | 95.832,4 | 19.658,0 | 205,0 |
|  |  |  |  |  |
|  | Tây Nguyên | 54.641,0 | 5.607,9 | 103,0 |
|  |  |  |  |  |
|  | Đông Nam Bộ | 23.590,7 | 16.127,8 | 684,0 |
|  |  |  |  |  |
|  | Đồng bằng sông Cửu Long | 40.576,0 | 17.590,4 | 434,0 |
|  |  |  |  |  |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam)*

Qua bảng số liệu trên nhận xét nào sau đây là đúng?

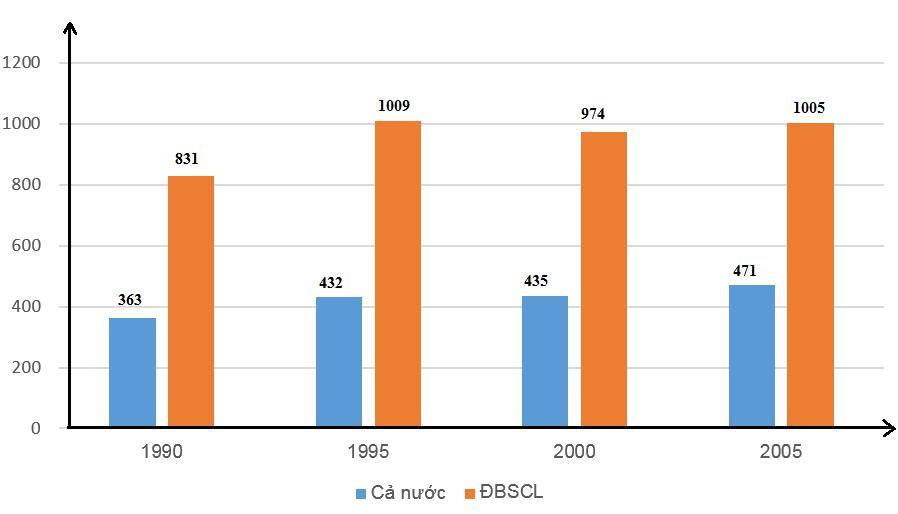
**A.** Vùng Đồng bằng sông Hồng có diện tích lớn nhất trong các vùng.

**B.** Tây Nguyên là vùng có mật độ dân số thấp nhất.

**C.** Mật độ dân số cao nhất là vùng Đông Nam Bộ.

**D.** Dân số vùng Đồng bằng sông Cửu Long đứng đầu cả nước.

**Câu 34:** Cho biểu đồ sau:



BÌNH QUÂN LƯƠNG THỰC TRÊN ĐẦU NGƯỜI CỦA CẢ NƯỚC VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG (kg/người).

Qua biểu đồ trên thể hiện đặc điểm gì?

**A.** Thể hiện sự so sánh về bình quân lương thực của Đồng bằng sông Cửu Long với cả nước qua cácnăm.

**B.** Thể hiện sự chuyển dịch về cơ cấu bình quân lương thực của Đồng bằng sông Cửu Longvới cả nước qua các năm.

**C.** Thể hiện tốc độ tăng trưởng bình quân lương thực của Đồng bằng sông Cửu Long với cả nước quacác năm.

**D.** Thể hiện quy mô và tốc độ tăng trưởng bình quân lương thực của Đồng bằng sông CửuLong quacác năm.

**Câu 35:** Giữa hai tiểu vùng đông bắc và tây bắc của Trung du miền núi Bắc Bộ có điểm khác biệt lớn vềtiềm năng phát triển kinh tế xã hội là

**A.** đông bắc giàu khoáng sản hơn, tây bắc lại giàu thuỷ năng hơn.

**B.** đông bắc thích hợp cho trồng cây công nghiệp, tây bắc thích hợp cho chăn nuôi.

**C.** đông bắc thuận lợi để chăn nuôi trâu, còn tây bắc lại thích hợp chăn nuôi bò.

**D.** đông bắc giàu tài nguyên khoáng sản năng lượng, tây bắc giàu khoáng sản kim loại **Câu 36:** Giữ vị trí quan trọng nhất trong kinh tế biển của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** khai thác sinh vật biển. **B.** giao thông vận tải biển.

**C.** du lịch biển. **D.** khai thác khoáng sản biển.

**Câu 37:** Các nhà máy Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Hoàng Mai được xây dựng ở vùng Bắc Trung Bộ dựa trên cơsở nào?

**A.** Các mỏ sắt với trữ lượng lớn. **B.** Nguồn đá vôi rất dồi dào.

**C.** Vùng chuyên canh mía. **D.** Các mỏ thiếc và titan.

**Câu 38:** Tuyến đường nào sau đây được coi là tuyến xương sống của cả hệ thống giao thông vận tảiđường bộ của nước ta?

**A.** Đường sắt Thống Nhất. B. Đường Hồ Chí Minh.

**C.** Quốc lộ 14. D. Quốc lộ 1A.

**Câu 39:** Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Đồng bằng sông Hồng là một nhiệm vụ cấp bách. Lí do chínhlà vì

**A.** chuyển dịch cơ cấu kinh tế là xu hướng cấp bách của nước ta hiện nay.

**B.** vùng thiếu hầu hết các nguồn nguyên liệu cho sản xuất.

**C.** cơ cấu kinh tế của vùng còn lạc hậu và chuyển dịch chậm.

**D.** đây là một trong những vùng có kinh tế phát triển nhất cả nước.

**Câu 40:** Cho bảng số liệu

SẢN LƯỢNG TÔM NUÔI PHÂN THEO ĐỊA PHƯƠNG *(Đơn vị: tấn)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vùng** | **2005** | **2015** |
|  |  |  |
| Cả nước | 327.194 | 628.231 |
|  |  |  |
| Đồng bằng sông Hồng | 13.321 | 20.963 |
|  |  |  |
| Trung du và miền núi phía bắc | 312 | 170 |
|  |  |  |
| Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung | 33.311 | 78.918 |
|  |  |  |
| Tây Nguyên | 64 | 7 |
|  |  |  |
| Đông Nam Bộ | 14.426 | 23.692 |
|  |  |  |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 265.761 | 504.483 |
|  |  |  |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam)*

Để vẽ biểu đồ thể hiện sản lượng tôm nuôi phân theo địa phương từ năm 2005, 2015 biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Biểu đồ tròn.

**C.** Biểu đồ cột nhóm.

**B.** Biểu đồ miền.

**D.** Biểu đồ kết hợp cột và đường.

**Câu 1: C**

Diện tích rừng của vùng là 2,46 triệu ha, chiếm 20% diện tích rừng cả nước. Độ che phủ rừng là 47,8% chỉ đứng sau Tây Nguyên. Rừng ven biển của Bắc Trung Bộ được xếp vào loại rừng phòng hộ. Việc trồng rừng ven biển có tác dụng chắn gió, bão và ngăn không cho cát bay, cát chảy, lần ruộng đồng, làng mạc.

**Câu 2: A**

Bồi tụ là quá trình tích tụ các vật liệu phá huỷ còn gọi là quá trình lắng đọng vật chất hoặc quá trình trầm

tích. Kết quả của quá trình bồi tụ là tạo nên hàng loạt địa hình mới: cồn cát, đụn cát, đồng bằng châu thổ...

**Câu 3: C**

Mỗi bán cầu đều có 4 khối khí chính:

Khối khí địa cực: A

Khối khí ôn đới: P

Khối khí chí tuyến: T

Khối khí xích đạo: E

Mỗi khối khí đều phân biệt thành kiểu hải dương kí hiệu là m, kiểu lục địa kí hiệu là c =>Khối khí chí tuyến lục địa được kí hiệu là Tc.

**Câu 4: A**

Có nhiều yếu tố tác động đến tỉ suất sinh làm cho nó thay đổi theo thời gian, không gian, trong đó quan trọng nhất là các yếu tố tự nhiên, sinh học, phong tục tập quán và tâm lí xã hội, trình độ phát triển kinh tế

* xã hội và các chính sách phát triển dân số của từng nước.

**Câu 5: C**

Giai đoạn Tân kiến tạo là giai đoạn cuối cùng trong lịch sử hình thành và phát triển của tự nhiên nước ta, còn được kéo dài cho đến ngày nay. Địa hình nước ta được vận động làm trẻ lại là vận động Tân kiến tạo.

Hoạt động này đã làm cho một số núi được nâng lên, địa hình trẻ lại, các quá trình địa mạo như hoạt động xâm thực, bồi tụ được đây mạnh, hệ thống sông suối đã bồi đắp nên những đồng bằng châu thổ rộng lớn.

**Câu 6: D**

Về tổ chức hành chính, Trung Quốc được chia thành: 22 tỉnh, 5 khu tự trị và 4 thành Die phố trực thuộc trung ương.

**Câu 7: A**

Đồng bằng sông Cửu Long là đồng bằng châu thổ, địa hình thấp, bằng phẳng. Đất phù sa của Đồng bằng sông Cửu Long được bồi đắp hằng năm do không có để ngăn lũ.

**Câu 8: C**

Ảnh hưởng của Biển Đông đến thiên nhiên Việt Nam biểu hiện qua các yếu tố:

* Khí hậu.
* Địa hình và hệ sinh thái vùng ven biển.
* Tài nguyên thiên nhiên vùng biển.
* Thiên tại.

=>Không biểu hiện qua yếu tố: đất, nước.

**Câu 9: C**

Dân cư Hoa Kì đang có xu hướng di chuyển từ các bang vùng đông bắc về các bang lở phía nam và ven Thái Bình Dương do các bang này có khí hậu cận nhiệt có khí hậu nắng ấm, là vùng đất mới phát triển, vùng kinh tế năng động, gần thị trường châu Á.

**Câu 10: C**

Gió mùa mùa hạ hoạt động ở nước ta chủ yếu vào thời gian từ tháng V đến tháng X.

**Câu 11: A**

Cơ quan có vai trò quyết định mọi nội dung quan trọng trong EU là Hội đồng châu Âu.

**Câu 12: C**

Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 12 xác định khu dự trữ sinh quyển thế giới nằm. trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có tên là Cù Lao Chàm

**Câu 13: D**

Tỉnh Vĩnh Phúc là tỉnh đường Quốc lộ 1A không đi qua.

**Câu 14: C**

Tỉnh không giáp biên giới Trung Quốc đó là tỉnh Bắc Giang.

**Câu 15: C**

Tỉnh có giá trị sản xuất thuỷ sản trong tổng giá trị sản xuất nông, lâm, thuỷ sản lớn trên 50% đó là tỉnh Đà Nẵng.

**Câu 16: A**

Đặc điểm nổi bật của miền khí hậu phía nam là nóng quanh năm.

**Câu 17: A**

Nhóm đất chiếm diện tích lớn nhất trong hệ đất đồng bằng nước ta là đất phù sa.

**Câu 18: D**

Tự do di chuyển trong Liên minh châu Âu bao gồm:

* Tự do đi lại.
* Tự do cư trú.
* Tự do lựa chọn nơi làm việc.

=> Đáp án tự do thông tin liên lạc là sai.

**Câu 19: C**

Mật độ dân số trung bình của Liên bang Nga vào năm 2005 là: 8,4 km2

**Câu 20: A**

Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta là ưu thế nước ta có nguồn nguyên liệu phong phú.

**Câu 21: A**

* miền Trung du và miền núi nước ta, hoạt động công nghiệp còn hạn chế, chủ yếu là do kết cấu hạ tầng chưa phát triển.

**Câu 22: A**

Quốc lộ số 1 và đường sắt Thống Nhất là hệ thống giao thông vận tải có giá trị hàng đầu trong việc phát triển kinh tế - xã hội nước ta vì nối liền các trung tâm công nghiệp, các đầu mối giao thông lớn.

**Câu 23: C**

Một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho Đồng bằng sông Hồng trở thành nơi tập trung đông dân cư nhất là do ở đây có nghề trồng lúa nước lâu đời.

**Câu 24: D**

Vùng kinh tế trọng điểm Nam Bộ là tên gọi khu vực phát triển kinh tế động lực khu vực Đông Nam Bộ Việt Nam, gồm các tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước, Tây Ninh, Long An và Tiền Giang.

=>Cà Mau là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 25: B**

Loại cây công nghiệp được trồng ở Đồng bằng sông Cửu Long và có diện tích đứng đầu cả nước là cây mía.

**Câu 26: C**

Vấn đề hình thành cơ cấu nông, lâm, ngư nghiệp có ý nghĩa lớn đối với các tỉnh trong vùng Duyên hải miền Trung vì ở đây tất cả các tỉnh đều giáp biển, lãnh thổ hẹp, kéo dài.

**Câu 27: D**

Nguyên nhân chính làm cho Đồng bằng sông Hồng bị ngập úng nghiêm trọng nhất ở nước ta là do ở đây có lượng mưa lớn, có hệ thống đê sông, đê biển bao bọc.

**Câu 28: D**

Thế mạnh chính của khu vực tây bắc là phát triển thuỷ điện do vùng này có nhiều sông ngòi, sông ngòi nhiều thác ghềnh và lưu lượng dòng chảy lớn.

**Câu 29: C**

Tỉnh trọng điểm nghề cá ở Bắc Trung Bộ hiện nay là tỉnh Nghệ An.

**Câu 30: D**

Tây Nguyên là vùng chuyên canh chè lớn thứ hai cả nước là nhờ nhiều nơi có độ cao lớn, khí hậu mát mẻ.

**Câu 31: B**

Trở ngại lớn nhất đến sự phát triển cây công nghiệp ở Đông Nam Bộ là mùa khô kéo dài từ 4 - 5 tháng gây khó khăn trong việc trồng và chăm sóc cây công nghiệp.

**Câu 32: B**

Trong việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ, một số vấn đề quan tâm hàng đầu là việc giải quyết vấn đề về năng lượng.

**Câu 33: B** Qua bảng số liệu trên ta thấy:

- Vùng Đồng bằng sông Hồng có diện tích lớn nhất trong các vùng => Sai. - Tây Nguyên là vùng có mật độ dân số thấp nhất => Đúng.

- Mật độ dân số cao nhất là vùng Đông Nam Bộ=> Sai.

- Dân số vùng Đồng bằng sông Cửu Long đứng đầu cả nước => Sai.

**Câu 34: A**

Biểu đồ cột thể hiện so sánh về bình quân lương thực của Đồng bằng sông Cửu Long với cả nước qua các năm.

**Câu 35: A**

Giữa hai tiểu vùng đông bắc và tây bắc của Trung du miền núi Bắc Bộ có điểm khác biệt lớn về tiềm năng phát triển kinh tế xã hội đó là:

Đông Bắc giàu khoáng sản hơn, tây bắc lại giàu thuỷ năng hơn.

**Câu 36: C**

Giữ vị trí quan trọng nhất trong kinh tế biển của Trung du và miền núi Bắc Bộ là du lịch biển. Trong đó, vịnh Hạ Long là Di sản thiên nhiên thế giới đã thu hút lượng khách du lịch rất đông.

**Câu 37: B**

Các nhà máy Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Hoàng Mai được xây dựng ở vùng Bắc Trung Bộ dựa trên cơ sở nguồn đá vôi rất dồi dào.

**Câu 38: D**

Tuyến đường được coi là tuyến xương sống của cả hệ thống giao thông vận tải đường bộ của nước ta là đường Quốc lộ 1A.

**Câu 39: C**

Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Đồng bằng sông Hồng là một nhiệm vụ cấp bách là do cơ cấu kinh tế của vùng còn lạc hậu và chuyển dịch chậm.

**Câu 40: C**

Biểu đồ cột nhóm

**CHUYÊN GIA LUYỆN THI**

**MEGABOOK**

**<*Chuẩn theo cấu trúc của bộ*>**

**Mã đề: 06**

**ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA**

**NĂM HỌC 2018 – 2019**

**Môn: Địa lí**

*Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề*

**Câu 1:** Tổng số giờ nắng trong năm ở nước ta là

**A.** từ 1400 – 2000 giờ. **B.** từ 1400 – 3000 giờ. **C. từ** 2000– 3000 giờ. **D.** trên 3000 giờ.

**Câu 2:** Thành phần cấu tạo của mỗi thiên hà bao gồm

**A.** các thiên thể, khí, bụi.

**B.** các thiên thể, khí, bụi và bức xạ điện từ.

**C.** các ngôi sao, hành tinh, vệ tinh, sao chổi.

**D.** các hành tinh và các vệ tinh của nó.

**Câu 3:** Điểm giống nhau giữa Tây Nguyên với Trung du và miền núi Bắc Bộ là .

**A.** có tiềm năng lớn về thuỷ điện. **B.** đều có vị trí giáp biển.

**C.** có mùa đông lạnh. **D.** có mùa khô sâu sắc.

**Câu 4:** Do tác động của lực Côriôlit nên bán cầu Nam các vật chuyển động từ cực về xích đạo sẽ bị lệchvề hướng nào?

**A.** Về phía bên phải theo hướng chuyển động.

**B.** Về phía bên trái theo hướng chuyển động.

**C.** Về phía bên trên theo hướng chuyển động.

**D.** Về phía Xích đạo.

**Câu 5:** Ý nào sau đây đúng với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Có dân số đông nhất so với các vùng khác trong cả nước.

**B.** Có diện tích rộng nhất so với các vùng khác trong cả nước.

**C.** Có kinh tế phát triển nhất cả nước.

**D.** Tiếp giáp với Trung Quốc và Campuchia.

**Câu 6:** Các đồng bằng châu thổ được hình thành chủ yếu do tác dụng bồi tụ vật liệu của

**A.** sóng biển. **B.** sông. **C.** thuỷ triều **D.** rừng ngập mặn.

**Câu 7:** Gió mùa đông bắc lạnh khi di chuyển xuống phía nam bị chặn bởi dãy núi

**A.** dãy Hoành Sơn. **B.** dãy Trường Sơn Nam.

**C.** dãy Con Voi. **D.** dãy Bạch Mã.

**Câu 8:** Trung Quốc có hai đặc khu hành chính nằm ven biển là?

**A.** Hồng Công và Thượng Hải. **B.** Hồng Công và Ma Cao.

**C.** Hồng Công và Quảng Châu. **D.** Ma Cao và Thượng Hải.

**Câu 9:** Nhận xét nào đúng nhất về thực trạng tài nguyên của châu Phi? **A.** Khoáng sản nhiều, đồng cỏ và rừng xích đạo diện tích rộng lớn. **B.** Khoáng sản và rừng là những tài nguyên đang bị khai thác mạnh. **C.** Khoáng sản phong phú, rừng nhiều nhưng chưa được khai thác.

**D.** Trữ lượng lớn về vàng, kim cương, dầu mỏ, phốt phát nhưng chưa được khai thác. **Câu 10:** Nhận xét không đúng về đặc điểm tự nhiên vùng núi Coóc-đi-e là

**A** gồm các dãy núi trẻ cao trung bình trên 2000 m, chạy song song theo hướng bắc-nam. **B.** xen giữa các dãy núi là bôn địa và cao nguyên có khí hậu hoang mạc và bán hoang mạc. **C.** ven Thái Bình Dương là các đồng bằng nhỏ hẹp, đất tốt, khí hậu nhiệt đới và cận nhiệthải dương.

**D.** có nhiều kim loại màu vàng, đồng, chi), tài nguyên năng lượng phong phú, diện tích rừng tươngđối lớn.

**Câu 11:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15 xác định đô thị nào sau đây có quy mô dân số từ 500001

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| - 1000000 người? |  |  |  |
| **A.** Hải Phòng. | **B.** Đà Nẵng. | **C.** Nha Trang. | **D.** TP. Hồ Chí Minh. |
| **Câu 12:** Việc sử dụng đồng O-rô mang lại lợi ích gì? | |  |  |
| **A.** Nâng cao sức cạnh tranh của thị trường chung châu Âu. | | |  |
| **B.** Làm tăng rủi ro khi thực hiện những chuyển đổi ngoại tệ. | | |  |
| **C.** Việc chuyển giao vốn trong các nước thành viên EU khó khăn. | | |  |
| **D.** Gây phức tạp thêm công tác quản lý thị trường. | |  |  |
| **Câu 13:** Đại ôn đới gió mùa trên núi chỉ có ở đâu? | |  |  |
| **A.** Vùng núi đông bắc. |  | **B.** Dãy Hoàng Liên Sơn. |  |
| **C.** Khối núi Phong Nha-Kẻ Bàng. | | **D.** Tây Nguyên. |  |
| **Câu 14:** Đâu là đặc điểm tài nguyên khoáng sản nước ta? | |  |  |
| **A.** Phân bố đều theo không gian. | | **B.** Phân bố lẻ tẻ, trữ lượng vừa và nhỏ. | |
| **C.** Đa dạng về loại và trữ lượng lớn. | | **D.** Phân bố lẻ tẻ, trữ lượng lớn. | |
| **Câu 15:** Loại đất nào có giá trị kinh tế lớn tập trung nhiều ở Tây Nguyên? | | |  |
| **A.** Đất feralit phát triển trên đá phiến. | | **B.** Đất xám trên phù sa cổ. | |
| **C.** Đất phù sa sông. |  | **D.** Đất đỏ badan. |  |
| **Câu 16:** Trong các ngành dịch vụ của Nhật Bản, hai ngành có vai trò hết sức to lớn là | | | |
| **A.** thương mại và du lịch. |  | **B.** thương mại và tài chính. | |
| **C.** tài chính và du lịch. |  | **D.** tài chính và giao thông vận tải. | |
| **Câu 17:** Đâu không phải là điểm thuận lợi của dân cư nước ta? | | |  |
| **A.** Nguồn lao động dồi dào. | |  |  |
| **B.** Thị trường tiêu thụ lớn. |  |  |  |
| **C.** Dân số trẻ. |  |  |  |
| **D.** Dân cư chưa có trình độ chuyên môn cao. | |  |  |

**Câu 18:** Thị trường nhập khẩu chủ yếu của nước ta là **A.** Châu Á – Thái Bình Dương và châu Âu.

**B.** Bắc Mỹ và Tây Âu.

**C.** Tây Âu và Trung Quốc.

**D.** Trung Quốc và Bắc Mỹ.

**Câu 19:** Mục tiêu ban hành “Sách đỏ Việt Nam” là

**A.** đảm bảo sử dụng lâu dài nguồn tài nguyên sinh vật của đất nước

**B.** bảo vệ nguồn gen động, thực vật quý hiếm khỏi nguy cơ tuyệt chủng.

**C.** bảo tồn các loài động vật quý hiếm.

**D.** kiểm kê các loài động, thực vật có ở Việt Nam.

**Câu 20:** Đồng bằng sông Hồng là nơi có tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm cao nhất nước ta là vì **A.** đây là vùng có mật độ dân số cao nhất cả nước.

**B.** đây là vùng có dân số đông, tỉ lệ tăng dân số còn lớn.

**C.** đây là vùng kinh tế còn chậm phát triển trong khi dân số còn tăng nhanh.

**D.** đây là cùng có lịch sử phát triển lâu đời nhất nước ta, tài nguyên còn hạn chế.

**Câu 21:** Yếu tố chính tạo ra sự khác biệt trong hướng chuyên môn hoá sản phẩm cây công nghiệp giữaTây Nguyên và Đông Nam Bộ là

**A.** khí hậu. **B.** nguồn nước.

**C.** đất đai. **D.** trình độ thâmcanh.

**Câu 22.** Ngành kinh tế trọng điểm không có đặc điểm nào sau đây?

**A.** Ngành có thế mạnh lâu dài. **B.** Ngành mang lại hiệu quả kinh tế cao.

**C.** Ngành phát triển lâu đời. **D.** Có tác động đến các ngành kinh tế khác.

**Câu 23.** Ba nhóm đất chính ở ĐBSCL xếp theo thứ tự diện tích từ nhiều đến ít là

**A.** đất phù sa ngọt, đất phèn, đất mặn **B.** đất phèn, đất phù sa ngọt, đất mặn.

**C.** đất phù sa ngọt, đất mặn, đất phèn. **D.** đất mặn, đất phèn, đất phù sa ngọt.

**Câu 24:** Biện pháp hàng đầu để bảo vệ tài nguyên rừng ở Tây Nguyên là

**A.** nghiêm cấm việc chặt phá rừng. **B.** đẩy mạnh việc trồng rừng.

**C.** hạn chế việc sản xuất gỗ. **D.** đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng.

**Câu 25:** Đâu là đặc điểm nổi bật về vị trí của vùng Đông Nam Bộ?

**A.** Là cầu nối giữa phía bắc và phía nam. **B.** Là cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên.

**C.** Gần trung tâm đông nam Á. **D.** Có phía đông giáp biển.

**Câu 26:** Hai tỉnh đang dẫn đầu Đồng bằng sông Cửu Long về sản lượng lúa và thuỷ sản là?

**A.** Kiên Giang và Cà Mau. **B.** An Giang và Đồng Tháp.

**C.** An Giang và Kiên Giang. **D.** Bến Tre và Cà Mau.

**Câu 27:** Miền núi Bắc Bộ không thuận lợi cho việc phát triển cây công nghiệp hằng năm là do

**A.** đất đai không thuận lợi. **B.** người dân thiếu kinh nghiệm sản xuất, **C.** địa hình cắt xẻ mạnh, đất đai bị xói mòn. **D.** chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc.

**Câu 28:** Thế mạnh nổi bật của đông bắc so với các vùng khác trong cả nước là **A.** xây dựng các nhà máy nhiệt điện.

**B.** phát triển thuỷ điện.

**C.** phát triển ngành khai thác khoáng sản.

**D.** phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn.

**Câu 29:** Ngành nào sau đây là ngành kinh tế trọng điểm của vùng Đồng bằng sông Hồng?

**A.** Sản xuất vật liệu xây dựng. **B.** Công nghiệp hoá chất.

**C.** Công nghiệp năng lượng. **D.** Ngành công nghiệp luyện kim.

**Câu 30:** Thế mạnh của vùng đồi trước núi của vùng Bắc Trung Bộ là **A.** trồng cây lương thực.

**B.** trồng cây công nghiệp hằng năm.

**C.** chăn nuôi đại gia súc.

**D.** trồng rừng và trồng cây công nghiệp lâu năm.

**Câu 31:** Cà Ná và Sa Huỳnh là vùng sản xuất muối lí tưởng ở nước ta là vì **A.** có nhiều bãi cát trắng thích hợp cho việc làm muối.

**B.** nghề muối đã trở thành nghề truyền thống lâu đời.

**C.** ít bị thiên tai như bão lũ, lũ lụt; nước biển có độ mặn cao.

**D.** vùng khô hạn, ít có sông lớn đổ ra.

**Câu 32:** Biện pháp chủ yếu để giải quyết tình trạng thất nghiệp ở thành thị nước ta hiện nay là **A.** xây dựng các nhà máy công nghiệp quy mô lớn.

**B.** phân bố lại lực lượng lao động trên quy mô cả nước.

**C.** hợp tác quốc tế để xuất khẩu lao động.

**D.** đẩy mạnh phát triển các hoạt động công nghiệp và dịch vụ ở các đô thị.

**Câu 33:** Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000-2007

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | *(Đơn vị: nghìn tấn)* | |
|  |  |  |  |  |
| **Năm** | **2000** | **2005** | **2007** |  |
|  |  |  |  |  |
| Tổng sản lượng thủy sản | 2250,5 | 3474, 9 | 4197,8 |  |
|  |  |  |  |  |
| Sản lượng thủy sản nuôi trồng | 589,6 | 1487,0 | l 2123,3 |  |
|  |  |  |  |  |
| Sản lượng thủy sản khai thác tin nội | 1660,9 | 1987,9 | 2074,5 |  |
|  |  |  |  |  |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam)*

Qua bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây là đúng?

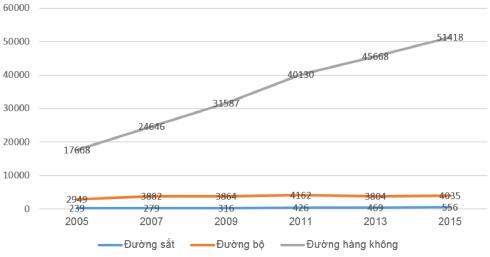
**A.** Tổng sản lượng thuỷ sản tăng qua các năm.

**B.** Sản lượng thuỷ sản nuôi trồng có tỉ trọng cao hơn sản lượng thuỷ sản khai thác.

**C.** Sản lượng thuỷ sản khai thác tăng không liên tục qua các năm.

**D.** Trong những năm gần đây, tỉ trọng ngành thuỷ sản nuôi trồng có xu hướng giảm mạnh.

**Câu 34:** Cho biểu đồ sau:



KHỐI LƯỢNG HÀNG HOÁ LUÂN CHUYÊN PHÂN THEO NGÀNH VẬN TẢI

(Đơn vị: Triệu tấn/km).

Biểu đồ trên thể hiện đặc điểm nào của đối tượng?

**A.** Thể hiện tốc độ tăng trưởng.

**B.** Thể hiện sự thay đổi khối lượng luân chuyển theo các năm.

**C.** Thể hiện cơ cấu khối lượng luân chuyển.

**D.** Thể hiện sự so sánh các ngành vận tải.

**Câu 35:** Cho bảng số liệu sau:

KHỐI LƯỢNG HÀNG HOÁ LUÂN CHUYÊN PHÂN THEO NGÀNH VẬN TẢI

*(Đơn vị: Triệu tấn/km)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Tổng số | Đường sắt | Đường bộ | Đường sống | Đường biên | Đường hàng |
|  |  |  |  |  |  | không |
|  |  |  |  |  |  |  |
| 2005 | 100.728,3 | 2.949,3 | 17.668,3 | 17.999,0 | 61.872,4 | 239,3 |
|  |  |  |  |  |  |  |
| 2007 | 134.883,0 | 3.882,5 | 24.646,9 | 22.235,6 | 83.838,1 | 279,9 |
|  |  |  |  |  |  |  |
| 2009 | 199.070,2 | 3.864,5 | 31.587,2 | 1.249,8 | 132.052,1 | 316,6 |
|  |  |  |  |  |  |  |
| 2011 | 216.129,5 | 4.162,0 | 40.130,1 | 34.371,7 | 137.039,0 | 426,7 |
|  |  |  |  |  |  |  |
| 2013 | 218.228,1 | 3.804,1 | 45.668,4 | 38.454,3 | 29.831,5 | 469,8 |
|  |  |  |  |  |  |  |
| 2015 | 229.872,9 | 4.035,6 | 51.418,5 | 41.904,4 | 131.958,3 | 556,1 |
|  |  |  |  |  |  |  |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam)*

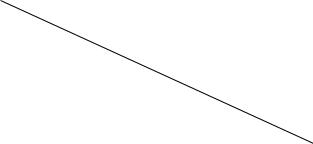
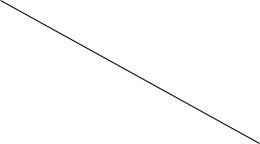
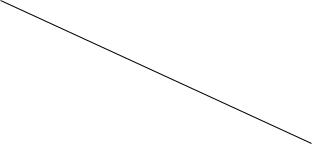
Qua bảng số liệu trên nhận xét nào sau đây là đúng?

**A.** Tổng khối lượng hàng hoá luân chuyển tăng đều theo các năm.

**B.** Khối lượng hàng hoá luân chuyển đường hàng không có tốc độ tăng nhanh nhất **C.** Khối lượng hàng hoá luân chuyển đường bộ tăng chậm nhất

**D.** Khối lượng hàng hoá luân chuyển đường sông chiếm tỉ lệ cao nhất trong cơ cấu các ngành vận tải.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 36:** Mùa đông đến sớm, kết thúc muộn là đặc điểm của vùng nào sau đây? | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **A.** Vùng đông bắc. | | | |  |  |  | **B.** Vùng tây bắc. | | | | | |  |  |  |  |
| **C.** Đồng bằng sông Hồng. | | | |  |  |  | **D.** Bắc Trung Bộ. | | | | | |  |  |  |  |
| **Câu 37:** Ở Bắc Trung Bộ, chè được trồng nhiều ở? | | | | | | | | | |  |  |  |  |  |  |  |
| **A.** Quảng Bình. | | **B.** Nghệ An. | | | |  | **C.** Thanh Hóa. | | | | | | **D.** Thừa Thiên Huế | | | |
| **Câu 38:** Cho bảng số liệu: | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| SẢN LƯỢNG THAN, DẦU THÔ VÀ ĐIỆN CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Năm** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **2000** |  |  |  | **2005** | |  |  | **2010** | |  |  |  | **2014** | |
| **Sản lượng** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Than (*triệu tấn*) | | 11,6 |  |  |  | 34,1 | |  |  | 44,8 | |  |  |  | 53,4 | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Dầu thô (*triệu tấn*) | | 16,3 |  |  |  | 18,5 | |  |  | 15,0 | |  |  |  | 19,7 | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Điện (*tỉ Kwh*) | | 26,7 |  |  |  | 52,1 | |  |  | 91,7 | |  |  |  | 105,6 | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | *(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam)* | | | | | | |
| Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta là | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **A.** miền. | | **B.** kết hợp. | | | |  | **C.** tròn. | | |  |  |  | **D.** đường. | | | |
| **Câu 39:** Cho bảng số liệu: | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| GDP CỦA THẾ GIỚI, HOA KÌ VÀ MỘT SỐ CHÂU LỤC NĂM 2004 VÀ 2014 | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | *(Đơn vị: tỉ USD)* | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Lãnh** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **thổ** |  | **Thế giới** | | **Hoa Kì** | |  | **EU** | | |  | **Nhật Bản** | | | | **Trung Quốc** | |
| **Năm** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  |
| 2004 |  | 40887,8 |  | 11667,5 | |  | 12675,2 | | |  | 4623,4 | | |  | 1649,3 | |
|  |  |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  |
| 2014 |  | 78037,1 |  | 17348,1 | |  | 18514,0 | | |  | 4601,5 | | |  | 10354,8 | |
|  |  |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |
| GDP của Hoa Kì chiếm bao nhiêu % của với thế giới năm 2014 | | | | | | | | | |  |  |  |  |  |  |  |
| **A.** 22,2%. | | **B.** 23,7%. | | | |  | **C.** 5,9%. | | |  |  |  |  | **D.** 13,3%. | | |
| **Câu 40:** Cho bảng số liệu: | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| TỈ TRỌNG GDP, DÂN SỐ CỦA EU VÀ MỘT SỐ NƯỚC NĂM 2014 | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| (Đơn vị: %) | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Chỉ số** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **Các nước** |
|  |  | **EU** |  | **Hoa Kì** | | **Nhật Bản** | |  | | **Trung** | |  | **Ấn Độ** | |  | **còn lại** |
| **Nước, khu vực** | |  |  |  |  |  |  |  |  | **Quốc** | |  |  |  |  |  |
|  | |  |  |  | |  | |  |  |  | |  |  | |  |  |
| GDP | | 23,7 |  | 22,2 | | 5,9 | |  |  | 13,3 | |  | 2,6 | |  | 32,3 |
|  | |  |  |  | |  | |  |  |  | |  |  | |  |  |
| Dân số | | 7,0 |  | 4,4 | | 1,8 | |  |  | 18,8 | |  | 17,8 | |  | 50,2 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  | | | |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | *(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam)* | | | | | | |



Nhận xét nào sau đây là không đúng về GDP và dân số của EU và một số nước?

**A.** Trung Quốc có tỉ trọng GDP đứng thứ 3 và dân số lớn nhất.

**B.** EU là khu vực có tỉ trọng GDP lớn nhất và dân số đứng thứ 3.

**C.** Nhật Bản có tỉ trọng GDP đứng thứ 4 và dân số đứng thứ 2.

**D.** Ấn Độ có tỉ trọng GDP đứng thứ 5 và dân số đứng thứ 2.

**----------- HẾT ----------**

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1-B** | **2-B** | **3-A** | **4-B** | **5-B** | **6-B** | **7-D** | **8-B** | **9-B** | **10-C** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **11-B** | **12-A** | **13-B** | **14-B** | **15-D** | **16-B** | **17-D** | **18-A** | **19-B** | **20-C** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **21-A** | **22-C** | **23-B** | **24-D** | **25-C** | **26-C** | **27-C** | **28-C** | **29-A** | **30-C** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **31-D** | **32-D** | **33-A** | **34-B** | **35-B** | **36-A** | **37-B** | **38-D** | **39-A** | **40-C** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**

**Câu 1: B**

Tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm khiến cho nhiệt độ trung bình B năm cao. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C, nhiều nắng, tổng số giờ nắng tuỳ nơi từ 1400 - 3000 giờ/năm.

**Câu 2: B**

Mỗi thiên hà là một tập hợp của rất nhiều thiên thể (như các ngôi sao, hành tinh, vệ tinh, sao chổi...) cùng với khí, bụi và bức xạ điện từ.

**Câu 3: A**

Điểm giống nhau giữa Tây Nguyên với Trung du và miền núi Bắc Bộ là cả hai vùng đều có tiềm năng lớn về thuỷ điện.

**Câu 4: B**

Khi Trái Đất tự quay quanh trục, mọi địa điểm thuộc các vĩ độ khác nhau ở bề mặt Trái Đất đều có vận tốc dài khác nhau và chuyển động từ tây sang đông nên các vật thể đều bị chuyển động lệch khỏi hướng chuyển động ban đầu. Lực làm lệch hướng đó là lực Côriôlit. Do tác động của lực Côriôlit nên bán cầu Nam các vật chuyển động từ cực về xích đạo sẽ bị lệch hướng về phía bên trái theo hướng chuyển động.

**Câu 5: B**

* đúng với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là: Có diện tích rộng nhất so với các vùng khác trong cả nước.

**Câu 6: B**

Các đồng bằng châu thổ được hình thành chủ yếu do tác dụng bồi tụ phù sa sông trên vịnh biển nông, rộng.

**Câu 7: D**

Gió mùa đông bắc chỉ hoạt động từng đợt, không kéo dài liên tục, cường độ mạnh nhất vào mùa đông, ở miền Bắc hình thành mùa đông kéo dài 2-3 tháng. Khi di chuyển xuống phía nam, loại gió này suy yếu dần bởi bức chắn địa hình là dãy Bạch Mã.

**Câu 12: A**

Việc đưa vào sử dụng đồng tiền chung có tác dụng nâng cao sức cạnh tranh của thị trường chung châu Âu, xoá bỏ những rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ, tạo thuận lợi cho việc chuyên giao vốn trong EU và đơn giản hoá công tác kế toán của các doanh nghiệp đa quốc gia.

**Câu 13: B**

Đại ôn đới gó mùa trên núi chỉ có ở dãy Hoàng Liên Sơn.

**Câu 14: B**

Đặc điểm về tài nguyên khoáng sản nước ta là: phân bố lẻ tẻ, trữ lượng vừa và nhỏ.

**Câu 15: D**

Loại đất có giá trị kinh tế lớn tập trung nhiều ở Tây Nguyên là đất đỏ badan. Đất badan ở Tây Nguyên có tầng phong hoá sâu, giàu chất dinh dưỡng, lại phân bố tập trung với những mặt bằng rộng lớn thuận lợi cho việc thành lập các nông trường và vùng chuyên canh quy mô lớn.

**Câu 16: B**

Dịch vụ là khu vực kinh tế quan trọng, chiếm 68% giá trị GDP. Trong dịch vụ, thương mại và tài chính là hai ngành có vai trò hết sức to lớn.

**Câu 17: D**

Dân cư chưa có trình độ chuyên môn cao không phải là điểm thuận lợi của cư dân nước ta.

**Câu 18: A**

Thị trường nhập khẩu chủ yếu của nước ta là: châu Á-Thái Bình Dương và châu Âu.

**Câu 19: B**

Mục tiêu ban hành Sách đỏ Việt Nam là: Bảo vệ nguồn gen động, thực vật quý hiếm khỏi nguy cơ tuyệt chủng.

**Câu 20: C**

Đồng bằng sông Hồng là nơi có tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm cao nhất nước ta là do đây là vùng kinh tế còn chậm phát triển trong khi dân số còn tăng nhanh, quy mô dân số lớn.

**Câu 21: A**

Yếu tố chính tạo ra sự khác biệt trong hướng chuyên môn hoá sản phẩm cây công nghiệp giữa Tây Nguyên và Đông Nam Bộ là yếu tố khí hậu. Do Tây Nguyên có các khu vực núi cao trên 1000 m, khí hậu mát mẻ nên phát triển cây chè.

**Câu 22: C**

Đặc điểm ngành kinh tế trọng điểm là:

* Là ngành có thế mạnh lâu dài.
* Mang lại hiệu quả kinh tế cao.
* Có tác động mạnh đến các ngành kinh tế khác.

**Câu 23: B**

Các nhóm đất chính ở Đồng bằng sông Cửu Long:

* Đất phèn 1,6 triệu ha.
* Đất phù sa ngọt 1,2 triệu ha.
* Đất mặn 75 vạn ha.

**Câu 24: D**

Biện pháp hàng đầu để bảo vệ tài nguyên rừng ở Tây Nguyên là: đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng.

**Câu 25: C**

Đặc điểm nổi bật về vị trí của vùng Đông Nam Bộ là gần trung tâm đông nam Á.

**Câu 26: C**

Hai tỉnh đang dẫn đầu Đồng bằng sông Cửu Long về sản lượng lúa và thuỷ sản là An Giang và Kiên Giang.

**Câu 27: C**

Miền núi Bắc Bộ không thuận lợi cho việc phát triển cây công nghiệp hằng năm là do địa hình cắt xẻ mạnh khó khăn trong việc làm thuỷ lợi, đất đai bị xói mòn.

**Câu 28: C**

Thế mạnh nổi bật của đông bắc so với các vùng khác trong cả nước là khai thác khoáng sản.

**Câu 29: A**

Ngành kinh tế trọng điểm của vùng Đồng bằng sông Hồng là ngành sản xuất vật liệu xây dựng.

**Câu 30: C**

Thế mạnh của vùng đồi núi của vùng Bắc Trung Bộ là chăn nuôi đại gia súc

**Câu 31: D**

Cà Ná và Sa Huỳnh là vùng sản xuất muối lí tưởng ở nước ta là vì nơi này vùng khô hạn, ít có sông lớn đổ ra.

**Câu 32: D**

Biện pháp chủ yếu để giải quyết tình trạng thất nghiệp ở thành thị nước ta hiện nay là: đây mạnh phát triển các hoạt động công nghiệp và dịch vụ ở các đô thị.

**Câu 33: A**

Qua bảng số liệu ta thấy:

* Tổng sản lượng thuỷ sản tăng qua các năm là nhận định đúng.
* Sản lượng thuỷ sản nuôi trồng có tỉ trọng cao hơn sản lượng thuỷ sản khai thác => sai.
* Sản lượng thuỷ sản khai thác tăng không liên tục qua các năm => sai.
* Trong những năm gần đây, tỉ trọng ngành thuỷ sản nuôi trồng có xu hướng giảm mạnh => sai. B

**Câu 34: B**

Biểu đồ đường thể hiện sự thay đổi khối lượng luân chuyển theo các năm.

**Câu 35: B**

Lấy số liệu năm 2015 chia cho số liệu năm 2005, ta thấy rằng:

* Đường sắt tăng 1,4 lần; 35 In B: +Đường bộ tăng 2,9 lần;
* Đường sống tăng 2,3 lần;
* Đường biển tăng 2,1 lần;
* Đường hàng không tăng 2,32 lần;

**Câu 36: A**

Mùa đông đến sớm, kết thúc muộn là đặc điểm của vùng đông bắc.

**Câu 37: B**

Ở Bắc Trung Bộ, chè được trồng nhiều ở tỉnh Nghệ An.

**CHUYÊN GIA LUYỆN THI**

**MEGABOOK**

**<*Chuẩn theo cấu trúc của bộ*>**

**Mã đề: 07**

**ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA**

**NĂM HỌC 2018 – 2019**

**Môn: Địa lí**

*Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề*

**Câu 1:** Nếu xếp theo thứ tự khoảng cách xa dần Mặt Trời ta sẽ có.

**A.** Kim tinh, Trái Đất, Thuỷ tinh, Hoả tinh. **B.** Kim tinh, Thuỷ tinh, Hoả tinh, Trái Đất.

**C.** Thuỷ tinh, Kim tinh, Trái Đất, Hoả tinh. **D.** Kim tinh, Thuỷ tinh, Trái Đất, Hoả tinh.

**Câu 2:** Theo qui ước nếu đi từ phía tây sang phía đông qua đường chuyển ngày quốc tế thì

**A.** tăng thêm 1 ngày lịch.

**B.** lùi lại 1 ngày lịch.

**C.** không cần thay đổi ngày lịch.

**D.** tăng thêm hay lùi lại 1 ngày lịch là tuỳ qui định của mỗi quốc gia.

**Câu 3:** Sự khác nhau về chế độ lũ của sông Hồng và sông Cửu Long là do

**A.** hai vùng có chế độ mưa vào các mùa khác nhau trong năm.

**B.** sự khác nhau về trạng thái bề mặt lưu vực và hình thái của mạng lưới sông.

**C.** độ dày đặc của mạng lưới sông và hệ thống để hai bên sông.

**D.** hướng chảy của hai hệ thống sông khác nhau.

**Câu 4:** Trung du và miền núi Bắc Bộ có thế mạnh về trồng và chế biến cây công nghiệp, cây dược liệu,rau quả cận nhiệt và ôn đới là do

**A.** khí hậu nhiệt đới, độ ẩm cao.

**B.** khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh và ảnh hưởng của địa hình núi.

**C.** khí hậu có sự phân mùa.

**D.** lượng mưa hằng năm lớn.

**Câu 5:** Gió Tây ôn đới có nguồn gốc xuất phát từ

**A.** Các khu áp thấp ở 2 chí tuyến về phía vùng áp thấp ôn đới.

**B.** Các khu áp cao ở 2 chí tuyến về phía vùng áp thấp xích đạo.

**C.** Các khu áp cao ở 2 chí tuyến về phía vùng áp thấp ôn đới.

**D.** Các khu áp thấp ở 2 chí tuyến về phía vùng áp thấp xích đạo.

**Câu 6:** Hình thức trung tâm công nghiệp chưa xuất hiện ở vùng nào?

**A.** Tây Nguyên.

**B.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**C.** Bắc Trung Bộ.

**D.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 7:** Hướng tây bắc-đông nam của địa hình nước ta thể hiện rõ rệt nhất trong khu vực nào?

**A.** Vùng núi đông bắc. **B.** Trường Sơn Nam.

**C.** Vùng núi tây bắc. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 8:** Nguyên nhân hình thành qui luật địa đới trên Trái Đất là

**A.** sự thay đổi mùa trong năm.

**B.** sự thay đổi lượng bức xạ Mặt Trời trong năm.

**C.** sự thay đổi bức xạ Mặt Trời theo vĩ độ.

**D.** sự chênh lệch thời gian chiếu sáng trong năm theo vĩ độ.

**Câu 9:** Đất mặt nước nuôi trồng thủy sản ở nước ta nhiều nhất ở khu vực nào?

**A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**C.** Đông Nam Bộ. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 10:** Gió mùa mùa đông nước ta thổi theo hướng

**A.** tây nam. **B.** đông nam. **C.** đông bắc. **D.** bắc nam.

**Câu 11:** Nguồn lực có vai trò quyết định trong việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực khác cho phát triểnkinh tế là

**A.** vị trí địa lí. **B.** tài nguyên thiên nhiên.

**C.** dân cư và nguồn lao động. **D.** khoa học kĩ thuật.

**Câu 12:** Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 15 xác định đô thị nào sau đây thuộc phân cấp đô thị loại1?

**A.** Hạ Long. **B.** Nha Trang. **C.** Đà Nẵng. **D.** Quy Nhơn.

**Câu 13:** Người Hán là dân tộc đa số ở Trung Quốc và chiếm

**A.** Gần 80% dân số cả nước. **B.** Trên 80% dân số cả nước.

**C.** Gần 90% dân số cả nước. **D.** Trên 90% dân số cả nước.

**Câu 14:** Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 17 xác định khu kinh tế ven biển thuộc vùng Đồng bằngsông Cửu Long là

**A.** Chu Lai. **B.** Dung Quất. **C.** Vân Đồn. **D.** Định An.

**Câu 15:** 75% dân số tập trung tại khu vực nào sau đây?

**A.** Đồi núi. **B.** Đồng bằng. **C.** Trung du. **D.** Cao nguyên.

**Câu 16:** Về tự nhiên, Alaska của Hoa Kì không có đặc điểm nào?

**A.** Là bán đảo rộng lớn.

**B.** Địa hình chủ yếu là đồi núi.

**C.** Khí hậu cận nhiệt lục địa.

**D.** Có trữ lượng lớn về dầu mỏ và khí tự nhiên.

**Câu 17:** Một trong những đặc điểm cơ bản của điểm công nghiệp nước ta là **A.** thường hình thành ở các tỉnh miền núi.

**B.** mới được hình thành ở nước ta.

**C.** do Chính phủ thành lập.

**D.** có các ngành chuyên môn hoá.

**Câu 18:** Phân bố dân số nước ta không đồng đều giữa các vùng trong cả nước, gây ra nhiều khó khăn,nhất là

**A.** sử dụng hợp lí nguồn lao động.

**B.** khai thác tài nguyên khoáng sản.

**C.** khai thác đất nông nghiệp.

**D.** đào tạo và nâng cao tay nghề

**Câu 19:** Hiện nay, nước ta đang trong giai đoạn cơ cấu dân số vàng, điều đó có ý nghĩa là **A.** số trẻ em dưới 1 tuổi chiếm hơn 2/3 dân số.

**B.** số người trong độ tuổi 0 – 14 chiếm 2/3 dân số.

**C.** số người ở độ tuổi 15 – 59 chiếm hơn 2/3 dân số.

**D.** số người ở độ tuổi trên 60 tuổi chiếm hơn 2/3 dân số.

**Câu 20:** Điều kiện thuận lợi giúp Đồng bằng sông Cửu Long cung cấp hơn 50% sản lượng thuỷ sản cácloại của cả nước là

**A.** người dân có nhiều kinh nghiệm. **B.** gần các ngư trường trọng điểm.

**C.** gần với Thành phố Hồ Chí Minh. **D.** tiếp giáp với vùng biển rộng.

**Câu 21:** Thế mạnh độc đáo của Đồng bằng sông Hồng trong sản xuất lương thực, thực phẩm là **A.** chăn nuôi lợn, gia cầm số lượng lớn.

**B.** trồng rau, quả có nguồn gốc ôn đới và cận nhiệt.

**C.** nuôi trồng thuỷ sản nước ngọt.

**D.** trình độ thâm canh cao nhất cả nước.

**Câu 22:** Nước ta đang phát huy thế mạnh của nền nông nghiệp nhiệt đới, thể hiện qua

**A.** việc hình thành các vùng nông nghiệp chuyên môn hoá.

**B.** việc phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các vùng Trung du, miền núi.

**C.** việc đẩy mạnh nuôi trồng thuỷ sản ở các vùng ven biển.

**D.** đẩy mạnh sản xuất cây trồng ôn đới ở Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 23:** Yếu tố nào sau đây không tác động trực tiếp đến sự phần hoá lãnh thổ công nghiệp nước ta? **A.** Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.

**B.** Điều kiện dân cư và lao động.

**C.** Chính sách phát triển công nghiệp, thị trường.

**D.** Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

**Câu 24:** Quốc lộ 1A và đường sắt Thống Nhất là hệ thống giao thông có giá trị hàng đầu trong việc pháttriển kinh tế - xã hội của nước ta vì

**A.** tạo nên mối liên hệ kinh tế quan trọng nhất giữa các vùng **B.** nối Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh

**C.** liên kết các vùng nông nghiệp trù phú nhất cả nước **D.** chạy qua các trung tâm công nghiệp

**Câu 25:** Kim ngạch xuất khẩu của nước ta ngày càng tăng, chủ yếu là nhờ **A.** mở rộng và đa dạng hoá thị trường.

**B.** đẩy mạnh khai thác tài nguyên khoáng sản.

**C.** phát triển công nghiệp chế biến.

**D.** thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 26:** Về trữ lượng, các loại khoáng sản mà Liên bang Nga đứng đầu thế giới là

**A.** than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên. **B.** dầu mỏ, khí tự nhiên, quặng sắt.

**C.** khí tự nhiên, quặng sắt, quặng kali. **D.** than đá, quặng sắt, quặng kali.

**Câu 27:** Tài nguyên khoáng sản có trữ lượng đáng kể nhất ở vùng Tây Nguyên là

**A.** Sắt. **B.** bôxit. **C.** Than. **D.** Đồng.

**Câu 28:** Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ đặt ra nhu cầu

rất lớn cần phải giải quyết trước tiên là?

**A.** năng lượng. **B.** khoáng sản. **C.** giao thông. **D.** lao động.

**Câu 29:** Duyên hải Nam Trung Bộ là vùng có nhiều cảng biển nước sâu là nhờ

**A.** Có hệ thống núi ăn lan ra tận biển. **B.** Có nhiều vùng, vịnh, kín gió.

**C.** Có nhiều dòng chảy lớn, cửa sông rộng. **D.** Địa hình cao ở ven biển.

**Câu 30:** Mục tiêu nào sau đây là mục tiêu khái quát mà các nước ASEAN cần đạt được? **A.** Đoàn kết, hợp tác vì một ASEAN hoà bình, ổn định và cùng phát triển.

**B.** Thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hoá, giáo dục và tiến bộ xã hội của các nước thành viên.

**C.** Xây dựng ASEAN thành một khu vực hoà bình, ổn định, có nền kinh tế, văn hoá phát triển.

**D.** Giải quyết những khác biệt trong nội bộ liên quan đến mối quan hệ giữa ASEAN với các nước,khối nước hoặc các tổ chức quốc tế khác.

**Câu 31:** Tây Nguyên có vị trí đặc biệt về mặt quốc phòng vì?

**A.** Có độ cao lớn, có biên giới chung với Lào và Cam-pu-chia.

**B.** Đây là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc ít người.

**C.** Đây là vùng duy nhất của nước ta không tiếp giáp với biển.

**D.** Có địa hình hiểm trở với nhiều diện tích là rừng rậm

**Câu 32:** TỶ SUẤT SINH THÔ, TỶ SUẤT TỬ THÔ VÀ TỶ LỆ TĂNG TỰ NHIÊN CỦA DÂN SỐ

PHÂN THEO THÀNH THỊ

(Đơn vị: %o)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tỷ suất sinh thô** | **Tỷ suất từ thô** | **Tỷ lệ tăng tự nhiên** |
|  |  |  |  |
| **2001** | 15,4 | 3,9 | 11,6 |
|  |  |  |  |
| **2005** | 15,6 | 4,2 | 11,4 |
|  |  |  |  |
| **2009** | 17,3 | 5,5 | 11,8 |
|  |  |  |  |
| **2013** | 16,2 | 6,2 | 10,0 |
|  |  |  |  |
| **2015** | 15,5 | 5,8 | 9,5 |
|  |  |  |  |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam)*

Qua bảng số liệu trên, nhận xét nào dưới đây là không đúng?

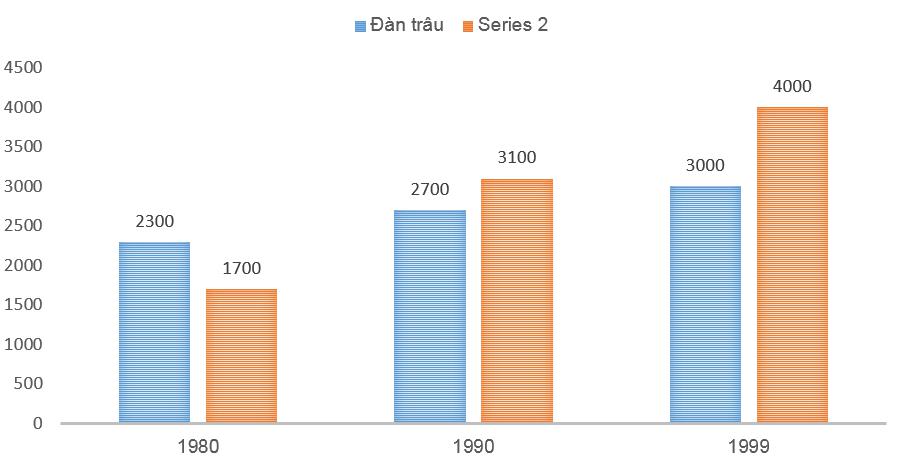
**A.** Tỷ suất sinh thô có xu hướng giảm từ năm 2001 đến năm 2015.

**B.** Tỷ suất tử thô của nước ta có xu hướng tăng trong những năm gần đây.

**C.** Tỷ lệ gia tăng tự nhiên bằng tỷ suất tử thô cộng với tỉ suất sinh thô.

**D.** Tỷ suất gia tăng tự nhiên có xu hướng giảm từ năm 2001 đến 2015.

**Câu 33:** Cho biểu đồ sau:



SỐ LƯỢNG ĐÀN TRÂU, BÒ

Qua biểu đồ trên nhận xét nào dưới đây là đúng?

**A.** Số lượng đàn trâu và đàn bò có xu hướng giảm.

**B.** Số lượng đàn bò tăng chậm hơn số lượng đàn trâu.

**C.** Số lượng đàn bò thay đổi biến động.

**D.** Số lượng đàn trâu và đàn bò có xu hướng tăng.

**Câu 34:** Vùng có nhiều đô thị nhất nước ta là

**A.** Trung du và miền núi phía bắc. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 35:** Cơ sở để đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp ở nước ta là

**A.** mở rộng diện tích đất trồng lúa. **B.** đảm bảo tốt an ninh lương thực.

**C.** đẩy mạnh chế biến thức ăn gia súc. **D.** phát triển diện tích đồng cỏ tự nhiên.

**Câu 36:** Đối với vùng Bắc Trung Bộ, lát cắt lãnh thổ từ Tây sang đông thể hiện cơ cấu ngành nôngnghiệp (theo nghĩa rộng) theo không gian là

**A.** nông-lâm-ngư nghiệp. **B.** lâm-nông-ngư nghiệp.

**C.** ngư-nông-lâm nghiệp. **D.** ngư – lâm – nông nghiệp.

**Câu 37:** Tại sao Tây Nguyên có thể trồng các cây có nguồn gốc cận nhiệt?

**A.** Do Tây Nguyên có khí hậu cận xích đạo.

**B.** Do Tây Nguyên không giáp biển.

**C.** Do Tây Nguyên có địa hình cao trên 1000 m.

**D.** Do Tây Nguyên chịu ảnh hưởng của gió mùa mùa hạ.

**Câu 38:** Một số bãi biển nổi tiếng trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là **A.** Cửa Lò, Nhật Lệ, Cà Ná, Sa Huỳnh, Nha Trang, Vũng Tàu.

**B.** Sầm Sơn, Thiên Cầm, Nhật Lệ, Cà Ná, Nha Trang, Vũng Tàu.

**C.** Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Quy Nhơn, Nha Trang, Cà Ná, Mũi Né.

**D.** Cát Bà, Mũi Né, Lăng Cô, Nha Trang, Cà Ná, Mũi Né.

**Câu 39:** Đồng bằng châu thổ nước ta được thành tạo và phát triển do phù sa sông bồi tụ dần trên

**A.** vịnh biển nông, thềm lục địa mở rộng. **B.** vịnh biển nông, thềm lục địa hẹp.

**C.** vịnh biển sâu, thềm lục địa mở rộng. **D.** vịnh biển sâu, thềm lục địa hẹp.

**Câu 40:** Nước ta cần phải chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp để

**A.** tránh tình trạng phát triển phiến diện.

**B.** hạn chế các rủi ro do thiên tai gây ra.

**C.** giảm bớt nguồn vốn đầu tư cho công nghiệp.

**D.** thích nghi với tình hình chung và hội nhập vào thị trường khu vực và thế giới.

**----------- HẾT ----------**

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1-C** | **2-A** | **3-B** | **4-C** | **5-C** | **6-A** | **7-C** | **8-C** | **9-D** | **10-C** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **11-C** | **12-C** | **13-D** | **14-D** | **15-B** | **16-C** | **17-A** | **18-A** | **19-C** | **20-B** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **21-B** | **22-A** | **23-D** | **24-A** | **25-A** | **26-C** | **27-B** | **28-A** | **29-B** | **30-A** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **31-A** | **32-C** | **33-D** | **34-A** | **35-B** | **36-B** | **37-C** | **38-C** | **39-A** | **40-D** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**

**Câu 1: C**

Hệ Mặt Trời có 8 hành tinh: Thuỷ tinh, Kim tinh, Trái Đất, Hoả tinh, Mộc tinh, Thổ tinh, Thiên Vương tinh, Hải Vương tinh (sắp xếp theo thứ tự khoảng cách xa dần Mặt Trời).

**Câu 2: A**

Để tránh sự hỗn loạn về ngày tháng, Hội nghị quốc tế về kinh tuyến họp tại Washington năm 1884 đã quy định một đường thay đổi ngày quốc tế. Đường này nằm trên kinh dị 180 trong Thái Bình Dương. Đây là đường ranh giới giữa "hôm nay" và "ngày mai". Để tránh việc trong cùng 1 nước lại có 2 ngày tháng, đường ranh giới này trên thực tế A không phải là một đường gấp khúc. Đường đi bắt đầu từ Bắc cực, qua eo biển Bering, Thái Bình Dương, cho đến tận Nam cực. Như vậy sẽ không phải đi qua bất cứ nước nào. Nửa đêm trên đường này lại đúng là 0 giờ, giờ địa phương. Theo quy định, hễ đi ngang qua đường này, ngày tháng sẽ phải thay đổi. Đi từ Tây sang đông qua đây phải thêm 1 ngày. Đi từ Đông sang Tây phải giảm đi 1 ngày.

**Câu 3: B**

Sự khác nhau về chế độ lũ của sông Hồng và sông Cửu Long là do sự khác nhau về trạng thái bề mặt lưu vực và hình thái của mạng lưới sông.

**Câu 4: C**

Trung du và miền núi Bắc Bộ có thế mạnh về trồng và chế biến cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới là do khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh và ảnh hưởng của địa hình núi cao.

**Câu 5: C**

Gió Tây ôn đới là loại gió từ các khu áp cao ở 2 chí tuyến về phía vùng áp thấp ôn đới. Sở dĩ gọi là gió Tây vì hướng chủ yếu của gió này là hướng tây.

**Câu 6: A**

Hình thức trung tâm công nghiệp chưa xuất hiện ở vùng Tây Nguyên.

**Câu 7: C**

Hướng tây bắc - đông nam của địa hình nước ta thể hiện rõ rệt nhất trong khu vực vùng núi tây bắc. Có dãy Hoàng Liên Sơn cao trên 2500 m, chạy theo hướng tây bắc - đông nam.

**Câu 8: C**

Nguyên nhân dẫn đến quy luật địa đới là do dạng hình cầu của Trái Đất và bức xạ Mặt Trời. Dạng cầu làm cho góc chiếu của tia sáng mặt trời tới bề mặt Trái Đất thay đổi từ Xích đạo về hai cực, vì vậy lượng bức xạ mặt trời mà mặt đất nhận được cũng thay đổi theo.

**Câu 16: C**

Alaska là bán đảo rộng lớn, nằm ở tây bắc của Bắc Mĩ, địa hình chủ yếu là đồi núi. Đây là nơi có trữ lượng dầu mỏ và khí tự nhiên lớn thứ hai của Hoa Kì. Khí hậu Anchorage và Trung Nam Alaska là ôn hòa theo tiêu chuẩn tại Alaska do vùng này nằm gần bờ | biển. Mặc dù có lượng mưa thấp hơn vùng đông nam Alaska, song vùng này lại có nhiều tuyết hơn, và ban ngày có xu hướng quang đãng hơn. Khu vực có khí hậu cận Bắc cực do có một mùa hè ngắn và mát. Khí hậu Tây Alaska được xác định phần lớn nhờ biển Bering và vịnh Alaska, vùng này có khí hậu cận Bắc cực đại dương ở phần tây nam và khí hậu cận Bắc cực lục địa ở xa về phía bắc, có lượng giáng thủy lớn. Vùng nội địa của Alaska có khí hậu cận Bắc cực. =>Có khí hậu cận nhiệt lục địa là sai.

**Câu 17: A**

Một trong những đặc điểm cơ bản của điểm công nghiệp nước ta là thường hình thành các tỉnh miền núi do gần các mỏ khoáng sản, vùng nguyên liệu.

**Câu 18: A**

Phân bố dân số nước ta không đồng đều giữa các vùng trong cả nước, gây ra nhiều khó khăn, nhất là sử dụng hợp lý nguồn lao động

**Câu 19: C**

Cơ cấu dân số vàng thể hiện ý nghĩa: số người ở độ tuổi 15 – 59 chiếm hơn 2/3 dân số

**Câu 20: B**

Điều kiện thuận lợi giúp Đồng bằng sông Cửu Long cung cấp hơn 50% sản lượng thuỷ sản các loại của cả nước là do ở đây gần các ngư trường trọng điểm của cả nước.

**Câu 21: B**

Thế mạnh độc đáo của Đồng bằng sông Hồng trong sản xuất lương thực, thực phẩm là trồng rau, quả có nguồn gốc ôn đới và cận nhiệt, do Đồng bằng sông Hồng có một mùa đông lạnh.

**Câu 22: A**

Nước ta đang phát huy thế mạnh của nền nông nghiệp nhiệt đới, thể hiện qua việc hình thành các vùng nông nghiệp chuyên môn hoá.

**Câu 23: D**

Yếu tố không tác động trực tiếp đến sự phân hoá lãnh thổ công nghiệp nước ta là yêu tố khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

**Câu 24: A**

Quốc lộ 1A và đường sắt Thống Nhất là hệ thống giao thông có giá trị hàng đầu trong việc phát triển kinh tế - xã hội của nước ta vì tạo nên mối liên hệ kinh tế quan trọng nhất giữa các vùng.

**Câu 25: A**

Kim ngạch xuất khẩu của nước ta ngày càng tăng, chủ yếu là nhờ mở rộng và đa dạng hoá thị trường.

**Câu 26: C**

Liên bang Nga có nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng và phong phú.

* Khí tự nhiên có trữ lượng 56000 tỉ mỉ, xếp hạng số 1 thế giới. +Quặng sắt: 70 tỉ tấn xếp hạng số 1 thế giới.

+Quặng kali 3,6 tỉ tấn, xếp hạng số 1 thế giới.

**Câu 27: B**

Tài nguyên khoáng sản có trữ lượng đáng kể nhất ở vùng Tây Nguyên là bôxit.

**Câu 28: A**

Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ đặt ra nhu cầu rất lớn cần phải giải quyết trước tiên là năng lượng.

**Câu 29: B**

Duyên hải Nam Trung Bộ là vùng có nhiều cảng biển nước sâu là nhờ ở đây có nhiều vũng, vịnh, kín gió, thềm lục địa hẹp - sâu.

**Câu 30: A**

Mục tiêu khái quát nhất của ASEAN là:

Đoàn kết, hợp tác vì một ASEAN hoà bình, ổn định và cùng phát triển.

**Câu 31: A**

Tây Nguyên có vị trí đặc biệt về mặt quốc phòng và có độ cao lớn, có biên giới chung 31 A với Lào và Cam-pu-chia. Vì thế, Tây Nguyên có vị trí đặc biệt quan trọng về quốc | phòng và xây dựng.

**Câu 32: C**

Quan sát bảng số liệu ta có:

* Tỷ suất sinh thô có xu hướng giảm từ năm 2001 đến năm 2015 => Đúng.
* Tỷ suất từ thô của nước ta có xu hướng tăng trong những năm gần đây=> Đúng 32 C
* Tỷ lệ gia tăng tự nhiên bằng tỷ suất từ thô cộng với tỉ suất sinh thổ => Đáp án sai là bởi vì: Tỷ lệ gia tăng tự nhiên bằng tỷ suất sinh thô trừ tỉ suất tử thô.
* Tỷ suất gia tăng tự nhiên có xu hướng giảm từ năm 2001 đến năm 2015 => Đúng.

**Câu 33: D**

Qua biểu đồ ta thấy:

* Số lượng đàn trâu và đàn bò có xu hướng giảm=> sai.
* Số lượng đàn bò tăng chậm hơn số lượng đàn trâu=> sai.
* Số lượng đàn bò thay đổi biến động => sai.
* Số lượng đàn trâu và đàn bò có xu hướng tăng => đúng. Từ năm 1980 đến năm 1999, số lượng đàn trâu, bò có xu hướng tăng liên tục.

**Câu 34: A**

Vùng có nhiều đô thị nhất nước ta hiện nay là: Vùng Trung du và miền núi phía bắc với 167 đô thị. Đồng bằng sông Hồng: 118 đô thị.

Đồng bằng sông Cửu Long: 133 đô thị.

Đông Nam Bộ: 50 đô thị.

**Câu 35: B**

Cơ sở để đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp ở nước ta là chúng ta đã đảm bảo tốt an ninh lương thực.

**Câu 36: B**

Đối với vùng Bắc Trung Bộ, lát cắt lãnh thổ từ Tây sang đông thể hiện cơ cấu ngành nông nghiệp (theo nghĩa rộng) theo không gian là: lâm - nông - ngư nghiệp.

**Câu 37: C**

Tây Nguyên có thể trồng cả cây nhiệt đới và các cây có nguồn gốc cận nhiệt vì ở đây có địa hình cao trên

1000 m.

**Câu 38: C**

Một số bãi biển nổi tiếng trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là: Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Quy Nhơn, Nha Trang, Cà Ná, Mũi Né.

**Câu 39: A**

Đồng bằng châu thổ nước ta được thành tạo và phát triển do phù sa sông bồi tụ dần trên: Vịnh biển nông, thềm lục địa mở rộng.

**Câu 40: D**

Nước ta cần phải chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp để thích nghi với tình trạng chung và hội nhập vào thị trường khu vực và thế giới.

**CHUYÊN GIA LUYỆN THI**

**MEGABOOK**

**<*Chuẩn theo cấu trúc của bộ*>**

**Mã đề: 08**

**ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA**

**NĂM HỌC 2018 – 2019**

**Môn: Địa lí**

*Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề*

**Câu 1:** Trong tổng diện tích rừng ở nước ta, chiếm tỉ lệ lớn nhất là

**A.** rừng tự nhiên. **B.** rừng nghèo và rừng mới phục hồi.

**C.** rừng trồng chưa được khai thác. **D.** đất trống, đồi núi trọc.

**Câu 2:** Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa và tính chất khép kín của Biển Đông được thể hiện qua các yếu tố

nào?

**A.** Yếu tố hải văn. **B.** Yếu tố địa chất.

**C.** Yếu tố địa hình. **D.** Yếu tố khoáng sản.

**Câu 3:** Trong khi Trái Đất tự quay quanh trục những địa điểm không thay đổi vị trí là:

**A.** hai cực. **B.** hai chí tuyến. **C.** vòng cực. **D.** xích đạo.

**Câu 4:** Do tác động của lực Côriôlit nên bán cầu Bắc các vật chuyển động từ cực về xích đạo sẽ bị lệchvề hướng nào?

**A.** Về phía bên phải theo hướng chuyển động.

**B.** Về phía bên trái theo hướng chuyển động.

**C**. Về phía bên trên theo hướng chuyển động.

**D.** Về phía Xích đạo.

**Câu 5:** Khối núi thượng nguồn sông Chảy gồm nhiều đỉnh núi cao trên 2000 m nằm trong vùng núi nào?

**A.** Trường Sơn Bắc **B.** Trường Sơn Nam. **C.** đông bắc **D.** tây bắc.

**Câu 6:** Loại hình giao thông có ưu điểm rẻ, thích hợp với việc chuyên chở các hàng hóa nặng, cồng kềnh,

không cần nhanh là

**A.** đường ôtô. **B.** đường sắt. **C.** đường biển. **D.** hàng không.

**Câu 7:** Tài nguyên biển nước ta mang hiệu quả kinh tế cao, cần chú ý khai thác theo hướng nào? **A.** Nên tập trung đầu tư cho một ngành then chốt.

**B.** Chú ý trước nhất vào xây dựng cơ sở hạ tầng các cảng biển.

**C.** Phát triển kinh tế biển tổng hợp.

**D.** Giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường.

**Câu 8:** Vùng nào sau đây không chịu ảnh hưởng của gió mùa mùa đông?

**A.** đông bắc. **B.** tây bắc. **C.** Trường Sơn Bắc. **D.** Trường Sơn Nam.

**Câu 9:** Việc hình thành cơ cấu nông-lâm-ngư nghiệp có ý nghĩa lớn đối với sự hình thành cơ cấu kinhtế chung của vùng Bắc Trung Bộ bởi vì nó góp phần

**A.** tạo ra cơ cấu ngành kinh tế của vùng.

**B.** giải quyết việc làm cho một bộ phận lao động xã hội của vùng.

**C.** khai thác tiềm năng to lớn của cả đất liền và biển của vùng.

**D.** tạo ra cơ cấu ngành và thế liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian của vùng. **Câu 10:** Đại nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc có độ cao là bao nhiêu?

**A.** Dưới 600 –700 m. **B.** Dưới 900- 1000 m.

**C.** Dưới 1600 m. **D.** Dưới 2600 m.

**Câu 11:.** Hiện nay ở Hoa Kì người Anh-điêng sinh sống ở

**A.** vùng đồi núi hiểm trở phía tây. **B.** vùng núi già Apalát phía đông.

**C.** vùng ven vịnh Mêhicô. **D.** vùng đồng bằng Trung tâm.

**Câu 12:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23 xác định tuyến đường bộ nối Hà Nội với công HảiPhòng

**A.** Đường Quốc lộ 1A. **B.** Đường số 18.

**C.** Đường số 5. **D.** Đường số 7.

**Câu 13:** Vùng kinh tế quan trọng tập trung nhiều ngành công nghiệp và cung cấp lương thực, thực phẩm

lớn của Liên bang Nga là?

**A.** vùng Trung ương. **B.** vùng Trung tâm đất đen.

**C.** vùng Uran. **D.** vùng Viễn Đông.

**Câu 14:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 30 xác định tỉnh nào sau đây không thuộc vùng kinh tế

trọng điểm phía nam?

**A.** Tây Ninh. **B.** Bình Dương. **C.** Bình Phước. **D.** Cà Mau.

**Câu 15:** Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên Việt Nam được bảo toàn là nhờ

**A.** địa hình kéo dài hẹp ngang. **B.** địa hình có nhiều đồi núi.

**C.** địa hình cắt xẻ mạnh. **D.** địa hình chủ yếu là núi thấp.

**Câu 16:** Những năm 1973-1974 và 1979 1980 tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Nhật Bản giảm sútmạnh là do

**A.** khủng hoảng tài chính trên thế giới. **B.** khủng hoảng dầu mỏ trên thế giới.

**C.** sức mua thị trường trong nước giảm. **D.** thiên tai động đất, sóng thần sảy ra nhiều.

**Câu 17:** Các bộ phận của vùng biển nước ta là

**A.** nội thuỷ, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

**B.** lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

**C.** nội thuỷ, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa.

**D.** nội thuỷ, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế.

**Câu 18:** Gió xuất phát từ áp cao cận chí tuyến Tây Thái Bình Dương thổi vào nước ta theo hướng đôngbắc hoạt động mạnh vào thời kì chuyển tiếp xuân thu có tên là

**A.** gió mùa đông bắc. **B.** gió Tín phong.

**C.** gió mùa mùa hạ. **D.** gió Tây ôn đới.

**Câu 19:** Công nghiệp khai khoáng là thế mạnh của vùng?

**A.** Đồng bằng sông Hồng **B.** Đông Nam Bộ

**C.** Trung du và miền núi Bắc Bộ **D.** Bắc Trung Bộ

**Câu 20:** Hiện nay, các nước trong khu vực Đông Nam Á đang?

**A.** đẩy mạnh sản xuất lương thực.

**B.** đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp.

**C.** chú trọng phát triển ngành chăn nuôi. là

**D.** tiến hành công nghiệp hóa.

**Câu 21:** Cơ cấu công nghiệp phân theo thành phần kinh tế ở nước ta đang chuyển dịch theo hướng nào? **A.** Mở rộng sự tham gia của các thành phần kinh tế.

**B.** Tập trung cho thành phần kinh tế Nhà nước.

**C.** Giảm tỉ trọng của khu vực ngoài Nhà nước.

**D.** Hạn chế thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 22:** Địa phương nào có số dân đô thị nhiều nhất trong các địa phương sau?

**A.** Trung du và miền núi phía bắc. **B.** Bắc Trung Bộ.

**C.** Tây Nguyên. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 23:** Bắc Trung Bộ có điều kiện thuận lợi để phát triển ngành công nghiệp nào

**A.** Chế biến lương thực thực phẩm. **B.** Sản xuất hàng tiêu dùng.

**C.** Vật liệu xây dựng. **D.** Cơ khí điện tử.

**Câu 24:** Mật độ dân số trung bình của Đồng bằng sông Hồng gấp đôi Đồng bằng sông Cửu Long là dođâu?

**A.** Điều kiện tự nhiên. **B.** Trình độ phát triển kinh tế.

**C.** Tính chất nền kinh tế. **D.** Lịch sử khai thác lãnh thổ.

**Câu 25:** Khí hậu mát mẻ, không có tháng nào nhiệt độ trên 25°C, mưa nhiều hơn, độ ẩm tăng là đặc điểm

của đại nào?

**A.** Đai nhiệt đới gió mùa. **B.** Đại cận nhiệt gió mùa trên núi.

**C.** Đai ôn đới gió mùa trên núi. **D.** Đại cận cực.

**Câu 26:** Hạn chế lớn nhất của cơ cấu dân số trẻ là

**A.** gây sức ép cho vấn đề giải quyết việc làm.

**B.** những người trong độ tuổi sinh đẻ lớn.

**C.** gánh nặng phụ thuộc lớn.

**D.** tỉ lệ tăng dân số luôn ở mức cao.

**Câu 27:** Tỉ lệ dân thành thị nước ta còn thấp là do đâu?

**A.** Tính chất nền kinh tế là ngành nông nghiệp.

**B.** Trình độ phát triển công nghiệp của nước ta chưa cao.

**C.** Dân ta có tập quán sống ở nông thôn.

**D.** Nước ta chưa có nhiều đô thị lớn.

**Câu 28:** Loại khoáng sản có trữ lượng lớn đang được khai thác sử dụng ở Đồng bằng sông Hồng là gì?

**A.** Khí đốt. **B.** Than nâu. **C.** Đá vôi, đất sét. **D.** Sắt.

**Câu 29:** Đất feralít có màu đỏ vàng là do

**A.** hình thành trên đá mẹ có nhiều chất bazơ. **B.** nhận được nhiều nhiệt, ẩm.

**C.** lượng phù sa nhiều. **D.** tích tụ nhiêu ô xít sắt và ô xít nhôm.

**Câu 30:** Điểm hạn chế lớn nhất của nền nông nghiệp nước ta là **A.** tính bấp bênh trong sản xuất nông nghiệp.

**B.** sản lượng và năng suất còn thấp.

**C.** chất lượng sản phẩm còn kém.

**D.** chi phí đầu tư lớn

**Câu 31:** Việc phát triển tuyến đường Hồ Chí Minh góp phần **A.** phát triển kinh tế phía đông.

**B.** phân bố lại dân cư.

**C.** mở rộng liên kết theo hướng đông-tây.

**D.** phát triển mạng lưới đô thị ven biển.

**Câu 32:** Vùng núi có đặc điểm bề mặt cao nguyên badan xếp tầng tương đối bằng phẳng, nằm ở các bậcđộ cao khác nhau là

**A.** đông bắc. **B.** tây bắc.

**C.** Trường Sơn Bắc. **D.** Trường Sơn Nam.

**Câu 33:**Ở nước ta, loại đất đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới là

**A.** đất phèn. **B.** đất mặn. **C.** đất phù sa. **D.** đất feralit.

**Câu 34:** Nhận định nào sau đây đúng về vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

**A.** Tất cả các tỉnh đều giáp biển.

**B.** Là vùng có diện tích lớn nhất.

**C.** Tỉ trọng nông nghiệp trong GDP thấp nhất.

**D.** Tỉ trọng trong GDP cao nhất.

**Câu 35:** Các nguồn nguyên liệu chủ yếu để sản xuất điện ở nước ta hiện nay là

**A.** than, địa nhiệt, sức gió. **B.** than, dầu khí, thuỷ năng

**C.** thuỷ triều, sức gió, thuỷ năng **D.** thuỷ điện, điện nguyên tử.

**Câu 36:** Cho bảng số liệu sau:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC THEO GIÁ THỰC TẾ | PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | *(Đơn vị: %)* | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Năm** | **2010** | **2011** | **2012** | **2013** | **2014** |  | **2015** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| Kinh tế Nhà nước | 29,34 | 29,01 | 29,39 | 29,01 | 28,73 |  | 28,69 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| Kinh tế ngoài Nhà nước | 42,96 | 43,87 | 44,62 | 43,52 | 43,33 |  | 43,22 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| Kinh tế tập thể | 3,99 | 3,98 | 4,00 | 4,03 | 4,04 |  | 4,01 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| Kinh tế tư nhân | 6,90 | 7,34 | 7,97 | 7,78 | 7,79 |  | 7,88 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| Kinh tế có thể | 32,07 | 32,55 | 32,65 | 31,71 | 31,50 |  | 31,33 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài | 15,15 | 15,66 | 16,04 | 17,36 | 17,89 |  | 18,07 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm | 12,55 | 11,46 | 9,95 | 10,11 | 10,05 |  | 10,02 |
|  |  |  |  |  |  | |  |
|  |  |  | *(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam)* | | | | |

Nhận định nào đúng trong những nhận định sau?

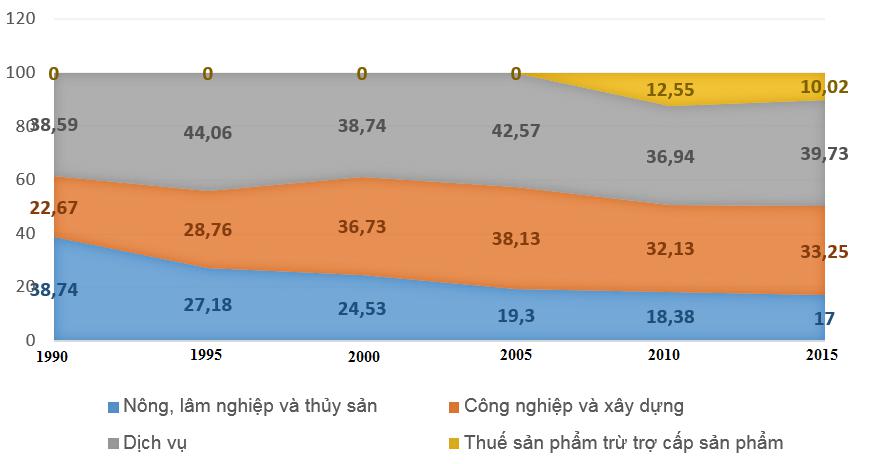
**A.** Thành phần kinh tế ngoài Nhà nước chiếm tỉ trọng cao nhất trong tổng sản phẩm trong nước.

**B.** Kinh tế tư nhân chiếm tỉ trọng nhỏ nhất trong tổng sản phẩm trong nước.

**C.** Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và kinh tế có thể có xu hướng tăng từ năm 2010 đếnnăm 2015.

**D.** Kinh tế tập thể giảm liên tục từ năm 2010 đến năm 2015

**Câu 37:** Cho biểu đồ sau đây:



TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC PHÂN THEO GIÁ THỰC TẾ (%) Biểu đồ trên thể hiện rõ nhất nội dung gì của đối tượng?

**A.** Sự chuyển dịch của tổng sản phẩm trong nước.

**B.** So sánh cơ cấu tổng sản phẩm trong nước theo từng ngành.

**C**. Thể hiện tốc độ tăng trưởng của đối tượng.

**D.** Thể hiện quy mô, cơ cấu của đối tượng.

**Câu 38:**

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT Ở TÂY NGUYÊN VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NĂM 2007 *(Đơn vị: nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vùng** | **Tổng diện** | **Đất nông** | **Đất lâm** | **Đất chuyên** | **Đất chưa** |
|  | **tích** |  | **nghiệp** | **dùng và đất** | **nghiệp** |
|  |  |  |  | **ở** | **nghiệp** |
|  |  |  |  |  |  |
| Tây Nguyên | 5 465,9 | 1 615,8 | 3 050,4 | 165,4 | 634,3 |
|  |  |  |  |  |  |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 4 060,4 | 2 567,3 | 349,0 | 334,2 | 709,9 |
|  |  |  |  |  |  |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê)*

Để vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu, quy mô hiện trạng sử dụng đất ở Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Long năm 2007, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất: | | | |  |  |  |  |
|  | **A.** Miền. | **B.** Cột chồng. | | **C.** Cột ghép. |  | **D.** Tròn. | |
| **Câu 39:** Công trình thuỷ lợi Dầu Tiếng ở Đông Nam Bộ thuộc tỉnh? | | | | |  |  |  |
|  | **A.** Tây Ninh. |  |  | **B.** Bình Dương. | |  |  |
|  | **C.** Bình Phước. |  |  | **D.** Bà Rịa-Vũng Tàu. | |  |  |
| **Câu 40:** Cho bảng số liệu sau: | |  |  |  |  |  |  |
| MỘT SỐ MẶT HÀNG XUẤT KHẨU NƯỚC TA TỪ 2013 – 2015 | | | | |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Sản phẩm |  | 2010 | 2012 | 2013 |  | 2015 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Dầu thô (*Triệu đô la Mỹ*) |  | 5.023,5 | 8.211,9 | 7.226,4 |  | 3.710,2 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Than đá (*Triệu đô la Mỹ*) |  | 1.614,6 | 1.239,8 | 914,1 |  | 185,1 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam)*

Dựa vào bảng số liệu trên, để thể hiện tốc độ tăng trưởng một số mặt hàng xuất khẩu từ năm 2010 đến

năm 2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

**A.** Biểu đồ đường **B.** Biểu đồ cột

**C.** Biểu đồ tròn

**D.** Biểu đồ miền

**----------- HẾT ----------**

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1-B** | **2-A** | **3-A** | **4-A** | **5-C** | **6-C** | **7-C** | **8-D** | **9-D** | **10-A** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **11-C** | **12-C** | **13-A** | **14-D** | **15-D** | **16-B** | **17-A** | **18-B** | **19-C** | **20-D** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **21-A** | **22-A** | **23-C** | **24-D** | **25-B** | **26-A** | **27-B** | **28-C** | **29-D** | **30-A** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **31-B** | **32-B** | **33-D** | **34-A** | **35-B** | **36-A** | **37-A** | **38-D** | **39-A** | **40-A** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**

**Câu 1: B**

Trong tổng diện tích rừng ở nước ta, 70% là diện tích rừng nghèo và rừng mới phục hồi.

**Câu 2: A**

Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa và tính chất khép kín của Biển Đông được thể hiện qua các yếu tố hải văn (nhiệt độ, độ muối của nước biển, sóng, thuỷ triều, hải lưu) và sinh vật biển.

**Câu 3: A**

Trong khi Trái Đất tự quay quanh trục những địa điểm không thay đổi vị trí là hai điểm cực Bắc và cực Nam.

**Câu 4: A**

Do tác động của lực Côriôlit nên bán cầu Bắc các vật chuyển động từ cực về xích đạo sẽ bị lệch hướng về bên phải.

**Câu 5: C**

Khối núi thượng nguồn sông Chảy gồm nhiều đỉnh núi cao trên 2000 m nằm trong vùng núi đông bắc.

**Câu 6: C**

Loại hình giao thông có ưu điểm rẻ, thích hợp với việc chuyên chở các hàng hóa nặng, công kềnh, không cần nhanh là đường biển.

**Câu 7: C**

Tài nguyên biển nước ta mang hiệu quả kinh tế cao, cần chú ý khai thác theo hướng phát triển kinh tế biến tổng hợp.

Phát triển tổng hợp kinh tế biển bao gồm:

* Giao thông vận tải biển.
* Khai thác và nuôi trồng thuỷ hải sản.
* Khoáng sản biển.
* Du lịch biển.

**Câu 8: D**

Vùng không chịu ảnh hưởng của gió mùa mùa đông là vùng Trường Sơn Nam. Ranh giới của khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc là từ Bạch Mã trở ra Bắc. Ranh giới của Trường Sơn Nam là phía nam dãy Bạch Mã.

**Câu 9: D**

Việc hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp có ý nghĩa lớn đối với sự hình thành cơ cấu kinh tế chung của vùng Bắc Trung Bộ bởi vì nó không chỉ góp phần tạo ra cơ cấu ngành, mà còn tạo thế liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian.

**Câu 10: A**

Thiên nhiên nước ta có 3 đại cao:

* Đai nhiệt đới gió mùa:
* Đai nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc có độ cao là dưới 600 – 700 m.
* Đai nhiệt đới gió mùa ở miền Nam có độ cao là dưới 900 – 1000 m. - Đai cận nhiệt gió mùa trên núi.

- Đại ôn đới gió mùa trên núi.

**Câu 11: C**

Hiện nay ở Hoa Kì người Anh-điêng sinh sống ở vùng đồi núi hiểm trở phía tây.

**Câu 12: C**

Tuyến đường bộ nối Hà Nội với cảng Hải Phòng là đường số 5.

**Câu 13: A**

Vùng Trung ương: là vùng kinh tế lâu đời, phát triển nhất. Tập trung nhiều ngành công nghiệp. Sản lượng lương thực, thực phẩm lớn.

**Câu 14: D**

Tỉnh không thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía nam là tỉnh Cà Mau, Cà Mau thuộc vùng kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 15: D**

Tỉnh chất nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên Việt Nam được bảo toàn là nhờ địa hình chủ yếu nước ta là núi thấp.

**Câu 16: B**

Những năm 1973 1974 và 1979 1980 tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Nhật Bản giảm sút mạnh là do khủng hoảng dầu mỏ. Nền kinh tế giảm xuống còn 2,6% năm

**Câu 17: A**

Các bộ phận của vùng biển nước là: nội thuỷ, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

**Câu 18: B**

Gió xuất phát từ áp cao cận chí tuyến Tây Thái Bình Dương thổi vào nước ta theo hướng đông bắc hoạt động mạnh vào thời kì chuyển tiếp xuân thu có tên là gió Tín phong.

**Câu 19: C**

Công nghiệp khai khoáng là thế mạnh của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, đây là vùng có nhiều mỏ khoáng sản với trữ lượng lớn.

**Câu 20: D**

Hiện nay, các nước trong khu vực Đông Nam Á đang tiến hành công nghiệp hoá.

**Câu 21: A**

Cơ cấu công nghiệp phân theo thành phần kinh tế ở nước ta đang chuyển dịch theo hướng mở rộng sự tham gia của các thành phần kinh tế nhằm phát huy mọi tiềm năng cho việc phát triển sản xuất.

**Câu 22: A**

Địa phương có số dân đô thị nhiều nhất là Đông Nam Bộ.

Trung du miền núi Bắc Bộ: 2151 nghìn người.

Bắc Trung Bộ: 1463 nghìn người.

Tây Nguyên: 1368 nghìn người.

Đông Nam Bộ: 6928 nghìn người.

**Câu 27: B**

Tỉ lệ dân thành thị nước ta còn thấp là do trình độ phát triển công nghiệp của nước ta chưa cao.

**Câu 28: C**

Loại khoáng sản có trữ lượng lớn đang được khai thác sử dụng ở Đồng bằng sông Hồng là đá vôi và đất sét.

**Câu 29: D**

Đất feralit có màu đỏ vàng là do tích tụ nhiều ô xít sắt và ô xít nhôm.

**Câu 30: A**

Điểm hạn chế lớn nhất của nền nông nghiệp nước ta là tính bấp bênh trong sản xuất nông nghiệp.

**Câu 31: B**

Việc phát triển tuyến đường Hồ Chí Minh góp phần phân bố lại dân cư, và phát triển kinh tế phía tây.

**Câu 32: D**

Vùng núi có đặc điểm bề mặt cao nguyên badan xếp tầng tương đối bằng phẳng, nằm các bậc độ cao khác nhau Trường Sơn Nam.

**Câu 33: D**

* nước ta, loại đất đặc trưng cho khí hậu nhiệt đới là đất feralit.

**Câu 34: A**

Nhận định nào sau đây đúng về vùng kinh tế trọng điểm miền Trung là tất cả các tỉnh đều giáp biển.

**Câu 35: B**

Các nguồn nguyên liệu chủ yếu để sản xuất điện ở nước ta hiện nay là than, dầu khí, thuỷ năng.

**Câu 36: A**

Quan sát bảng số liệu ta thấy:

- Thành phần kinh tế ngoài Nhà nước chiếm tỉ trọng cao nhất trong tổng sản Phan trong nước là đáp án đúng.

- Kinh tế tư nhân chiếm tỉ trọng nhỏ nhất trong tổng sản phẩm trong nước => Sai

- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và kinh tế có thể có xu hướng tăng từ năm 2010 đến 2015. => Sai - Kinh tế tập thể giảm liên tục từ năm 2010 đến 2015=> Sai.

**Câu 37: A**

Biểu đồ trên là biểu đồ miền nên thể hiện sự chuyển dịch của tổng sản phẩm trong nước theo các ngành.

**Câu 38: D**

Để vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu, quy mô hiện trạng sử dụng đất ở Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long năm 2007, biểu đồ thích hợp nhất là biểu đồ tròn.

**Câu 39: A**

Công trình thuỷ lợi Dầu Tiếng ở Đông Nam Bộ thuộc tỉnh Tây Ninh.

**Câu 40: A**

Với bảng số liệu và yêu cầu đề bài này chúng ta sẽ vẽ biểu đồ đường tương đối. Chúng ta phải xử lý số liệu (lấy năm đầu tiên =100%), sau đó tiến hành vẽ biểu đồ đường.

**CHUYÊN GIA LUYỆN THI**

**MEGABOOK**

**<*Chuẩn theo cấu trúc của bộ*>**

**Mã đề: 09**

**ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA**

**NĂM HỌC 2018 – 2019**

**Môn: Địa lí**

*Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề*

**Câu 1:** Việt Nam có đường biên giới trên đất liền ngắn nhất với quốc gia nào?

**A.** Lào. **B.** Trung Quốc. **C.** Thái Lan. **D.** Campuchia.

**Câu 2:** Các ngành công nghiệp chủ yếu hiện nay của Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** vật liệu xây dựng, chế biến nông-lâm-ngư nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng.

**B.** đóng tàu, chế biến nông-lâm-ngư nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng.

**C.** điện tử, chế biến nông-lâm-ngư nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng.

**D.** cơ khí, chế biến nông-lâm-ngư nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng.

**Câu 3:** Nhận định nào sau đây thể hiện không đúng vị trí của nước ta?

**A.** Việt Nam nằm trên ngã ba đường hàng hải và hàng không quốc tế.

**B.** Vị trí liền kề cùng với nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hóa-xã hội giữa các nước láng giềng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **C.** Vị trí nằm trong một khu vực kinh tế phát triển năng động và nhạy cảm. | | |  |
| **D.** Vị trí nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng sâu sắc của bão. | | |  |
| **Câu 4:** Than nâu phân bố chủ yếu ở | |  |  |
| **A.** Quảng Ninh. |  | **C.** tây bắc. |  |
| **B.** Đồng bằng sông Hồng. |  | **D.** Đồng bằng sông Cửu Long. | |
| **Câu 5:** Thung lũng sông nào sau đây không thuộc vùng núi đông bắc? | | |  |
| **A.** Thung lũng sông Cầu. |  | **B.** Thung lũng sông Thương. | |
| **C.** Thung lũng sông Lục Nam. | | **D.** Thung lũng sông Thu Bồn. | |
| **Câu 6:** Độ che phủ rừng của Bắc Trung Bộ đứng sau | |  |  |
| **A.** Tây Nguyên.. |  | **B.** Đông Nam Bộ. |  |
| **C.** Trung du và miền núi Bắc Bộ. | | **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ. | |
| **Câu 7:** Số lượng các vành đai nhiệt từ Bắc cực đến Nam cực là | | |  |
| **A.** năm vòng đai. | **B.** sáu vòng đai. | **C.** bảy vòng đai. | **D.** bốn vòng đai. |

**Câu 8:** Ngành giao thông vận tải trẻ tuổi, có tốc độ phát triển nhanh, sử dụng có hiệu quả những thành

tựu mới nhất của khoa học – kĩ thuật là

**A.** đường biển. **B.** hàng không. **C.** đường ống. **D.** đường ôtô.

**Câu 9:** Vườn quốc gia Cát Tiên thuộc tỉnh/ thành phố nào?

**A.** Đồng Nai. **B.** Kon Tum... **C.** TP. Hồ Chí Minh. **D.** Tây Ninh.

**Câu 10:** Tinh nào ở Tây Nguyên có diện tích trồng chè lớn nhất nước?

**A.** Kon Tum. **B.** Lâm Đồng. **C.** Gia Lai. **D.** Đắk Lắk

**Câu 11:** Phong hoá lí học được hiểu là

**A.** sự phá huỷ đá thành những khối vụn có kích thước to, nhỏ khác nhau.

**B.** sự phá vỡ cấu trúc phân tử của đá.

**C.** sự phá vỡ nhưng không làm thay đổi thành phần hoá học của đá.

**D.** vừa là sự phá vỡ thành phần hoá học và tính chất vật lí của đá.

**Câu 12:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10 xác định sông nào bắt nguồn từ Lào và chảy về ViệtNam

**A.** Sông Hồng. **B.** Sông Cả. **C.** Sông Đồng Nai. **D.** Sông Ba. **Câu 13:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15 xác định Biên Hoà thuộc phân cấp đô thị loại mây

**A.** Loại đặc biệt. **B.** Loại 1. **C.** Loại 2. **D.** Loại 3.

**Câu 14:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17 xác định khu kinh tế ven biển Hòn La thuộc tỉnh nào?

**A.** Hà Tĩnh. **B.** Quảng Bình. **C.** Quảng Trị. **D.** Thừa Thiên Huế.

**Câu 15:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 16 xác định vùng Đồng bằng sôngHồng thuộc ngữ hệ nào?

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **A.** Ngữ hệ Nam Á. | |  |  | **B.** Ngữ hệ Thái-KaĐai. | | |
|  | **C.** Ngữ hệ Hán-Tạng. | | | | **D.** Ngữ hệ H'Mông- Dao. | | |
| **Câu 16:** Nguyên nhân khiến ngày và đêm luôn phiên xuất hiện trên Trái Đất là | | | | | | |  |
|  | **A.** Trái Đất hình cầu. | | | |  |  |  |
|  | **B.** Trái Đất tự quay quanh trục. | | | |  |  |  |
|  | **C.** các tia sáng từ Mặt Trời chiếu song song. | | | |  |  |  |
|  | **D.** trục Trái Đất nghiêng 66933° so với mặt phẳng quỹ đạo. | | | | | |  |
| **Câu 17:** Đâu không phải là ảnh hưởng của Biển Đông đến thiên nhiên nước ta? | | | | | | |  |
|  | **A.** Địa hình ven biển đa dạng. | | | |  |  |  |
|  | **B.** Mạng lưới sông ngòi dày đặc. | | | |  |  |  |
|  | **C.** Khí hậu mang tính hải dương điều hoà. | | | |  |  |  |
|  | **D.** Chịu ảnh hưởng nhiều bão, thiên tai, sạt lở bờ biển. | | | | | |  |
| **Câu 18:** Đông Nam Á biển đảo nằm trong đới khí hậu nào? | | | | | | |  |
|  | **A.** Khí hậu cận nhiệt đới. | | | | **B.** Khí hậu ôn đới. | |  |
|  | **C.** Khí hậu xích đạo. | | | | **D.** Khí hậu nhiệt đới lục địa. | | |
| **Câu 19:** Cho bảng số liệu: | | | | |  |  |  |
|  |  |  | SỰ BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH RỪNG CỦA NƯỚC TA | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Năm** |  | **Tổng diện tích rừng** |  | **Diện tích rừng tự nhiên** |  | **Độ che phủ rừng** |
|  |  |  | **(triệu ha)** |  | **(triệu ha)** |  | **(%)** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 1943 |  | 14,3 |  | 14,0 |  | 43,8 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 1975 |  | 9,6 |  | 9,5 |  | 29,1 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 1983 |  | 7,2 |  | 6,8 |  | 22,0 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 1990 |  | 9,2 |  | 8,4 |  | 27,0 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 1999 |  | 10,9 |  | 9,4 |  | 33,2 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 2003 |  | 12,1 |  | 10,0 |  | 36,1 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

(*Nguồn: Tổng cục Thống kê)*

Đâu là nhận định đúng nhất trong các nhận định sau?

**A.** Tổng diện tích rừng nước ta lớn, tăng đều theo các năm.

**B.** Diện tích rừng tự nhiên giảm liên tục từ năm 1943 đến nay.

**C.** Từ năm 1983 diện tích rừng tự nhiên tăng liên tục.

**D.** Độ che phủ rừng giảm đều theo các năm.

**Câu 20:** Đô thị hoá có tác động tích cực đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta vì sao? **A.** Ở nước ta tỉ lệ dân thành thị còn thấp.

**B.** Các đô thị ở nước ta có quy mô không lớn.

**C.** Các đô thị tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng.

**D.** Các đô thị có cơ sở hạ tầng tốt dễ thu hút đầu tư phát triển.

**Câu 21:** Tốc độ gia tăng dân số hàng năm của Nhật Bản thấp sẽ không dẫn đến hệ quả là gì? **A.** Thiếu nguồn lao động trong tương lai.

**B.** Tỉ lệ người già trong xã hội ngày càng tăng.

**C.** Tỉ lệ trẻ em ngày càng giảm.

**D.** Thừa lao động trong tương lai.

**Câu 22:** Liên bang Nga có đường bờ biển dài, tiếp giáp với hai đại dương lớn là **A.** Bắc Băng Dương và Thái Bình Dương.

**B.** Bắc Băng Dương và Đại Tây Dương.

**C.** Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

**D.** Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.

**Câu 23:** Khu vực tập trung công nghiệp gắn với các đô thị vừa và lớn đó là

**A.** điểm công nghiệp. **B.** khu công nghiệp.

**C.** trung tâm công nghiệp. **D.** vùng công nghiệp.

**Câu 24:** Ngành vận tải ô tô có ưu điểm gì?

**A.** Giá cước vận tải thấp nhất.

**B.** Vận chuyển nhanh nhất.

**C.** Dễ phối hợp với các loại hình vận tải khác.

**D.** Thích hợp với chở hàng cồng kềnh.

**Câu 25:** Hiện nay các ngành công nghiệp hiện đại của Hoa Kì tập trung ở vùng nào?

**A.** Phía tây bắc và ven Thái Bình Dương.

**B.** Phía đông nam và ven bờ Đại Tây Dương.

**C.** Phía nam và ven Thái Bình Dương.

**D.** Phía đông và ven vịnh Mêhicô.

**Câu 26:** Ngành hàng không của Hoa Kì vận chuyển số lượng khách hàng chiếm khoảng?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** 1/5 của toàn thế giới. | **B.** 1/4 của toàn thế giới. |
| **C.** 1/3 của toàn thế giới. | **D.** 1/2 của toàn thế giới. |

**Câu 27:** Vùng có thế mạnh nổi bật về tài nguyên thiên nhiên để phát triển ngành năng lượng và kinh tế

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| biển của nước ta là | | |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ. | | | | **B.** Đồng bằng sông Hồng. | | |  |  |
|  | **C.** Đông Nam Bộ. | | |  | **D.** Duyên hải miền Trung. | | |  |  |
| **Câu 28:** Nhân tố chính làm cho năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng cao nhất cả nước là do | | | | | | | | | |
|  | **A.** điều kiện khí hậu, thời tiết thuận lợi. | | | | **B.** đất phù sa sông Hồng rất màu mỡ. | | | | |
|  | **C.** hệ thống thuỷ lợi hoàn chỉnh. | | | | **D.** hệ số sử dụng đất rất cao. | | |  |  |
| **Câu 29:** Đâu là đặc điểm khí hậu nổi bật của Tây Nguyên? | | | | | |  |  |  |  |
|  | **A.** Nóng, ẩm quanh năm. | | |  | **B.** Mùa khô kéo dài 4-5 tháng. | | | | |
|  | **C.** Có sự phân hoá theo độ cao. | | | | **D.** Thời tiết ít biến động. | | |  |  |
| **Câu 30:** Cho bảng số liệu: | | | |  |  |  |  |  |  |
| KHỐI LƯỢNG HÀNG HOÁ VẬN CHUYỂN CỦA NƯỚC TA PHÂN THEO LOẠI HÌNH VẬN TẢI | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  | *(Đơn vị: nghìn tấn)* | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Năm** |  | **Đường sắt** | **Đường bộ** | **Đường sông** | **Đường biển** |  | **Đường hàng không** |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 2008 |  | 8.481,1 | 455.898,4 | 133.027,9 | 55.696,5 |  | 131,4 |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 2010 |  | 7.861, 5 | 587.014,2 | 144.227,0 | 61.593, 2 |  | 190,1 |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 2012 |  | 6.952,1 | 717.905,7 | 174.385,4 | 161.694,2 |  | 91,0 |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 2014 |  | 7.178,9 | 821.700,0 | 190.600,0 | 58.900,0 |  | 202 |  |
|  |  |  |  |  |  | *(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam)* | | | |

Nhận định nào sau đây chưa chính xác?

**A.** Các ngành vận tải tăng đều theo các năm.

**B.** Ngành vận tải đường sông tăng chậm hơn vận tải đường bộ.

**C.** Đường bộ có khối lượng hàng hoá vận chuyển lớn nhất.

**D.** Ngành hàng không tăng chậm hơn ngành đường bộ.

**Câu 31:** Chất lượng nguồn lao động nước ta được nâng lên nhờ

**A.** việc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

**B.** tăng cường xuất khẩu lao động sang các nước phát triển.

**C.** thành tựu trong phát triển văn hoá, giáo dục và y tế.

**D.** tăng cường dạy nghề, hướng nghiệp trong trường phổ thông

**Câu 32:** Thành phần loài nào sau đây không phải thuộc các cây họ nhiệt đới?

**A.** Dầu. **B.** Đỗ quyên. **C.** Dâu tằm. **D.** Đậu.

**Câu 33:** Chiếm tỉ lệ lớn nhất trong cơ cấu ngành trồng trọt hiện nay là

**A.** cây lương thực. **B.** cây rau đậu. **C.** cây công nghiệp. **D.** cây ăn quả.

**Câu 34:** Giải pháp quan trọng nhất để sử dụng hợp lí đất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là gì? **A.** Thay đổi cơ cấu mùa vụ.

**B.** Phá thế độc canh cây lúa, đa dạng hoá cây trồng.

**C.** Đẩy mạnh thâm canh tăng vụ.

**D.** Quy hoạch thuỷ lợi gắn với cải tạo đất.

**Câu 35:** Đâu là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta được ưu tiên đi trước một bước các ngành

công nghiệp khác?

**A.** Năng lượng. **B.** Chế tạo máy móc.

**C.** Vật liệu xây dựng. **D.** Điện năng.

**Câu 36:** Đường biển là loại hình có tốc độ tăng nhanh nhất trong việc vận chuyển hàng hoá thời gianqua vì

**A.** nước ta có điều kiện thuận lợi để phát triển ngành đường biển.

**B.** nước ta đang thực hiện chiến lược mở cửa hội nhập.

**C.** nhu cầu vận chuyển hàng xuất nhập khẩu rất lớn.

**D.** đây là ngành đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

**Câu 37:** Hạn chế lớn nhất của vùng núi đá vôi là

**A.** dễ xảy ra lũ nguồn, lũ quét.

**B.** dễ xảy ra cháy rừng.

**C.** thường khan hiếm nước vào mùa khô.

**D.** nhiều nguy cơ phát sinh ra động đất.

**Câu 38:** Ở độ cao từ 1600-1700 m là phạm vi phân bố của hệ sinh thái nào?

**A.** Rừng á nhiệt đới mưa mù trên đất mùn.

**B.** Rừng á nhiệt đới lá rộng.

**C.** Rừng á nhiệt đới lá kim.

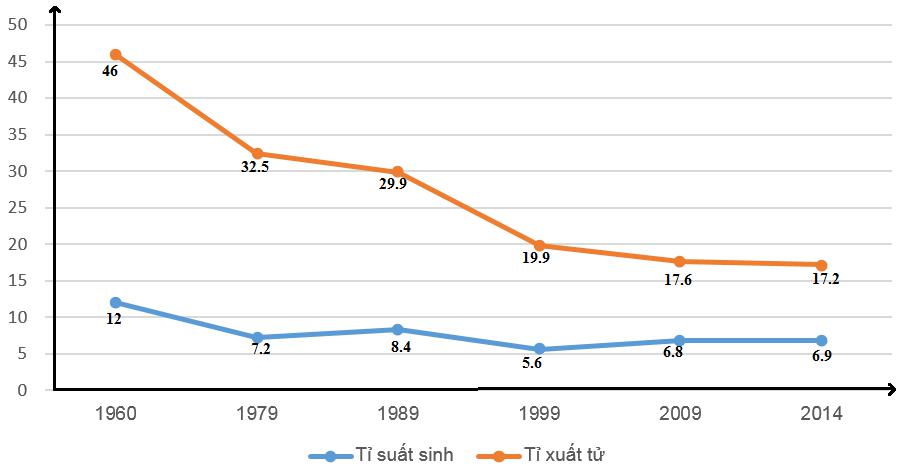
**D.** Rừng thưa nhiệt đới lá kim.

**Câu 39:** Chiếm tỉ trọng cao nhất trong giá trị hàng xuất khẩu của nước ta hiện nay là **A.** hàng công nghiệp nặng.

**B.** khoáng sản.

**C.** hàng nông lâm thuỷ sản.

**D.** hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.

**Câu 40:**BIỂU ĐỒ TỈ SUẤT SINH, TỈ SUẤT TỬ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1960 - 2014 Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào dưới đây là đúng?

**A.** Tỉ suất sinh của nước ta liên tục giảm.

**B.** Tỉ suất tử của nước ta không biến động.

**C.** Tỉ suất gia tăng tự nhiên có xu hướng giảm.

**D.** Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên giảm chủ yếu do tỉ suất tử tăng.

**----------- HẾT ----------**

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1-D** | **2-D** | **3-D** | **4-B** | **5-D** | **6-A** | **7-C** | **8-B** | **9-A** | **10-B** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **11-C** | **12-B** | **13-C** | **14-B** | **15-A** | **16-B** | **17-B** | **18-B** | **19-C** | **20-D** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **21-D** | **22-A** | **23-C** | **24-C** | **25-C** | **26-C** | **27-C** | **28-D** | **29-B** | **30-B** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **31-D** | **32-B** | **33-B** | **34-D** | **35-D** | **36-C** | **37-C** | **38-A** | **39-D** | **40-A** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**

**Câu 1: D**

Biên giới Việt - Lào: 2100 km.

Biên giới Việt - Trung: 1400 km

Biên giới Việt - Campuchia: 1100 km

**Câu 2: D**

Các ngành công nghiệp chủ yếu hiện nay của Duyên hải Nam Trung Bộ là: cơ khí, chế biến nông - lâm - ngư nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng.

**Câu 3: D**

Việt Nam nằm trên ngã tư đường hàng hải, hàng không quốc tế quan trọng. Thuận lợi cho giao lưu phát triển kinh tế. Vậy đáp án A là sai.

**Câu 4: B**

Than nâu phân bố chủ yếu ở Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 5: D**

Thung lũng sông Thu Bồn không thuộc vùng núi đông bắc, sông Thu Bồn thuộc Trường Sơn Nam.

**Câu 6: A**

Diện tích rừng 2,46 triệu ha (20% cả nước). Độ che phủ rừng là 47,8%, chỉ đứng sau Tây Nguyên. Diện tích rừng giàu tập trung ở vùng biên giới Việt - Lào, nhiều nhất ở Nghệ An, Quảng Bình, Thanh Hóa.

**Câu 7: C**

Từ Bắc cực đến Nam cực có bảy vòng đai nhiệt sau:

+Vòng đai nóng nằm giữa hai đường đẳng nhiệt năm +20°C của hai bán cầu (khoảng giữa hai vĩ tuyến 30°B và 30°N).

+ Hai vòng đai ôn hòa ở hai bán cầu nằm giữa các đường đẳng nhiệt năm + 20°C và đường đẳng nhiệt + 10°C của tháng nóng nhất.

* Hai vòng đai lạnh ở các vĩ độ cận cực của hai bán cầu, nằm giữa đường đẳng nhiệt + 10°C và 0°C của tháng nóng nhất.
* Hai vòng đai băng giá vĩnh cửu bao quanh cực, nhiệt độ quanh năm đều dưới 0°c.

**Câu 8: B**

Ngành giao thông vận tải trẻ tuổi, có tốc độ phát triển nhanh, sử dụng có hiệu quả những thành tựu mới nhất của khoa học – kĩ thuật là ngành hàng không.

**Câu 12: B**

Sông bắt nguồn từ Lào và chảy về Việt Nam là sông Cả.

**Câu 13: C**

Biên Hoà thuộc phân cấp đô thị loại 2.

**Câu 14: B**

Khu kinh tế ven biển Hòn La thuộc tỉnh Quảng Bình.

**Câu 15: A**

Vùng Đồng bằng sông Hồng thuộc ngữ hệ Nam Á.

**Câu 16: B**

Hình khối cầu của Trái Đất luôn được Mặt trời chiếu sáng một nửa, vì thế đã sinh ra ngày và đêm, do Trái Đất tự quay quanh trục, nên mọi nơi bề mặt của Trái Đất đều lần lượt được Mặt Trời chiếu sáng.

**Câu 17: B**

Đặc điểm không phải là ảnh hưởng của Biển Đông đến thiên nhiên nước ta là mạng lưới sông ngòi dày đặc.

**Câu 18: B**

Đông Nam Á biển đảo nằm trong đới khí hậu xích đạo và nhiệt đới gió mùa.

**Câu 19: C**

Qua bảng số liệu ta thấy,

* Tổng diện tích rừng nước ta lớn, tăng đều theo các năm=>Sai.
* Diện tích rừng tự nhiên giảm liên tục từ năm 1943 đến nay => Sai. 19 C
* Tổng diện tích rừng tự nhiên ở nước ta tăng liên tục từ năm 1983 đến năm 2003. Vì vậy, đáp án C là đúng.

**Câu 20: D**

* Độ che phủ rừng giảm đều theo các năm => Sai.

Đô thị hoá có tác động tích cực đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta vì các đô thị có cơ sở hạ tầng tốt dễ thu hút đầu tư phát triển. Điều này sẽ tác động rất tích cực đến việc phát triển kinh tế của nước ta.

**Câu 21: D**

Tốc độ gia tăng dân số hằng năm của Nhật Bản thấp sẽ không dẫn đến hệ quả là thừa lao động trong lương lai.

**Câu 22: A**

* Diện tích lớn nhất thế giới, nằm ở cả hai châu lục Á, Âu.
* Đường biên giới dài xấp xỉ chiều dài Xích đạo. Đất nước trải dài trên 11 múi giờ, giáp 14 nước.
* Đường bờ biển dài: phía bắc giáp Bắc Băng Dương, phía đông giáp Thái Bình Dương, phía tây và tây nam giáp biển Ban-tích, Biển Đen, biển Ca-xpi.

**Câu 23: C**

Khu vực tập trung công nghiệp gắn với các đô thị vừa và lớn đó là các trung tâm công nghiệp.

**Câu 24: C**

Ngành vận tải ô tô có ưu điểm đó là dễ phối hợp với các loại hình vận tải khác. Ngoài ra, nó còn có các ưu điểm như: thuận tiện, tính cơ động cao, thích nghi với mọi loại địa hình.

**Câu 25: C**

Phân bố công nghiệp hiện đại của Hoa Kì. Trước đây: tập trung ở đông bắc với các ngành truyền thống.

Hiện nay: mở rộng xuống phía nam và Thái Bình Dương với các ngành hiện đại.

**Câu 26: C**

Hoa Kì có số sân bay nhiều nhất thế giới với khoảng 30 hãng hàng không lớn hoạt động. Ngành hàng không của Hoa Kì vận chuyển số lượng khách hàng chiếm khoảng 1/3 của toàn thế giới.

**Câu 27: C**

Vùng có thể mạnh nổi bật về tài nguyên thiên nhiên để phát triển ngành năng lượng và kinh tế biển của nước ta là vùng Đông Nam Bộ.

**Câu 28: D**

Nhân tố chính làm cho năng suất lúa của Đồng bằng sông Hồng cao nhất cả nước ta là do hệ số sử dụng đất cao.

**Câu 29: B**

Đâu là đặc điểm khí hậu nổi bật của Tây Nguyên là mùa khô kéo dài từ 4 - 5 tháng.

**Câu 30: B**

Qua bảng số liệu ta thấy:

* Nhận định các ngành vận tải đều tăng đều theo các năm là nhận định chưa chính xác.
* Ngành vận tải đường sống tăng chậm hơn vận tải đường bộ=>Đúng. - Đường bộ có khối lượng hàng hoá vận chuyển lớn nhất =>Đúng.
* Ngành hàng không tăng chậm hơn ngành đường bộ => Đúng.

**Câu 31: D**

Chất lượng nguồn lao động nước ta được nâng lên nhờ thành tựu trong phát triển văn hoá, giáo dục và y tế.

**Câu 32: B**

Thành phần loài không phải thuộc các cây họ nhiệt đới là cây đỗ quyên (ôn đới).

**Câu 33: B**

Chiếm tỉ lệ lớn nhất trong cơ cấu ngành trồng trọt hiện nay là cây lương thực.

**Câu 34: D**

Giải pháp quan trọng nhất để sử dụng hợp lí đất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là quy hoạch thuỷ lợi gắn với cải tạo đất.

**Câu 35: D**

Ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta được ưu tiên đi trước một bước các ngành công nghiệp khác là ngành điện năng.

**Câu 36: C**

Đường biển là loại hình có tốc độ tăng nhanh nhất trong việc vận chuyển hàng hoá thời gian qua vì nhu cầu vận chuyển hàng xuất nhập khẩu rất lớn.

**Câu 37: C**

Hạn chế lớn nhất của vùng núi đá vôi là thường khan hiếm nước vào mua khô.

**Câu 38: A**

* độ cao từ 1600 -1700 m là phạm vi phân bố của hệ sinh thái rừng á nhiệt đới mưa mù trên đất mùn.

**Câu 39: D**

Chiếm tỉ trọng cao nhất trong giá trị hàng xuất khẩu của nước ta hiện nay là hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.

**Câu 40:A**

Qua biểu đồ ta thấy:

- Tỉ suất sinh của nước ta liên tục giảm => Đúng - Tỉ suất tử của nước ta không biến động => Sai.

- Tỉ suất gia tăng tự nhiên có xu hướng giảm=> Sai.

- Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên giảm chủ yếu do tỉ suất tử tăng => Sai.

**CHUYÊN GIA LUYỆN THI**

**MEGABOOK**

**<*Chuẩn theo cấu trúc của bộ*>**

**Mã đề: 10**

**ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA**

**NĂM HỌC 2018 – 2019**

**Môn: Địa lí**

*Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề*

**Câu 1:** Mùa mưa bão của nước ta tập trung nhiều nhất vào tháng

**A.** tháng V. **B.** tháng IX. **C.** tháng VI. **D.** tháng X.

**Câu 2:** Ý nào dưới đây là đúng khi nói về ngành thuỷ sản của nước ta hiện nay?

**A.** Phương tiện tàu thuyền ngư cụ còn lạc hậu, không được trang bị mới.

**B.** Các dịch vụ thuỷ sản ngày càng phát triển.

**C.** Chưa hình thành các cơ sở chế biến thuỷ sản.

**D.** Các mặt hàng thuỷ sản chưa được chấp nhận trên thị trường Hoa Kì.

**Câu 3.** Vùng biển nước ta không tiếp giáp với vùng biển của quốc gia nào?

**A.** Trung Quốc. **B.** Thái Lan. **C.** Mianma. **D.** Philippin.

**Câu 4:** Yếu tố nào tạo nên sự phân hóa theo mùa của thiên nhiên nước ta?

**A.** Yếu tố khí hậu. **B.** Yếu tố biển.

**C.** Yếu tố vị trí và hình thể. **D.** Yếu tố địa hình.

**Câu 5:** Hướng địa hình của vùng núi đông bắc là

**A.** hướng vòng cung. **B.** hướng đông bắc-tây nam.

**C.** hướng đông-tây. **D.** thấp dần từ tây bắc-đông nam.

**Câu 6:** Điều kiện nào dưới đây là đúng với vùng Bắc Trung Bộ trong phát triển công nghiệp?

**A.** Có nguồn lao động với chất lượng cao nhất cả nước.

**B.** Có cửa ngõ thông ra biển để mở rộng sự giao lưu với các nước.

**C.** Giáp với Tây Nguyên, có nguồn nguyên liệu dồi dào từ nông-lâm nghiệp.

**D.** Có cơ sở vật chất kĩ thuật tốt phục vụ cho công nghiệp.

**Câu 7:** Ảnh hưởng lớn nhất của đô thị hoá tới sự phát triển kinh tế nước ta là

**A.** mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá.

**B.** tăng tỉ lệ lực lượng lao động có chuyên môn kĩ thuật.

**C.** tác động tới quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**D.** tăng cường thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

**Câu 8:** Rừng thưa nhiệt đới khô ở nước ta tập trung nhiều nhất ở đâu?

**A.** tây bắc. **B.** Tây Nguyên. **C.** Đông Bắc. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 9:** Điền vào câu sau: “Thiên nhiên vùng biển nước ta đa dạng và giàu có, tiêu biểu cho thiên nhiênvùng biển...”

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** nhiệt đới gió mùa. | **B.** nhiệt đới. | **C.** cận nhiệt. | **D.** ôn đới. |
| **Câu 10:** Đai cận nhiệt gió mùa trên núi ở miền Bắc có độ cao bao nhiêu? | | |  |
| **A.** Từ 600 – 700 m đến 2600 m. | | **B.** Từ 900 – 1000 m đến 2600 m. | |
| **C.** Từ 600 – 700 m đến 1700 m. | | **D.** Từ 900 – 1000 m đến 1700 m. | |
| **Câu 11:** Cây công nghiệp hằng năm có hiệu quả kinh tế cao của nước ta là | | |  |
| **A.** cà phê, cao su, mía. |  | **B.** lạc, bông, chè. |  |
| **C.** mía, lạc, đậu tương. |  | **D.** lạc, chè, thuốc lá. |  |

**Câu 12:** Vào giữa và cuối mùa hạ, do áp thấp Bắc Bộ nên gió mùa Tây Nam khi vào Bắc Bộ chuyển-

hướng thành

**A.** đông bắc. **B.** đông nam. **C.** tây bắc. **D.** đồng tây.

**Câu 13:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 8 xác định đâu là mỏ khí tự nhiên?

**A.** Hồng Ngọc. **B.** Rạng Đông. **C.** Tiền Hải. **D.** Bạch Hổ.

**Câu 14:** Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 11 xác định đất xám trên phù sa cổ tập trung nhiều nhấtkhu vực nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** Đồng bằng sông Cửu Long. | **B.** Đông Nam Bộ. |
| **C.** Trung du miền núi phía bắc. | **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ. |

**Câu 15:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17 trung tâm kinh tế nào không thuộc vùng Trung du miền

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| núi phía bắc? | |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **A.** Thái Nguyên. | **B.** Hạ Long. | | **C.** Vĩnh Phúc. | | | | **D.** Hải Phòng. | |
| **Câu 16:** Khí hậu của đại cận nhiệt đới giómùa trên núi có đặc điểm là? | | | | | | | |  |  |
|  | **A.** khí hậu có tính chất ôn đới, quanh năm nhiệt độ dưới 15°C. | | | | | | |  |  |
|  | **B.** khí hậu nóng quanh năm, ít khi nhiệt độ xuống dưới 20°C | | | | |  |  |  |  |
|  | **C.** khí hậu mát mẻ, không có tháng nào nhiệt độ trên 25°C. | | | | |  |  |  |  |
|  | **D.** mùa hạ nóng trên 25°C, mùa đông lạnh dưới 15°C. | | | | |  |  |  |  |
| **Câu 17:** Cho bảng số liệu | |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | MỘT SỐ MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ YẾU | | | | | |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  | *(Đơn vị: triệu đô la Mỹ)* | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Một số sản phẩm** |  | **2010** | **2012** |  | **2013** |  | **2015** |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Dầu thô |  | 5.023,5 | 8.211,9 |  | 7.226,4 |  | 3.710,2 |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Than đá |  | 1.614,6 | 1.239,8 |  | 914,1 |  | 185,1 |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Hạt tiêu |  | 421,5 | 793,7 |  | 889,8 |  | 1.259,4 |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Cà phê |  | 1.851,4 | 3.674,4 |  | 2.717,3 |  | 2.671,3 |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Cao su |  | 2.386.2 | 2.860,2 |  | 2.486,9 |  | 1.531,5 |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Gạo |  | 3.249,5 | 3.673,7 |  | 2.922,7 |  | 2.798,9 |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  | |  |
|  |  |  |  |  |  | *(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam)* | | | |

Nhận định nào sau đây là đúng?

**A.** Giá trị dầu thô tăng từ năm 2010 đến năm 2015.

**B.** Giá trị cao su và gạo tăng từ năm 2010 đến năm 2015.

**C.** Giá trị hạt tiêu giảm từ năm 2010 đến 2015.

**D.** Giá trị cà phê tăng chậm hơn hạt tiêu.

**Câu 18:** Hiện nay, tỉ lệ tăng dân số của nước ta đang giảm là do **A.** những người trong độ tuổi sinh đẻ giảm.

**B.** có nhiều người Việt Nam di cư ra nước ngoài làm ăn sinh sống.

**C.** kết quả của việc thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình.

**D.** kinh tế ngày càng phát triển, đời sống ngày càng được nâng cao.

**Câu 19:** So với mức bình quân của thế giới, tỉ lệ dân thành thị của nước ta còn thấp. Nguyên nhân chínhlà do

**A.** dân Việt Nam thích sống ở nông thôn hơn.

**B.** kinh tế nước ta còn chậm phát triển.

**C.** nước ta mới ở giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hoá.

**D.** nông nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo của nước ta.

**Câu 20:** Khu vực kinh tế chiếm tuyệt đại bộ phận lao động của nước ta hiện nay là

**A.** quốc doanh. **B.** ngoài quốc doanh.

**C.** tư nhân. **D.** có vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 21:** Ở nước ta, năng suất lao động xã hội chưa cao đã làm cho

**A.** chất lượng lao động khó được nâng cao.

**B.** quá trình phân công lao động xã hội chậm chuyển biến.

**C.** tình trạng việc làm ngày càng căng thẳng.

**D.** sự phân bố lao động giữa các vùng ngày càng chênh lệch.

**Câu 22:** Đâu là vùng nuôi tôm lớn nhất ở nước ta?

**A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 23:** Đối với nước ta, việc sử dụng hợp lý đất đai có ý nghĩa to lớn trong việc sử dụng hợp lý tàinguyên, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường vì

**A.** nông nghiệp còn đóng vai trò vô cùng quan trọng trong nền kinh tế nước ta.

**B.** nước ta đất hẹp, người đồng trong khi 3/4 diện tích lãnh thổ là đồi núi.

**C.** tài nguyên đất của nước ta bị suy giảm nghiêm trọng nhất trong các loại tài nguyên.

**D.** tài nguyên đất của nước ta không sử dụng hợp lý trong một thời gian quá dài.

**Câu 24:** Hai loại đất hiện đang phát triển ngược chiều nhau đã thể hiện một xu thế phát triển tích cựcnước ta. Đó là

**A.** đất nông nghiệp và đất lâm nghiệp.

**B.** đất nông nghiệp và đất chuyên dùng thổ cư.

**C.** đất lâm nghiệp và đất chuyên dùng thổ cư.

**D.** đất chuyên dùng thổ cư và đất chưa sử dụng.

**Câu 25:** Nơi có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất ở Việt Nam là **A.** Tây Nguyên.

**B.** Đồng bằng Duyên hải miền Trung.

**C.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**D.** Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 26:** Sự khác biệt về hướng chuyên môn hóa cây công nghiệp giữa Trung du miền núi Bắc Bộ và Tây

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nguyên chủ yếu là do sự khác biệt về | |  |  |
| **A.** địa hình. | **B.** khí hậu. | **C.** đất. | **D.** sông ngòi. |
| **Câu 27:** Đông Nam Bộ là vùng chuyên canh cây công nghiệp thứ mấy của cả nước? | | | |
| **A.** Thứ 1. | **B.** Thứ 2. | **C.** Thứ 3. | **D.** Thứ 4. |

**Câu 28:** Vấn đề nổi bật trong phát triển tổng hợp kinh tế biển ở Đông Nam Bộ là gì?

**A.** Phát triển hệ thống thủy lợi do có mùa khô sâu sắc.

**B.** Giải quyết môi trường trong khai thác, vận chuyển, chế biến dầu mỏ.

**C.** Tăng cường lực lượng lao động.

**D.** Bảo vệ rừng ngập mặn.

**Câu 29:** Về mùa đông, từ Đà Nẵng trở vào Nam loại gió nào sau đây chiếm ưu thế?

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **A.** Gió mùa đông bắc. |  | **B.** Gió phơn Tây Nam. | | |  |
|  | **C.** Tín phong bán cầu Bắc. |  | **D.** Tín phong bán cầu Nam. | | | |
| **Câu 30:** Cho bảng số liệu: | |  |  |  |  |  |
|  | DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005 - 2014 | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Năm** | **2005** | **2009** | **2011** |  | **2014** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  | Diện tích (*nghìn ha*) | 7.329,2 | 7.437,2 | 7.655,4 |  | 7.816,2 |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  | Sản lượng (*nghìn tấn*) | 35.832,9 | 38.950,2 | 42.398,5 |  | 44.974,6 |
|  |  |  |  |  |  |  |

*(Nguồn:Tổng cục Thống kê)*

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng lúa nước ta giai đoạn 2005 - 2014, biểu đồ nào sau

đây thích hợp nhất?

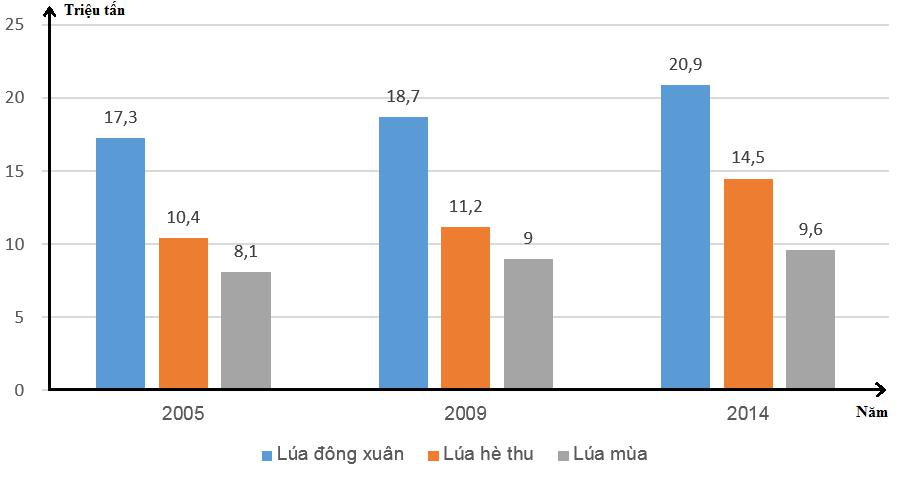
**A.** Biểu đồ kết hợp.

**B.** Biểu đồ miền.

**C.** Biểu đồ đường.

**D.** Biểu đồ cột.

**Câu 31:** Cho biểu đồ:



SẢN LƯỢNG LÚA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 – 2014

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng lúa nước ta giai đoạn 2005 - 2014? | | | | |  |  |
| **A.** Lúa hè thu tăng không liên tục. | |  |  |  |  |  |
| **B.** Tổng sản lượng lúa từng năm có xu hướng giảm. | | | |  |  |  |
| **C.** Lúa đông xuân tăng liên tục. | |  |  |  |  |  |
| **D.** Lúa mùa luôn có sản lượng cao nhất. | |  |  |  |  |  |
| **Câu 32:** Đặc điểm đặc trưng nhất của nền nông nghiệp nước ta là | | | |  |  |  |
| **A.** Có sản phẩm đa dạng. | |  |  |  |  |  |
| **B.** Nông nghiệp nhiệt đới. | |  |  |  |  |  |
| **C.** Nông nghiệp thâm canh trình độ cao. | |  |  |  |  |  |
| **D.** Nông nghiệp đang được hiện đại hoá và cơ giới hóa. | | | |  |  |  |
| **Câu 33:** Vùng có diện tích cây đậu tương lớn nhất cả nước là | | | |  |  |  |
| **A.** Đồng bằng sông Hồng. | | **B.** Trung du và miền núi Bắc Bộ. | | | | |
| **C.** Đồng bằng sông Cửu Long. | | **D.** Đông Nam Bộ. | | |  |  |
| **Câu 34:** Cho bảng số liệu sau đây: | |  |  |  |  |  |
|  | CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU MỘT SỐ SẢN PHẨM TỪ NĂM 2010 – 2014 | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cơ cấu giá trị xuất khẩu** | **2010** |  | **2012** | **2014** |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  | Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản | 31 |  | 42,1 | 44 |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  | Hàng CN nhẹ và TTCN | 46,1 |  | 37,8 | 39,4 |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  | Hàng nông sản | 14,7 |  | 13,5 | 10,1 |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  | Hàng lâm sản | 1,1 |  | 1,2 | 1,3 |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  | Hàng thủy sản | 5 |  | 5,3 | 5,2 |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  | Vàng phi tiền tệ | 0,1 |  | 0,1 | 0 |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

*(Nguồn:Tổng cục Thống kê Việt Nam)*

Qua bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây là đúng?

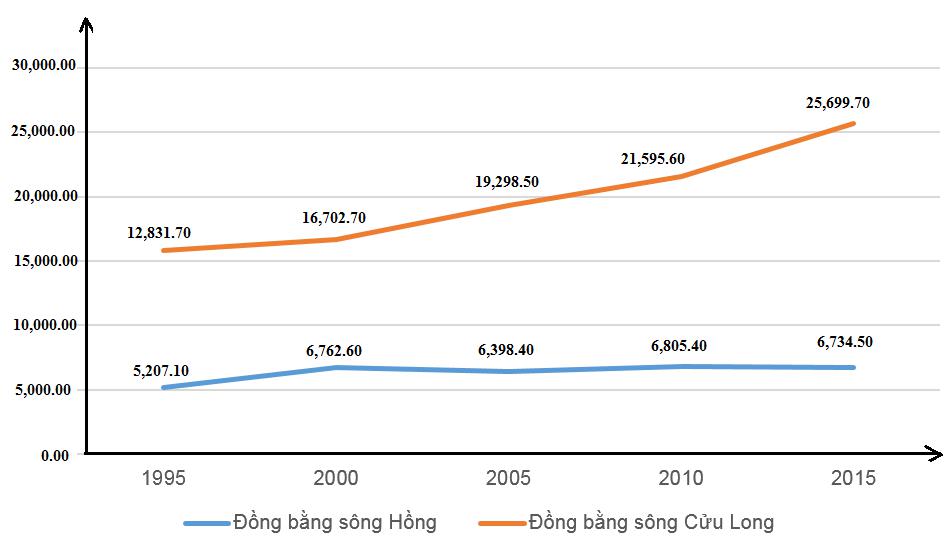
**A.** Cơ cấu giá trị xuất khẩu tăng liên tục.

**B.** Năm 2014, công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp chiếm tỉ trọng cao nhất.

**C.** Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản, hàng lâm sản có xu hướng tăng.

**D.** Năm 2014, hàng thuỷ sản chiếm tỉ trọng nhỏ nhất.

**Câu 35:** Cho biểu đồ dưới đây:



SẢN LƯỢNG LÚA CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG *(Đơn vị: nghìn tấn)*

Qua biểu đồ trên nhận định nào sau đây là đúng?

**A.** sản lượng lúa của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long tăng liên tục.

**B.** sản lượng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long tăng nhanh hơn Đồng bằng sông Hồng.

**C.** sản lượng lúa của Đồng bằng sông Hồng năm 1995 cao gấp 2,3 lần.

**D.** sản lượng lúa của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long giảm.

**Câu 36:** Quan sát biểu đồ Dân số Việt Nam trang 15 Atlat Địa lí Việt Nam. Nhận định nào dưới đây làđúng?

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A.** Tỉ lệ dân thành thị nhiều hơn tỉ lệ dân nông thôn. | | | | | |  |  |
| **B.** Tỉ lệ dân thành thị hiện nay đang có xu hướng giảm nhẹ. | | | | | |  |  |
| **C.** Dân số nông thôn có xu hướng giảm. | | | |  |  |  |  |
| **D.** Quy mô dân số nước ta ngày càng giảm. | | | |  |  |  |  |
| **Câu 37:** Chiếm tỉ lệ lao động cao nhất hiện nay là | | | |  |  |  |  |
| **A.** lao động hoạt động trong ngành dịch vụ. | | | |  |  |  |  |
| **B.** lao động hoạt động trong ngành công nghiệp. | | | |  |  |  |  |
| **C.** lao động hoạt động trong ngành xây dựng. | | | |  |  |  |  |
| **D.** lao động hoạt động trong ngành nông-lâm-ngư nghiệp. | | | | | |  |  |
| **Câu 38:** Vùng Duyên hải miền Trung là vùng có thế mạnh về: | | | | | |  |  |
| **A.** Trồng cây công nghiệp. | | | | **B.** Chăn nuôi lợn, gia cầm. | |  |  |
| **C.** Nuôi trồng thủy sản. | |  |  | **D.** Sản xuất lúa nước. | |  |  |
| **Câu 39:** Tổng chiều dài đường sắt nước ta là | | | |  |  |  |  |
| **A.** 2100 km. | | **B.** 3260 km. | | **C.** 3143 km | | **D.** 4313 km. | |
| **Câu 40:** Cho bảng số liệu dưới đây: | | | |  |  |  |  |
| DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CỦA CẢ NƯỚC TỪ NĂM 1990 ĐẾN NĂM 2015 | | | | | | | |
|  |  |  |  | |  | |  |
|  | **Năm** |  | **Diện tchs (Nghìn ha)** | | **Sản lượng (Nghìn tấn)** | |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 1990 |  | 6.042,8 |  | 19.225,1 |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 1995 |  | 6.765,6 |  | 24.963,7 |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 2000 |  | 7.666,3 |  | 32.529,5 |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 2005 |  | 7.329,2 |  | 35.832,9 |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 2010 | 7.489,4 | 40.005,6 |
|  |  |  |
| 2015 | 7.834,9 | 45.215,6 |
|  |  |  |

*(Nguồn Tổng cục Thống kê Việt Nam)*

Để vẽ biểu đồ thể hiện diện tích và sản lượng lúa nước ta từ năm 1990 đến 2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

**A.** Biểu đồ tròn.

**C.** Biểu đồ kết hợp cột và đường.

**B.** Biểu đồ miền.

**D.** Biểu đồ đường.

**----------- HẾT ----------**

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1-C** | **2-B** | **3-C** | **4-A** | **5-A** | **6-B** | **7-B** | **8-C** | **9-B** | **10-A** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **11-C** | **12-B** | **13-C** | **14-B** | **15-C** | **16-C** | **17-D** | **18-C** | **19-C** | **20-C** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **21-B** | **22-C** | **23-B** | **24-D** | **25-D** | **26-B** | **27-C** | **28-B** | **29-C** | **30-C** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **31-C** | **32-B** | **33-B** | **34-C** | **35-B** | **36-C** | **37-D** | **38-C** | **39-C** | **40-C** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**

**Câu 1: C**

Mùa mưa bão của nước ta tập trung nhiều nhất vào tháng IX sau đó đến tháng X và tháng VIII.

**Câu 2: B**

Ngành thuỷ sản của nước ta hiện nay có các dịch vụ thuỷ sản và mở rộng chế biến thuỷ sản.

**Câu 3: C**

Trên biển:

Phía bắc nước ta giáp với Trung Quốc.

Phái tây nước ta giáp với Thái Lan.

Phía nam nước ta giáp với Ma-lai-xi-a, Bru-nây, Xin-ga-po, In-đô-nê-xi-a.

Phía đông nước ta giáp với Phi-líp-pin.

=>Không giáp Mi-an-ma.

**Câu 4: A**

Yếu tố tạo nên sự phân hóa theo mùa của thiên nhiên là yếu tố khí hậu.

**Câu 5: A**

Hướng địa hình của vùng núi đông bắc là hướng vòng cung.

**Câu 6: B**

Điều kiện đúng với vùng Bắc Trung Bộ trong phát triển công nghiệp: Có cửa ngõ thông ra biển để mở rộng sự giao lưu với các nước.

**Câu 7: B**

Ảnh hưởng lớn nhất của đô thị hoá tới sự phát triển kinh tế nước ta là tác động tới quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**Câu 8: C**

Rừng thưa nhiệt đới khô ở nước ta tập trung nhiều nhất ở Tây Nguyên.

**Câu 9: B**

Thiên nhiên vùng biển nước ta đa dạng và giàu có, tiêu biểu cho thiên nhiên vùng biến nhiệt đới.

**Câu 10: A**

Đai cận nhiệt gió mùa trên núi ở miền Bắc có độ cao từ:

600 – 700 m đến 2600 m.

**Câu 11: C**

Cây công nghiệp hằng năm có hiệu quả kinh tế cao của nước ta là: mía, lạc, đậu tương.

**Câu 12: B**

Vào giữa và cuối mùa hạ, do áp thấp Bắc Bộ nên gió mùa Tây Nam khi vào Bắc Bộ chuyển hướng thành đông nam.

**Câu 13: C**

Qua Atlat Địa lí Việt Nam trang 8, ta thấy mỏ khí tự nhiên là mở Tiền Hải (Thái Bình).

**Câu 14: B**

Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 11, xám trên phù sa cổ tập trung nhiều nhất ở khu vực Đông Nam Bộ.

**Câu 15: C**

Atlat Địa lí Việt Nam trang 17 trung tâm kinh tế không thuộc vùng Trung du miền núi phía bắc là Vĩnh Phúc.

**Câu 16: C**

Cận nhiệt đới gió mùa:

* Khí hậu mát mẻ, mưa nhiều.
* Không có tháng nào nhiệt độ trên 25°C.

**Câu 17: D**

* Qua bảng số liệu, ta thấy:

Giá trị dầu thô tăng từ năm 2010 đến năm 2015 => Sai.

Giá trị cao su và gạo tăng từ năm 2010 đến năm 2015=> Sai.

Giá trị hạt tiêu giảm từ năm 2010 đến 2015 => Sai.

Giá trị cà phê tăng chậm hơn hạt tiêu=> Đúng.

**Câu 18: C**

Hiện nay, tỉ lệ tăng dân số của nước ta đang giảm là do kết quả của việc thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình.

**Câu 19: C**

So với mức bình quân của thế giới, tỉ lệ dân thành thị của nước ta còn thấp. Nguyên nhân chính là do nước ta đang ở giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hoá.

**Câu 20: C**

Khu vực kinh tế chiếm tuyệt đại bộ phận lao động của nước ta hiện nay là khu vực ngoài quốc doanh.

**Câu 27: C**

Đông Nam Bộ là vùng chuyên canh cây công nghiệp số 1 của cả nước.

**Câu 28: B**

Vấn đề nổi bật trong phát triển tổng hợp kinh tế biển ở Đông Nam Bộ là vấn đề giải quyết môi trường trong khai thác, vận chuyển, chế biến dầu mỏ.

**Câu 29: C**

Về mùa đông, từ Đà Nẵng trở vào Nam loại gió chiếm ưu thế là gió Tín phong Bắc bán cầu.

**Câu 30: C**

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng lúa nước ta giai đoạn 2005 - 2014, biểu đồ thích hợp nhất là biểu đồ đường.

**Câu 31: C**

Qua biểu đồ ta thấy:

* Lúa hè thu tăng không liên tục =>Sai.
* Tổng sản lượng lúa từng năm có xu hướng giảm => Sai.
* Lúa đông xuân tăng liên tục => Đúng.
* Lúa mùa luôn có sản lượng cao nhất =>Sai.

**Câu 32: B**

Đặc điểm đặc trưng nhất của nền nông nghiệp nước ta là chúng ta có thể phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.

**Câu 33: B**

Vùng có diện tích cây đậu tương lớn nhất cả nước là Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Câu 34: C**

Qua bảng số liệu ta thấy, hàng công nghiệp nặng và khoáng sản, hàng lâm sản có xu hướng tăng là đáp án đúng.

**Câu 35: B**

Qua biểu đồ trên ta thấy, sản lượng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long tăng nhanh hơn Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 36: C**

Quan sát biểu đồ Dân số Việt Nam trang 15 Atlat Địa lí Việt Nam ta thấy, dân số nông thôn có xu hướng giảm.

**Câu 37: D**

Hiện nay, lao động trong ngành nông - lâm - ngư nghiệp vẫn chiếm tỉ trọng cao nhất.

**Câu 38: C**

Vùng Duyên hải miền Trung có thế mạnh về nuôi trồng thuỷ sản.

**Câu 39: C**

Tổng chiều dài đường sắt là 3143 km.

**Câu 40: C**

Dựa vào bảng số liệu và yêu cầu đề bài, để thể hiện được diện tích và sản lượng lúa nước ta từ năm 1990 đến năm 2015, biểu đồ kết hợp cột và đường là phù hợp nhất.